

CỔ VÃ VIỆT NAM

**ĐỒ CHỮ**

**LỤC**  
**VĂN TIỂN**

Sửa lũng hơ vớ. của c. Trương Vĩnh Ký  
phát hành năm 1886 gồm có 21.7 c. in 2.076 câu

**ĐI** **CH** **PH**  
**CH** **J** **H** **CH**

**IN LẦN THỨ BA**  
Sửa - chữa cũn - th in

ma



CỔ VĂN VIỆT NAM

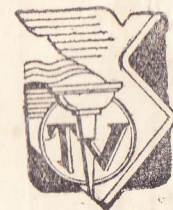
**ĐỒ CHIỆU**

**LỤC  
VÂN TIÊN**

*Sửa đúng theo bản của cụ Trương Vĩnh Ký  
phát-hành năm 1889 gồm có 21 đoạn 2.076 câu*

CÓ THÊM PHẦN  
CHÚ - THÍCH

IN LẦN THỨ BA  
*Sửa-chữa cẩn-thận*



SÁCH GIÁO-KHOA

**TÂN VIỆT**



## MẤY LỜI TRẦN TÌNH

Quyển « **Lục Vân Tiên** » của cụ **Đồ Chiểu** (1.822 — 1888), từ xưa đến nay đã được chú ý đến rất nhiều.

Không kể những bản dịch **Lục Vân Tiên** ra chữ Pháp, do mấy ông G. Aubaret, Abel des Michels, Bajot đã ra công dịch hoặc bằng văn vần, hoặc bằng văn xuôi, kể riêng về những bản chuyển dịch nguyên bản chữ nôm ra quốc-ngữ, có đến hơn hai mươi bản. Ấy là chưa nói đến những bản **Lục Vân Tiên** mới cho in lại gần đây, hoặc ra thành sách, hoặc đăng vào báo hằng tuần.

Làm sao chắc bản nào là đúng với nguyên bản của cụ **Đồ Chiểu** ?

Chúng tôi đã khổ công cân-nhắc, nhưng vẫn thấy khó mà tìm cho ra, và dám nói quyết bản nào là bản ưng ý nhất đối với bạn đọc gêu-mến quốc-văn cùng quý-trọng nguyên-tác.

Tuy-nhiên, chắc bạn đọc cũng như chúng tôi, không vì vậy mà đành chịu, không lo giữ-gìn những bản còn có thể tin được là đúng. Nhất là trong thời bình lửa đã làm mất đi rất nhiều những áng cổ-văn quý giá.

Trải qua một thời-gian đình-đốn khá lâu, thận-trọng so-sánh, suy-nghiệm từng lời-lẽ trong các bản **Lục Vân Tiên**, hôm nay, chúng tôi không ngần-



ngại mà chọn nguyên bản của cụ P. J. B. Trương Vĩnh Ký (1.837 — 1.897) làm tiêu-chuẩn, và mạo-muội thêm phần chú-thích :

để bảo-tồn một áng cổ-văn mà văn-thẻ rất bình-dân — nhưng không vì lẽ rất bình-dân mà bản **Lục Vân Tiên** kém hay — trái lại thì có — hầu có làm vừa ý được phần nào đối với những bạn yêu quốc-văn, nhất là văn-chương bình-dân.

Và nếu có thêm phần chú-thích, là vì chúng tôi muốn giúp cho những học-sinh cũng có lòng yêu quốc-văn mạnh-mẽ nhưng lại yếu quốc-văn vậy.

Còn vì sao chúng tôi đã chọn bản **Lục Vân Tiên** do cụ Trương Vĩnh Ký dịch ra quốc-ngữ ?

Một lẽ dễ hiểu là cụ Trương Vĩnh vừa là người đồng thời với cụ Đồ Chiểu, lại vừa là nhà bác-học đã được đứng vào hàng thứ 17 trong 18 vị nổi danh trên thế-giới. Bấy nhiêu đủ là một ấn-chứng khiến cho chúng ta tin-cần.

Tuy-nhiên, trong bản in này, nếu có một đôi chỗ mà chúng tôi nghi-ngờ, dám xin mạo-muội lạm bình, lạm sửa. Ấy là vì lòng yêu quốc-văn và lòng trọng cụ Đồ Chiểu, nên thử đổi vị-trí của một vài chữ trong câu xem sao, hầu có thể làm hay hơn được chăng ? Nhưng đó là một phần nhỏ — rất nhỏ — vì dù sao chúng tôi vẫn thận-trọng không dám tự-lung tự-tác, nên những chỗ lạm bình ấy, dưới phần chú-thích chúng tôi vẫn chép lại những câu của cụ Trương Vĩnh để bạn đọc dễ bề so-sánh. Và những chữ nào chúng tôi có ý ngờ, đều xin ghi rõ, để hoàn-toàn chịu trách-nhiệm. Và chúng tôi vẫn tuân đúng theo bản của cụ Trương Vĩnh Ký hầu hết.

Dám xin những bậc cao-minh lượng cho tắc lòng chân-thành của chúng tôi mà tha thứ nếu có điều chi lầm-lỗi.

Chúng tôi tha-thiết xin vâng theo những lời chỉ giáo.

## TIÊU - SỬ ĐỒ CHIỂU

Nguyễn Đình Chiểu 阮廷炤 tự Mạnh Trạch 孟擇, hiệu Trọng-Phủ 仲甫, (sau khi mù lấy hiệu Hối Trai 晦齋), sinh giờ dậu, ngày bính-tuất, mười-ba tháng năm, năm nhâm-ngọ (1er juillet 1822) ở làng Tân-khánh (1), tổng Bình-trị thượng, huyện Bình-dương, phủ Tân-bình, tỉnh Gia-dịnh (làng tổng ấy thuộc về Sài-gòn ngày nay), và mất ngày át-hợi, hai-mươi-bốn tháng năm, năm mậu-tý (3 juillet 1888), ở làng An-đức, tổng Bảo-an, quận Ba-tri, tỉnh Bến-tre (xưa là làng An-bình-đông, huyện Bảo an, phủ Hoảng-trị, tỉnh Vĩnh-long).

Cha là Nguyễn Đình Huy 阮廷輝, người xã Bồ-diễn, huyện Phong, tỉnh Thừa-thiên (Trung-Việt), vào Sài-gòn làm Thơ-lại, nơi Văn Hàn-Ty của Tả-quân Lê Văn Duyệt.

Mẹ là Trương Thị Thiệt 張氏實, người làng Tân thới (có lẽ thuộc Sài-gòn ngày nay). Nguyễn Đình Chiểu là con đầu lòng của bà, mà là con dòng thứ của Nguyễn Đình Huy ; dòng chính của

1. Theo TRƯƠNG VĨNH-KÝ trong truyện *Lục Vân Tiên*, Sài-gòn 1889.



ông, con bà Phan Thị Hữu 潘氏右 có một trai tên Đình Lân 廷麟 và một gái tên Thị Phu 氏郭.

Bà họ Trương, còn sinh ra kể Đình Chiêu ba gái ba trai nữa, là Thị Thục 氏淑, Thị Nữ 氏女, Thị Thành 氏成, Đình Tự 廷就, Đình Tự 廷緒 và Đình Huân 廷.

Năm quý-ty (1883) Tả-quân Lê Văn Duyệt đã mất rồi, Về Khôi dấy-loạn giết Bạch-Xuân Nguyễn là cha bà Hoàng-phi của vua Minh-mệnh, các quan tòng chính Tả-quân bỏ chạy, Nguyễn Đình Huy cũng trốn về Huế. bị trục chức. Ông trở vào Sài-gòn dắt Đình Chiêu về Thừa-thiên, gửi-gắm cho một người bạn làm Thái-phó để hầu-hạ, điếu-dẫn cho được gần-gũi học-tập văn-chương. Khi ấy Đình Chiêu được mười-hai tuổi. Tám năm sau, Đình Chiêu trở về quê mẹ, qua năm quý-mão (1843) đời Thiệu trị, thi Hương trường Gia-định đỗ Tú-tài.

Năm hai-mươi-bốn tuổi, Đình Chiêu ra Huế chờ khoa át-dâu, quyết chí thi cho đỗ Cử-nhân, để vào xuân vi, đình thí. Nhưng kỳ thi chưa tới, lại được tin mẹ đã mất tại Sài-gòn ngày rằm tháng mười-một năm giáp-thân (10 Décembre 1848), Đình Chiêu phải trở về cư-tang.

Lòng hiếu tử, dậm quan hà, trặc Dĩ vôi trong khôn ngăn huyết lụy. Nội-thương đã công-phạt, ngoại-cảm lại xâm-lãng, bệnh xung hai mắt. Đọc đường Đình Chiêu nghe danh một ông thầy thuốc tên là Trung, vốn giòng Ngự-y, đến xin tạm trú cầu điều-trị. Bệnh-tình quá nặng dầu lương-y cũng vô khả nại bà : hai mắt Đình Chiêu đành phải mù luôn đến chết. Nhưng ở đó Đình Chiêu được thầy Trung dạy cho học thuốc.

Năm sau về đến nhà. Xa gần sĩ-tử nghe danh, đến xin thọ nghiệp rất đông. Từ ấy nổi danh « Đ

Chiêu ». Truyện LỤC VÂN TIÊN và truyện DƯƠNG TỬ HÀ MẬU có lẽ đặt ra trong thời-kỳ này.

Trong đám học-trò của Đờ Chiêu có Lê Tăng Quỳnh, người làng Thanh-ba, huyện Phước-lộc (nay là Cần-giוע, tỉnh Chợ-lớn), kinh-yêu và cảm cảnh thầy, cầu cha mẹ gả em ruột mình là Lê Thị Điền.

Chiếc thân tàn ngồi dạy học ngõ là an, hay đầu năm mậu-ngũ (1858) Tự-đức thứ XI, binh Pháp lại hạ thành Gia-định. Đờ Chiêu bỏ chạy về quê vợ, lại tiếp tục dạy học-trò. Kịp đến khi Cần-giוע bị thất-thủ nốt (1861) Đờ Chiêu chạy đi Ba-tri (1).

Truyện NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP có lẽ đặt ra từ thời-kỳ này trở về sau.

Ba-tri là nơi chân trời góc biển trong cõi đất Việt-nam ; ra ở đấy, Đờ Chiêu quyết tìm chốn cùng-tịch để tồn tâm dưỡng tính. Nhưng lòng đau vì non nước đã khôn nguôi, lại tiếp lấy việc năm đình-mão (1867) Phan Thanh Giản tuân-tiết mà luôn ba tỉnh phía tây của Nam-kỳ theo sau ba tỉnh phía đông thuộc trọn chủ-quyền nước Pháp.

Ngay giữa năm ấy, tại Sài-gòn, lần thứ nhất, truyện LỤC VÂN TIÊN được in ra bằng chữ quốc-ngữ, do tay một người Pháp là G. Janneau sao-lục và chú-thích. Đờ Chiêu nếu có hay biết việc xuất-bản ấy hẳn là chẳng những không chú-ý mà cũng không bằng lòng.

Tiên-sinh vốn không ưa chữ quốc-ngữ. Ông Nguyễn Đình Chiêm, con thứ bảy của tiên-sinh, có thuật lại cho hiệu-giả chuyện sau này : Bấy giờ ông

(1) TRƯƠNG VINH KÝ viết : « Đến năm đình-sửu (1877) Tự-đức 30 niên mới dời xuống ở làng An-bình-đông, tổng Bảo-au, xứ Bến-tre... » (trong Lục Vân Tiên Sài-gòn 1889).



còn bé, hương-chức trong làng đến xin cho ông đi học chữ quốc-ngữ, tiên-sinh gắt lên : « Tôi vì dẫu mà phải đến góc biển chân trời này ? Các ông sao lại còn đem chuyện ấy mà nói cùng tôi ? »

Cho đến giặt đồ, tiên-sinh cũng chỉ dùng nước tro, không chịu giặt bằng xà-phòng.

Thái-độ ấy là thái-độ chung của các văn-thân hời bấy giờ. Một người Pháp, là nhà thực-nghiệp Pillet ở Bến-tre, thừa xửa, có đến viếng Đờ Chiêu, về ghi trong báo L'INDÉPENDANT DE SAIGON (8 Novembre 1883) : « Il se fait remarquer par sa grande taille, sa forte corpulence et sa magnifique chevelure noire où l'on voit à peine quelques rares mèches de cheveux blancs ». (Đáng chú-ý tôi tác cao, vóc mình mạnh-dạn và tóc đen tốt đẹp, chỉ thấy ít-oi vài làn tóc bạc) (1). Khi ấy Đờ Chiêu đã sáu mươi-mốt tuổi, còn năm năm nữa là qua đời.

Cùng thời ấy, quan Tham-biện chủ-tỉnh Bến-tre đến viếng tiên-sinh để cầu nhuận-chính bản LỤC VÂN TIÊN, về cũng có ghi vào báo L'INDÉPENDANT DE SAIGON (17 novembre 1883).

« Cự Đờ Chiêu nằm trên giường vì đang cơn bệnh nặng. Người ta đã lên tới mà cho cự hay trước sự tôi đến, nên cự muốn chỗi dậy tiếp tôi. Biết thế, tôi bèn đi thẳng vào buồng của cự, thì vừa khi cự bước ra phòng khách, có hai người đi đỡ. Cự Đờ là một ông già cao lớn, đẹp-đẽ, gương mặt trầm-tĩnh, xanh-xao, đầy vẻ tao-nhã. Lời nói của cự rất thanh-tao trôi-chảy và tôi nghe cự được rõ-ràng đầy-đủ. Về phần tôi thì khác hẳn, cự không nghe đặng tôi vì cự đã hoàn-toàn điếc. Chỉ có đôi ba người quen gần cự là có thể nói cho cự

(1) Ngạc-Xuyên CA VĂN THỈNH, Đốc-học tỉnh Bến-tre, dẫn và dịch trong bài diên-văn đọc trước mộ Đờ Chiêu trong cuộc lễ kỷ-niệm ngày 27 juin 1943.

nghe hiểu Sau vài câu chuyện về sức khỏe của cự tôi đề-cập tới việc quan-trọng của tôi nhưng không hy-vọng thành công. Cự Đờ Chiêu tỏ thật với tôi rằng sức-khỏe và trí-nhớ của cự đã giảm nên thêm phần khó cho cự trong công-việc nhuận-chính bản thơ LỤC VÂN TIÊN. Tôi bèn bàn cùng cự để cho những người đã quen với cái thính-quan bất trị của cự ngâm thơ LỤC VÂN TIÊN theo một bản in của người Tàu, rồi cự chỉ những câu thừa nên bỏ, những câu trật nên sửa và những câu bị bớt nên thêm vào. Cự nhận làm cái công-việc có phần nhọc-nhằn ấy.

Rồi tôi tặng cự một quyển LỤC VÂN TIÊN chữ nôm rất đẹp. Cự muốn cảm-ơn tôi theo lễ-tục của người Việt-nam. Tôi bèn nhờ người nói lại rằng giữa cự và tôi không nên giữ lễ, tôi còn trẻ, không dám làm phiền cự điều chi hơn là xin cự đối-đãi với tôi như một bậc lão-thành thông-thái tiếp một người bạn ngoại-quốc rất hám-mộ cự.

Giao-kết xong rồi, tôi tiếp-tục hầu chuyện cùng cự. Thật cự là một tinh-thần thanh-cao và rất mực khiêm-tốn. Cự nói với tôi rằng cự rất đổi ngạc-nhiên mà thấy ngày nay người ta đề ý tới cự ; và trước khi tôi nói với cự điều gì — vả lại điều đó tôi cũng không muốn nói — cự đã hiểu ý. Cự bảo tôi rằng cự lấy làm vinh-hạnh được người đời chú-trọng tới văn-phẩm của cự và chiến-cổ đến thân-phận cự. Ngoài ra cự khước-từ tất cả các món tưởng-lệ bằng tiền bạc ; đời sống của cự cũng đầy đủ và chút thanh-danh mà người đời bao quanh tên tuổi của cự cũng đủ cho cự hoàn-toàn thỏa-mãn rồi.

Tôi rất vui-thích được nghe bậc lão thành bày-tỏ một cách hết sức tự nhiên những tâm-tinh tốt-đẹp hiếm có trong lòng chúng ta. Tất cả những



người có mặt tại đó — nên biết là đông lắm — đều kính-cần nghe cụ nói vì toàn thể đều tôn-trọng cụ » (1).

« Ông già cao lớn đẹp-dẽ, gương mặt trầm-tĩnh xanh-xao đầy vẻ cao nhã » của Michel Ponchon đã tả ra đó. quanh năm mặc đồ vải trắng hoặc đen, không hề dùng đến nhiều lụa. Lúc ra ngồi giảng sách cho học-trò, thời mình mặc áo rộng vải đen, đầu vẫn khăn đen, vẻ nghiêm-trang trịnh-trọng.

Học-trò thường có vài trăm người, ngồi ra hai hàng tả hữu. nghe giảng. mỗi ngày từ sáng sớm. năm giờ rưỡi, cho đến mười giờ trưa.

Đồ Chiểu mang tật mù-lòa, chắc sao cũng có gặp nhiều rẻ-rúng như LUC VÂN TIÊN, hay gặp « bầy ngu-dại thấy khi chê cười » như NHÂN-SU trong truyện NGU TIÊU.

Nhưng có nhiều chứng-cứ chỉ ra tiên-sinh được kính-mến tôn-trọng. Lời Michel Ponchon trên đây là một. Một nữa là lời của Eugène Bajot, trong bài « Tiểu-sử của Đồ Chiểu » đăng trước bản LỤC VÂN TIÊN dịch ra tiếng Pháp bằng văn vần : « Mais, hélas ! une nouvelle infirmité devait frapper le poète aveugle : peu à peu l'entendement se voilait, ses rapports avec le monde extérieur devenaient de plus en plus difficiles. Cette nouvelle se répandit chez les Annamites et bientôt les Français en eurent connaissance.

La presse intéressa l'opinion publique en faveur de ĐÌNH CHIỂU. Il fut question d'assurer une retraite au poète populaire de l'Annam, qui vit en ore au milieu de nous.

(1) KHUÔNG VIỆT dịch, trong NAM-KỶ TUẦN-BÁO số đặc-biệt ngày 26 Juin 1943 về lễ kỷ-niệm Nguyễn Đình Chiểu.

Đình Chiểu, interrogé à ce sujet, répondit qu'il était heureux des sentiments de bienveillance que lui témoignaient les Français, qu'il vivait dans une honorable aisance au milieu des élèves qui écoutaient son enseignement, et de ses compatriotes dont il avait l'estime ».

(Mà thương ôi ! Một tật mới dồn đến đập vào nhà thi-sĩ mù : lần lần thính-quan tắt lắp, sự giao-thông giữa tiên sinh với ngoại-giới trở nên ngày một khó-khăn. Tin ấy truyền ra trong giới người Nam, rồi không bao lâu người Pháp cũng hay biết).

« Báo-chí bèn vì Đồ Chiểu làm cho dư-luận chú-ý. Người ta dở ra vấn-đề bị-cấp tiền dưỡng-lão cho nhà thi-sĩ đặc dân-tâm của nước Annam, hiện còn sống giữa bọn mình đây (1).

« Hỏi ý-kiến về vấn-đề này, Đình Chiểu trả lời rằng tiên-sinh lấy làm hạnh-phúc với lòng ân-huệ của người Pháp đã tỏ ra, và rằng tiên-sinh sống trong cảnh dư-dả khả-vinh, giữa đám môn-đệ cầu học vui tiên-sinh cùng giữa người đồng bào mà tiên-sinh được lòng quý-mến).

Lòng quý-mến của đồng-bào, quyết hẳn là Đồ-Chiểu có chiếm được. Chẳng thế sao lại Lãn-binh Trương Định yêu-cầu tiên-sinh gia-nhập bộ Tham-mưu mặc dầu tiên-sinh lòa mắt, và những khi sắp tương binh lại đến nhờ tiên-sinh sử quẻ Dịch ?

Chẳng thế sao lại tế nghĩa-sĩ trận vong trong Lục-tỉnh, người ta lại nhờ tiên-sinh đặt bài văn cho, và lại bài văn ấy được Triều-đình xuống chỉ công truyền ?

Tiên-sinh nếu chẳng được đồng-bào quý-mến thời có đâu khi tiên-sinh mất, cả một cánh đồng

(1) E. BAJOT dịch xong LỤC VÂN TIÊN, đề ngày 5 Mai 1885. Sách in ra ở Paris, năm 1887 khi ấy Đồ Chiểu còn sống, Cụ mất ngày 3 Juillet 1888.



trắng lợt khăn tang trên đầu những người khóc  
thảm ?

Đồ Chiểu sinh bảy người con : Thị Hương 氏香, Đinh Chúc 廷燭, Thị Xuyên 氏釧, Thị Khuê 氏珪, Đinh Chiêm 廷瞻, Đinh Ngưỡng 廷仰 và một người chết nhỏ trước Đinh Chiêm.

Bà Nguyễn thị Khuê, tự Nguyệt Anh 月瑛 hay chữ hay thơ, chủ-bút tờ báo NỮ-GIỚI CHUNG, là tờ báo đàn-bà trước tiên trong đất Việt. Bà sớm góa chồng, sương cù thủ tiết, bút tự Sương Nguyệt Anh.

Ông Nguyễn Đình Chiêm, tự Trọng Vĩnh 仲永, cũng hay chữ, hay thơ, có đặt những tuồng hát bộ có tiếng là NÊ-MÃ ĐỘ KHƯƠNG VƯƠNG, PHẤN TRANG LẬU và NAM TỔNG TINH TRUNG. Tuồng sau này có ông Chánh Vệ-úy Nhi ở Bến-tre trộm xuất-bản ra quốc-ngữ, cải nhan là « tuồng Tống Nhạc Phi, Phong Ba Đình ».

Đồ Chiểu lưu-truyền có những thi-văn quốc-âm, thơ LỤC VÂN TIÊN, thơ DƯƠNG TỬ HÀ MẬU và truyện NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP Y-THUẬT. Theo Trương Vĩnh Ký (trong LỤC VÂN TIÊN Saigon 1889) tiên-sinh còn có soạn ra TỬ THƠ NGŨ KINH, GIA HUẤN CA. Theo ông Nguyễn văn Tri, tiên-sinh có soạn ra TAM THẬP LỤC NẠN, HUỆ HIỀN MẠCH PHÚ và LƯ SƠN MẠCH PHÚ để dạy làm thuốc.

Phan văn Hùm

(Trích trong NGƯ TIÊU VẤN ĐÁP Y - THUẬT do PHAN VĂN HÙM hiệu-dinh và chú-thích — TÂN-VIỆT xuất-bản).

N. B. — Tài-tiệu về tiên-sử trên đây, chỗ nào không có chỉ xuất xứ, là rút ở tập « Nguyễn Chi Thế Phồ 阮支世譜 » và chép theo lời của ông Nguyễn Đình Chiêm đã thuật cho hiệu-giả nghe.

蓼 雲 仙

LỤC VÂN TIÊN



## VÂN - TIÊN TẠ THẦY XIN VỀ ĐI THI

### 1. — Trước đèn xem truyện Tây-minh (1)

(1) Truyện Tây-minh là bộ truyện nói về gì, xưa nay không mấy người dám chú-thích rành-rot, vì lẽ dễ hiểu là người được rõ bộ truyện ấy. Có điều có thể đoán biết là truyện ấy đã nói về một cuộc hôn nhân mà người chủ-trước hứa sau lại lấy lời, vì thế, cụ Đồ Chiểu nhân thấy cuộc đời của mình cũng có khoản đời giống người trong truyện ấy, nên khi cụ đặt quyển truyện bằng thơ « Lục Vân Tiên », cụ liền nghĩ ngay đến tập truyện Tây-minh mà cụ đã có xem kia, mới đem lên mào đầu để nói tổng-quát toàn quyển Lục Vân Tiên mà cụ sẽ diễn-tả lần-lượt. Và nhân-vật chính trong truyện của cụ — chàng Lục Vân Tiên — chính là phản-ảnh của cụ.

Theo sự khảo-sát của ông Ngạc-Xuyên Ca văn Thịnh thì « Truyện Tây-minh » là nguồn gốc của bản thơ; mà bản chép viết chữ Minh « 銘 » là ghi vào, bản in lại chữ « Minh 明 » là sáng. Rất tiếc là tìm không được bản truyện chữ Hán « Tây-minh » được biết rõ chữ « minh » nào mới đúng, lại nhất là được biết rõ nguồn-gốc thơ Lục Vân Tiên, để hiểu thêm tâm-lý của tác-giả, cũng như có người tìm ra nguồn-gốc truyện Kiều và truyện Hoa-tiên.

Nếu « Tây-minh » viết chữ Minh theo bản chép, thì chỉ thấy bài văn qui giá, đầy triết-lý của Trương Tải nhà Tống, trong sách Tính-lý, chứ không thấy truyện Tây-minh nào đề tên thế ấy. Hay là chúng tôi chưa sưu-tầm được chăng?



Gãm cười hai chữ nhân-tình (1) éo le,  
 Hỡi ai lẳng-lặng mà nghe,  
 Dữ răn việc trước, lành dè thân sau (2).  
 Trai thời trung-hiếu (3) làm đầu,  
 Gái thời tiết-hạnh (4) là câu trau mình.

(1) *Nhân-tình* 人情 : những mối cảm-xúc trong lòng người. Tình người

(2) Câu này vẫn có nhiều bản Lục Vân Tiên chép là « Mà răn... lảnh... sau », Câu Dữ... lảnh... này e do người sau đã thiện-tiện sửa-đổi rõ-ràng. Vì mạch-lạc của câu không xuôi, mặc dầu muốn cho nghĩa-lý « răn » hơn. Dữ (thì) răn việc trước (đã trót làm) (còn kẻ ăn ở) lảnh (thì cũng nên xem đó) dè (đặt) thân sau (tức là cái ta sẽ tới, cũng như thân trước là cái ta đã trải qua). Tuy nhiên, xét một lẽ cụ Đồ Chiêu mù, đặt thăm rồi đọc ra cho các học-trò chép, trong khi đặt-đề, có lẽ cụ đã có hứng văn xuôi mạch, nên đọc trơn tru :

..... mà nghe,

Mà răn việc trước lảnh dè thân sau.

Hai chữ mà, một ở câu trên, một ở câu dưới làm cho câu thơ xuôi mạch, thuận dòng tư-tưởng. Vậy mới thuận lý. Còn câu : Dữ... lảnh... rõ ra có vẻ tiêu-xảo quá, ắt hẳn có bàn tay người khác nhúng vào, những sửa mà không hay hơn, lại cắt đứt mạch văn ! Có bản lại chép : Giữ... lảnh... Chữ giữ lại càng yếu, cũng cắt đứt mạch ! Nên tẩy !

(3) *Trung* 忠 : lòng ngay-thắng đúng mực. *Hiếu* 孝 : đạo làm con kính thờ cha mẹ.

(4) *Tiết* 節 : lòng, mắc, chỉ về sự ngay-thắng, giữ-gìn (Thân trúc đầu khô nhưng thẳng lòng — thơ Trần danh Ẩn đời Lê-mạc). *Hạnh* 行 : nết-na.

Có người ở quận Đông-thành (1),  
 Tu nhân tích đức (2) sớm sinh con hiền.  
 Đặt tên là Lục (3) Vân Tiên,  
 Tuổi vừa hai tám (4) nghề chuyên học-hành (5).  
 11. — Theo thầy nấu sủ xôi kinh (6),

(m) 7  
285

(1) *Đông-thành* : Một quận chỉ có trong tri-tướng của tác-giả. Tuy trên bức dư đồ, ở nước ta, Tàu, hay đâu khác cũng có cái tên Đông-thành, nhưng đừng làm nghĩ đến đó chỉ cho mất công. (Ai như giáo-sư Paul Midan đã ra công dịch bản tuồng « Kim-Thạch kỳ-duyên » của cụ Bùi hữu Nghĩa, lại tỉ-mỉ tra-cứu những địa-danh trong bản ấy !). Tuy nhiên, quận Đông-thành ở Lục Vân Tiên đây là ý tác-giả liên tưởng tới đất « Đông-phố » (Gia-định) vậy. (Trời Đông-phố vụn ra Sóc cảnh... — *Văn-tế trận vong tướng-sĩ* của tiền-quân Nguyễn văn Thành).

(2) *Tu nhân tích đức* 修仁積德 : sửa việc nhân, chứa việc công-đức.

(3) Về họ của Vân Tiên này, nhiều sách nêu tựa có ghi cả chữ Hán thì bản Trương vĩnh Ký này và các bản Trần-vĩnh Quang, Nguyễn kim Đính, Khấu võ Nghi, Phạm văn Thịnh đều viết là 蔦 thủ nghĩa cổ lục, họ Lục. Nhưng trong hai bản in Janneau, Quảng Thịnh v. v... và gần đây như trong « Văn thi hiệp tuyền » và « Việt-nam văn học sử yếu » của cụ D. q. Hàm, có nói đến tác-phẩm L. V. T. đều viết chữ Lục 陸 là trên cạn, « sáu ».

(4) *Hai tám* : hai lần tám là mười sáu. Tuổi vừa hai tám tức là mười sáu tuổi. Trong văn-chương hay dùng lối này. Như tuổi độ trắng rằm (15), ba bảy (21) xuân xanh. Xuân thu tính độ trắng tròn lẻ — *Thơ của Nguyễn thị Lộ họa cùng Nguyễn Trãi* — (trên 15).

(5) *Học-hành* 學行 : học và đem sở học ra thi-hành.

(6) *Nấu sủ xôi kinh* : thành-ngữ chỉ về sự chịu khó học-tập.



Tháng ngày bao quản sân Trình (1) lao-đạo.

Vấn ã (2) khởi phụng đặng giao (3).

Võ thêm ba lược (4) sáu thao (5) ai bì.

Xảy nghe mở hội khoa thi,

Vân Tiên vào tạ (6) tôn-sư (7) xin về :

« Bấy lâu cửa thánh dựa kê,

« Đã tươi khí-tượng (8) lại xuê tinh-thần (9).

(2) *Sân Trình* : thành-ngữ chỉ về trường học Nho. Trình-tử, một bậc đại-hiền. Cũng như cửa Khổng (tức Khổng-tử). Người ta thường nói gồm học-trò Nho là người trong cửa Khổng sân Trình.

(2) *Đã* : do tiếng ã chuyển ra.

(3) *Khởi phụng đặng giao* 起風騰蛟 : Phụng đây rồng bay. Thành-ngữ chỉ về sự hay giỏi. Văn ã tức là văn-chương khác thường.

(4-5) *Ba lược sáu thao*, tức Tam lược lục thao 三略韜六 : Tên hồ sách của Thái-công Vong tức Lữ Vong là danh hiệu của Khương Thượng tư Tử-nha đời Châu Vũ-vương (1.135 — 1.116 tr. t. 1) Sách nói về việc binh, gồm có : văn thao, vũ thao, long thao, hổ thao, báo thao, khuyển thao. (Thao 韜 : Phàm giấu kín ở trong không lộ ra ngoài điều gì gọi là thao). Và : thượng trung hạ, ba phương sách hành binh tất thẳng, tức tam lược.

(6) *Tạ* 謝 : tỏ lòng biết phải khi sắp xa nhau.

(7) *Tôn-sư* 尊師 : Tiếng xưng-tụng bậc thầy đáng tôn.

(8) *Khí-tượng* 氣象 : Cái khí-khái cử-động của con người. Ý-chí mạnh-mẽ phát ra thành hình.

(9) *Tinh-thần* 精神 : Thần-sắc đẹp-đẽ, rạng-rỡ. Linh-hồn. Gọi chung những cái thuộc về vô hình.

« Nay ã gặp hội phong-vân (1),

« Ai ai mà chẳng lập thân (2) buổi này.

21.— « Chi lăm (3) bản nhận ven mây (4)

« Danh tôi dặng rạng tiếng thầy bay xa.

« Làm trai trong cõi người ta,

« Trước lo báo-bổ (5) sau là hiển-vang (6) ».

Tôn-sư bàn-luận tai-nàn (7),

« Gẫm trong số hệ (8) khoa-tràng (9) còn xa.

(1) *Phong-vân* 風雲 : Gió mây. Do theo thành-ngữ xuất xứ ở kinh Dịch, lời Văn-ngôn : Vân tùng long, phong tùng hồ 雲從龍, 風從虎 : Mây theo rồng, gió theo cọp. Chỉ lúc phải thời đồ vận. Bản của cụ Trương Vĩnh Ký chép là : . . . *hội long vân*, tức hội mây rồng, cũng không ra ngoài nghĩa ấy.

(2) *Lập thân* 立身 : ráng lo nên thân.

(3) *Lăm* : Dốc lòng lăm.

(4) *Bản nhận ven mây* : thành-ngữ chỉ về sự quyết làm những chuyện khó-khăn.

(5) *Báo-bổ* 報補 : Vì đền ân cho người mà lo làm việc ích cho người. Đền bù (những lúc người vì mình mà cực nhọc).

(6) *Hiển* 顯 : Rõ-ràng.

(7) *Tai-nàn* 災難 (do chữ nạn chuyển ra) : Nói chung về những họa hại về nước, lửa, trộm, cướp.

(8) *Số hệ* 數系 : Mệnh-vận định trước.

(9) *Khoa-tràng* (trường) 科場 : Trường thi.



« Máy trời chẳng dám nói ra,  
 « Xui thầy thương tớ xót-xa trong lòng,  
 « Sau dầu tỏ nỗi đục trong,  
 « Phải toan một phép để phòng hộ thân (1).  
 31.— « Rày con xuống chốn phong-trần (2),  
 « Thầy cho hai đạo phù-thần (3) đem theo.  
 « Chẳng may mà gặp lúc nghèo,  
 « Xuống sông cũng vãng lên đèo cũng an ».  
 Tôn-sư trở lại hậu đàng (4),  
 Vân Tiên ngo-ngẩn lòng càng sanh nghi :  
 « Chẳng hay mình mắc việc chi,  
 « Tôn-sư người dạy khoa-kỳ (5) còn xa ?  
 « Hay là bối-rối việc nhà ?  
 « Hay là đức bạc (6) hay là tài sơ (7) ?  
 41.— « Bấy lâu lòng những ước-mơ,  
 « Hội này chẳng gặp còn chờ hội nao (8) ?  
 « Nên hư chẳng biết làm sao,

- (1) Hộ thân 護身 : Che-chở thân-thể.  
 (2) Phong-trần 風塵 : Gió bụi. Chốn phong-trần chỉ về cuộc đời. Tình-cảnh gian-khổ nay đây mai đó.  
 (3) Phù thần 符神 : Bùa thần. Bùa rất linh.  
 (4) Hậu đàng (đường) 後堂 : Nhà sau  
 (5) Khoa-kỳ 科期 : Kỳ thi.  
 (6) Bạc (đức) 薄 (德) : mỏng (đức). Theo văn-phạm tiếng Hán, nói là bạc đức. Chuyền ra mẹo tiếng Việt, chữ bạc lại cũng nhập-tịch Việt-nam, nên nói là (đức) mỏng hoặc (đức) bạc.  
 (7) Sơ (tài) 疏 (才) : thưa (tài).  
 (8) Nao : Do tiếng nào chuyễn.

« Chi bằng hỏi lại lẽ nào cho minh (1).  
 « Đặng cho rõ nỗi sự-tình,  
 « Ngó sau ngàn dặm đặng-trình (2) mới an ».  
 Tôn-sư ngồi hây thở-thạo,  
 Ngó ra trước án thấy chàng trở vô.  
 Hỏi rằng : « Vạn-lý trường đồ (3),  
 « Sao chưa cất gánh trở vô việc gì ?  
 51.— « Hay là con hây hồ-nghi (4),  
 « Thầy bàn một việc khoa-kỳ ban trưa ? »  
 Vân Tiên nghe nói liền thưa :  
 « Tiểu-sinh (5) chưa biết nắng-mưa (6) buổi nào ?  
 « Song-đường (7) luỗi hạc (8) đã cao,  
 « Xin thầy nói lại âm-hao (9) con tường (10) ».

- (1) Minh 明 : sáng-tỏ.  
 (2) Đặng-trình : 登程 : lên đường.  
 (3) Vạn-lý trường đồ : 萬里長途 : đường dài vạn dặm.  
 (4) Hồ-nghi : 狐疑 : Tính con cáo hay nghi. Nghi nhiều.  
 (5) Tiểu-sinh 小生 : Con trẻ. Học-trò nhỏ tuổi. Người hậu học. Người học-trò tự khiêm xưng mình.  
 (6) Câu này ý nói chưa biết rồi ra việc sẽ thế nào.  
 (7) Song-đường : 雙堂 : Thung-đường và huyền-đường tức là cha mẹ. Huyền-đường 萱堂 : Nhà huyền chỉ về người mẹ. Vì lấy điển ở Kinh Thi : Yên đặc huyền thảo ngôn thụ chi bội 馬得萱草言樹之背. Nghĩa là : Ước gì được cỏ huyền mà trồng thềm phía bắc. Cỏ huyền có tính làm cho người giải phiền, cho nên dùng chữ Huyền để nói người mẹ. Còn Thung (hoặc đọc là Xuân) đường 椿堂 : Nhà Xuân. Xuân là tên một thứ cây, xuất xứ ở sách Trang-tử : Cây Xuân sống lâu, cứ 8.000 năm là 1 mùa xuân, 8.000 là một mùa thu. Do đó lấy chữ Xuân mà chỉ về người cha, ý mong được sống lâu.  
 (8) Tuổi hạc : Con hạc sống rất lâu. Tuổi hạc là danh-từ người ta dùng « lấy hên » cầu sống như con hạc vậy.  
 (9) Âm-hao 音耗 : tin-tức.  
 (10) Tường 詳 : hiểu rõ.



Tôn-sư nghe nói thêm thương,  
Đặt tay ra chónn tiên-đường (1) xem trăng,

Nhân cơ tàng sự (2) dặn rằng :

« Việc người chẳng khác việc trăng trên trời.

61. — « Tuy là soi khắp mọi nơi,

« Khi mờ, khi tỏ, khi vui, khi đầy.

« Sao con chẳng rõ lẽ này (3),

« Lựa là con phải hỏi thầy làm chi ?

« Số con hai chữ khoa-kỳ,

« Khôi-tinh (4) đã rạn, Tử-vi (5) thêm loà.

« Hềm vì ngựa chạy đường (6) xa,

(1) Tiên-đường 前堂 : nhà trên.

(2) Nhân cơ tàng sự 因幾藏事 : Nhân cơ trời dấu nhiều việc (mà chỉ dạy Vân-Tiên)

(3) Nguyên-bản của cụ Trương Vĩnh Ký vốn chép : Sau con cũng rõ lẽ này. Ý rằng : (Về) sau (thế nào) con cũng rõ lẽ ấy mà. Nhưng nếu nói về sau mới rõ lẽ ấy, thì Vân Tiên nóng biết ngay bây giờ nên mới hỏi là phải. Vậy thì xuống câu dưới : « Lựa là con phải hỏi thầy làm chi » chẳng là sai lắm. Cho nên, theo các bản khác chép là : Sao con chẳng rõ lẽ này ? Có lẽ phải hơn (đầu nguyên-văn của cụ Đồ có đúng như bản Trương Vĩnh Ký). Vậy mới hô ứng với câu dưới.

(4) Khôi-tinh 魁星 : Ngôi sao thứ nhất trong đám sao Bắc-đầu. Nguyên bản Trương Vĩnh Ký chép: Khuê-tinh cũng một nghĩa. Nhưng dùng chữ « khôi » mới đặc sách, vì có ý nói về sự đồ-dạt, chiếm khôi-nguyên.

(5) Tử-vi 紫微 : Vì sao chính, tốt.

(6) Đường : Nguyên bản Trương Vĩnh Ký chép là còn.

« Thỏ vừa ló bóng gà đà gáy tan (1).

« Bao giờ cho tới bắc phang (2).

« Gặp chuột ra đàng con mới nên danh (3).

71. — « Sau dầu đăng chữ hiển-vinh (4),

« Mấy lời thầy nói tiên-trình (5) chẳng sai.

« Trong con bí cực thái lai (6),

« Giữ mình cho vẹn việc ai chớ sòn ».

Vân Tiên vội-vã tạ ơn (7),

(1-2-3) : Những câu này, thầy của Vân Tiên có nói hộ máy trời cho Vân-Tiên nghe, nhưng Vân Tiên khi ấy có nghe mà không hiểu.

Con ngựa là biểu-hiệu của năm ngọ, thỏ là năm mão, gà là dậu, chuột là năm tí. Ý nói : Vân Tiên tuổi ngọ, đến năm mão ắt rạn danh thi, nhưng danh-tiếng vừa mới nhóm dậy thì đến năm dậu đã phải chịu tai-nàn. Cho đến năm tí thì mới nên danh trọn- vẹn.

Về đoạn này, các nhà viết tiểu-sử cụ Đồ Chiểu có đề lời bàn rằng Vân Tiên là hình-ảnh của Đồ Chiểu. Cụ Đồ sinh năm ngọ (1822) tức hợp với câu ngựa chạy đường xa thì đổ tú-tài vào năm quý-mão (1843) tức ứng vào câu thỏ vừa ló bóng, nhưng đến khi sắm-sửa thi hội, xảy gặp tin mẹ chết vào năm dậu mà lỡ-dở công-danh, ứng vào câu : gà đà gáy tan.

(4) Hiển-vinh 顯榮 : Có danh-giá rõ-ràng.

(5) Tiên-trình 前程 : Bước đường trước mặt. Tương-lai.

(6) Bí cực thái lai 否極泰來 : Khổ hết, sướng lại. Bí-Thái vốn là tên quẻ Dịch. Bí vốn cùng, Thái vốn thông. Vả, hết tuần cùng thì đến thông, cơ trời vận-chuyển đều-đắn.

(7) Tạ ơn 謝恩 : bày-tỏ lòng biết ơn.



Trăm năm dốc giữ keo sơn (1) mọi lời.

(1) *Keo sơn* : Hai vật dính-dấp. Nhà làm vãn mượn đó dùng vào nghĩa bóng : việc chi bền-chặt. Chữ Hán, keo là giao 膠, sơn là tất 漆. Nên trong vãn-chương có câu : Một lời đã gắn tất giao. Vốn là nghĩa ấy. Thơ xưa có câu : Dĩ giao đầu tất trung, Thù năng biệt-ly thử 以膠投漆中 誰能別離此? Nghĩa là : Lấy keo mà bỏ vào trong sơn, ai làm cho chia rẽ được đó nữa.

Lại có tích : Lôi Nghĩa và bạn là Trần Trọng đi thi. Lôi đậu mà Trần rớt. Lôi nhường lại cho bạn thi quan không cho, Lôi mới giả điên không lãnh chức, chừng sau hai người cùng thi đậu, Lôi mới thỏa lòng. Nên có câu : Giao tất tự vị kiên, bất như Lôi giữ Trần. (Keo sơn bảo là bền, chẳng bền bằng Lôi Trần).

**Tóm-thuật đoạn 1.**— Mào đầu, tác-giả nhân xem truyện Tây-minh, thấy người trong truyện mà bắt tức cười cho nổi tình người éo-le. Rồi phát ra tấm lòng thương đời, muốn vì đời mà dùng vãn-chương khuyên đời.

Tác-giả sáng-tạo một nhân-vật chính là chàng Vân Tiên họ Lục, người ở quận Đông-thành. Cha mẹ Vân-Tiên hiền đức. Vân Tiên mới 16 tuổi đã nổi tiếng văn hay võ giỏi. Xảy nghe vua mở khoa thi, Vân Tiên từ-tạ thầy xin về đi thi. Thầy của Vân Tiên, đáng tôn-sư ấy, toàn biết trước Vân-Tiên không có duyên với công-danh sớm, nhưng sẽ phát mượn mà danh-tiếng lại lâu dài để đời. Nhưng tôn-sư không nói rõ điều ấy với Vân Tiên, khiến Vân Tiên nghi-nghi ngại-ngại trong lòng không yên, rồi phải cầu xin thầy chỉ-dạy cận-kê. Tôn-sư cực chẳng đã phải dắt Vân Tiên ra trước nhà, rồi nhân xem trăng, tôn-sư mới lấy lẽ đầy voi tròn khuyết của tuần trăng mà dẫn-dụ cho Vân Tiên hiểu đạo trời.

Lại nói lộ một vài lời sấm cho Vân Tiên biết rằng : Vân Tiên sinh năm ngo, tất đến năm mao mới có tiêng-tấm chút ít, nhưng sang năm dậu lại gặp nạn, lại trắc-trở công-danh. Dẫn đến năm tí mới nên danh rõ-ràng. Tôn-sư còn nhủ-dặn Vân Tiên nhiều điều trong cách sửa mình, đối-đãi với người,

Vân Tiên tạ ơn và xin khăng-khắc ghi lời chỉ-dạy.

II

VÂN TIÊN LÊN ĐƯỜNG GẶP LỮ SƠN-ĐÀI

Ra đi vừa rạng chân trời (1),

Ngùi-ngùi ngó lại nhớ nơi học-đường (2).

Tiên rằng : « Thiên các nhất phương (3),  
« Thầy đeo đoạn thảm, tơ vương mối sầu.

81. — « Quân bao thân trẻ dãi-dầu,

« Mang đai Tử Lộ (4), quấy bầu Nhan Uyên (5).

(1) *Vừa rạng chân trời* : lúc hừng đông.

(2) *Học-đường 學堂* : trường học.

(3) *Thiên các nhất phương 天各一方* : Bơ-vơ trong một khoảng trời đất.

(4) *Tử Lộ 子路* : Học-trò đức Khổng-tử. Có tiếng là hiếu. Thừa trẻ, đội gạo đường xa kiếm tiền nuôi mẹ. Đến lúc mẹ chết, ra làm quan, tiền-của chôn-chở, nhưng thời thường hay than : « Không còn mẹ để lại được đội gạo nuôi mẹ như xưa ». Ở câu này, mang đai Tử Lộ, ý tác-giả muốn nói tâm-trạng Vân Tiên khi ấy nóng-nảy thương cha nhớ mẹ muốn chấp cánh mà bay riết cho tới nhà, để khỏi nặng mình ràng buộc bởi thương-cảm.

(5) *Nhan Uyên 顏淵* : Học trò đức Khổng-tử. Nổi tiếng hiền. Hằng ngày, Nhan ăn-ở rất giản-dị. Đức Khổng thường khen : « Hiền thay người Nhan Hối (Hối là tên tộc của Nhan) ! Một giỏ cơm, một bầu nước, ở nơi chốn ngõ hẻm hang cùng, thế mà vui ». Ở câu này, bầu Nhan Uyên tức tác-giả cho Vân Tiên học đòi Nhan Uyên sống thanh-đạm, vui thú giữ vẹn tính hiền-lương chân-chất.



« Bao giờ cá nước gặp duyên (1).  
« Đặng cho con thảo phỉ-nguyên tôi ngay (2). »

Kể từ lướt dậm tới nay,  
Mỗi-mê hầu đã mấy ngày xông srong.  
Đoái nhìn phong-cảnh thêm thương,  
Voi-voi dậm cũ nẻo đường còn xa.  
Chi bằng kiếm chốn lân-gia (3),  
Trước là tìm bạn, sau là nghỉ chân.

91.— Việc chi than-khóc tung-bùrg,  
Đều đem nhau chạy vào rừng lên non ?  
Tiên rằng : « Bớ chú công con !  
« Việc chi nên nổi bon-bon chạy hoài ? »  
Dân rằng : « Tiêu-tử (4) là ai ?

(1) Cá nước gặp duyên : thành-ngữ chỉ về sự được như ý. Như cá gặp nước, thì duyên may sung-sướng biết bao. Do câu chữ Hán : Ngư thủy tương phùng 魚水相逢. Dẫn điển : Lưu Bị nhà Hán thường nói : « Cô đặc Khổng-Minh do ngư chi đặc thủy 孤得孔明猶魚之得水 ». Nghĩa là : Ta được Khổng Minh cũng ví như con cá được nước.— Lại một điển khác : Vua Hoàn-công nước Tề sai Quảng Trọng cầu Ninh Thích. Ninh Thích trả lời rằng : « Hào hao hồ浩浩乎 » Nghĩa là : Nước mênh-mông ra. Quảng Trọng không hiểu, sau có đưa nữ-tỳ nói : « Cổ thi có câu rằng : Hào hào giả thủy ; đục đục giả ngư. Vị hữu thất gia nhi an triệu ngã cư 浩浩者水, 育育者魚。未有室家而安召我居 (Nghĩa là : Nước mênh-mông kia, cá nhưng-nhức kia. Chưa có cửa nhà thì định ta ở đâu). Thế là Ninh Thích có ý ra làm quan ». Vì mấy điển này, nên đời sau hễ thấy cảnh hòa mục an vui thì dùng lời « cá nước gặp duyên » mà khen-tụng.

(2) Ý nói : Vân Tiên đã dốc làm người hiếu, hiền, vậy thì đến bao giờ trời mới cho ra được giúp đời cho nên tiếng tôi ngay.

(3) Lân gia 鄰家 : Hàng xóm. Nhà ở gần đó.

(4) Tiêu-lử : 小子 : Gã trẻ tuổi.

« Hay là một đảng sơn-dài (1) theo tao ? »

Tiên rằng : « Cớ sự làm sao,  
« Xin ngừng vài bước sẽ trao một lời. »  
Dân nghe tiếng nói khoan-thai (2),  
Kêu nhau đứng lại bày lời phân qua :

101.— « Nhân rày có đảng lâu-la (3),  
« Tên rằng Đồ Dự hiệu là Phong Lai.  
« Nhóm nhau ở chốn sơn-dài,  
« Người đều sợ nó có tài khôn đương (4).  
« Bây giờ xuống cướp thôn-hương (5),  
« Thấy con gái tốt qua đường bắt đi.  
« Xóm làng chẳng dám nói chi,  
« Cám thương hai gã nữ-nhi (6) mắc nạn !  
« Con ai vóc ngọc mình vàng,  
« Má đào mày liễu dung-nhan (7) lạnh-lùng.

111.— « E khi mắc đảng hành-hung (8),  
« Uổng trang thực-nữ (9) sánh cùng thất-phu (10).

« Thôi thôi chẳng dám nói lâu,  
« Chạy đi cho khỏi kéo ầu (11) tới mình ».

(1) Sơn-dài : cướp núi.

(2) Khoan-thai 寬台 : chằm-rãi, êm-ái.

(3) Lâu la 嚶囉 : tai sai của tướng cướp.

(4) Đương 當 : ngăn cản, nhận lấy.

(5) Thôn-hương 村鄉 : xóm làng vùng quê.

(6) Nữ-nhi 女兒 : Gái trẻ. Tiếng gọi chung đàn-bà con-gái còn trẻ.

(7) Dung-nhan 容顏 : vẻ mặt. Câu này ý nói dung-nhan xem thấy bất động lòng.

(8) Hành-hung 行凶 : làm dữ.

(9) Thực-nữ 淑女 : Người con gái dịu-dàng mà lại trinh-chính.

(10) Thất-phu 匹夫 : người nhỏ-hèn. Người chẳng ra gì.

(11) ầu : Do chữ Ưu 憂 chuyển ra. Lo sợ, buồn rầu.



« Vân Tiên nổi giận lôi-dinh (1),  
Hỏi thăm : « Lũ nó còn đình (2) nơi nao ?

« Tôi xin ra sức anh-hào (3),  
« Cứu người cho khỏi lao-đao buổi này ».

Dân rằng : « Lũ nó còn đây,  
« Qua xem tướng bậu (4) thơ-ngây đã đành.

121. — « E khi họa hổ bắt thành (5),  
« Khi không mình lại xô mình vào hang » (6).

Vân Tiên ghé lại bên đàng,  
Bẻ cây làm gậy tìm đàng chạy vô.

Kêu rằng : Bớ đảng hung-đồ (7)  
« Chớ quen làm thói hồ-đồ (8) hại dân ».

Phong Lai mặt đỏ phừng phừng :

(1) *Lôi-dinh* 雷霆 : Sấm sét. Ý nói là nổi cơn tức-giận.

(2) *Đình* 停 : Dừng lại.

(3) *Anh-hào* 英豪 : Người có tài giỏi, sức mạnh. Anh là đẹp nhất. Hào là mạnh, khôn nhất.

(4) *Bậu* : Người lớn tuổi gọi môn-trón có ý trêu-cợt người trẻ.

(5) *Họa hổ bắt thành* 畫虎不成 : Vẽ cọp chẳng nên hình. Ý nói : toan làm chuyện phải, cao mà không xong thì cũng khổ với tiếng cười-nhạo của người chung quanh, xuất xứ ở sách Hậu Hán thư. « Họa hổ bắt thành phản loại狗 ». Nghĩa là : Vẽ hổ không nên lại giống chó. Ý chê người không lượng biết sức mình làm càn.

(6) *Chữ vào vốn lạp sửa*. Ở nguyên bản Trương Vĩnh Ký là chữ « xuống ».

(7) *Hung-đồ* 凶徒 : Bọn dữ-dẫn.

(8) *Hồ-đồ* 糊塗 : Không rõ sự lý.

« Thằng nào dám tới lũy-lừng vào đây.

« Trước gây việc dữ tại đây,

« Truyền quân bốn phía phủ-vây bịt-bùng ».

131. — Vân Tiên tả đụt hữu xông (1),

Khác nào Triệu Tử (2) phá vòng Đương-dang (3)

Lâu-la bốn phía võ tan,

Đều quảng gươm-giáo tìm đàng chạy ngay.

Phong Lai trở chưởng lập tay,

Bị Tiên một gậy thác rày thân vong (4).

(1) *Tả* 左 : bên trái. *Hữu* 右 : bên mặt. *Tả đụt hữu xông* : Đánh tan bên trái, lướt trên bên mặt.

(2) *Triệu Tử* 趙子 : Triệu Tử-Long (tên là Vân 雲 tự Tử-Long 子龍. Một trong năm viên tướng mạnh của Lưu-Bị đời Tam-quốc đã nổi danh ở trận Đương-dương, một mình chống với muôn quân của Tào-Tháo, cứu Á-đầu.

(3) *Đương-dang* : chính chữ thì Đương-dương, nơi Triệu Tử-Long phá quân Tàu. Viết là dang để cần vào với câu dưới.

(4) *Vong* 亡 : mất.

**Tóm-thuật đoạn II.** — Vân Tiên tạ thầy ra đi, lòng phơi-phới sự mong-ước. Đường về còn xa, thầy tớ Vân Tiên rầu lòng lo-lắng, toan tìm chòm-xóm láng-giềng để trước tìm bạn, sau có nơi nghỉ chân. Xảy nghe tiếng than-khóc tưng-bừng, rồi đến thấy người người đem nhau chạy vào rừng, lên non. Có một người cũng con đang xăn-xái chạy. Vân Tiên kêu lại hỏi thăm có sự. Người dân cho hay-biết : Có



đang cướp do Đỗ Dự hiệu Phong Lai cầm đầu, cướp phá xóm làng rất là khỗ-sở. Mà không ai cự nổi nó. Bây giờ chúng lại đang ra tay bắt ở đâu được hai nàng con-gái đẹp-đẽ, thật thấy mà thương cho hai nàng tài-sắc, e khi rúi hư về tay người chẳng ra gì thì ưỡng. Dân nói dốt, sợ-sệt bỏ chạy. Vân Tiên nổi giận, hỏi thăm sào-huyệt chúng, rồi bẻ cây làm gậy chạy phăng đến đó, cả kêu lương cướp ra đối-địch. Vân Tiên giết được Phong Lai.

III

VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT-NGA

Đẹp rồi lũ kiến chòm ong,

Hỏi : « Ai than-khóc ở trong xe này ? ».

Thưa rằng : « Tôi thiệt người ngay,

« Sa cơ nên mới lăm tay hung-đồ.

141.— « Trong xe chật hẹp khôn phò,

« Cúi đầu trăm lạy cứu cô tôi cùng ».

Vân Tiên nghe nói động lòng,

Đáp rằng : « Ta đã trừ dòng lâu-la.

« Khoan khoan ngồi đó chờ ra,

« Nàng là phận gái, ta là phận trai.

« Tiều-thư (1) con-gái nhà ai,

« Đi đâu nên nổi mang tai bất kỳ (2).

« Chẳng hay tên họ là chi ?

(1) *Tiều-thư* 小姐 : Gái nhà quan.

(2) *Bất kỳ* 不期 : Chẳng có kỳ, thỉnh-linh.

« Khuê-môn (1) phận gái việc gì đến đây ?

151.— « Trước sau chưa hẳn dạ này,

« Hai nàng ai tớ, ai thầy nói ra ? »

Thưa rằng : « Tôi Kiều Nguyệt-Nga,

« Con này tử-tất (2) tên là Kim-Liên.

« Quê nhà ở quận Tây-xuyên,

« Cha làm Tri-phủ ở miền Hà-khê.

« Sai quân đem bức thư về,

« Rước tôi qua đó định bề nghi-gia (3).

« Làm con dâu dám cãi cha,

« Vì dầu ngàn dặm dàng xa cũng đành !

161.— « Chẳng qua là sự bất bình (4),

« Hay vầy cũng chẳng đáng-trình (5) làm chi.

« Lâm nguy (6) chẳng gặp giải nguy (7).

(1) *Khuê-môn* 閨門 : Cửa buồng của con-gái. Khuê-môn phận gái : Phận gái vốn ở chỗ buồng the.

(2) *Tử-tất* 婢膝 : Con đòi. Đây-tớ gái.

(3) *Nghi-gia* 宜家 : Nên nhà. Định bề nghi-gia : Lo cho yên bề vợ chồng, vì có vợ chồng tất phải lo việc cửa nhà, nên mượn thành-ngữ « Nghi gia nghi thất 宜家宜室 : Nên nhà nên cửa, để chỉ về việc định đôi-bạn.

(4) *Bất bình* 不平 : Chẳng bằng. Ý nói việc không dè mà có được, việc trái.

(5) *Đáng-trình* : Xem chú-thích ở trên.

(6) *Lâm nguy* 臨危 : Gặp nguy. Phải việc không lành.

(7) *Giải nguy* 解危 : Cởi bỏ cái nguy. Trút khỏi việc không lành.



« Tiết (1) trăm năm cũng bỏ đi một hồi.

« Trước xe quân-tử (2) tạm ngồi,

« Xin cho tiện-thiếp (3) lạy rồi sẽ thưa :

« Chút tôi (4) liễu yếu đào thơ (5),

« Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần.

« Hà-khê qua đó cũng gần,

« Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.

171. — « Gặp đây đờng lúc giữa đàng,

« Cửa-tiền không có, bạc-vàng cũng không.

« Gẫm câu báo đức (6) thù công (7),

« Lấy chi cho phí tấm lòng cùng người ».

Vân Tiên nghe nói liền cười,

« Làm ơn há dễ trông người trả ơn.

« Nay đã rõ đặng nguồn ơn,

« Nào ai tính thiệt so hơn làm gì ?

(1) Tiết 節 : Xem chú-thích ở trên.

(2) Quân-tử 君子 : Danh-từ dùng xưng tụng người học-trò chính-chấn.

(3) Tiện-thiếp 賤妾 : Tiếng của người đàn-bà con-gái khiêm-nhượng tự-xưng. Tiện : hèn, thiếp : đàn-bà chịu phận lẽ mọn. Tiện-thiếp : Phận đàn-bà hèn.

(4) Chút tôi : Cái tôi bé-bỏ. Tiếng tự-xưng khiêm-nhượng.

(5) Liễu yếu đào thơ : Chỉ về người con-gái thân-phận yếu-ớt.

(6) Báo đức 報德 : Đáp cái ân đức.

(7) Thù công 酬功 : Trả công ơn.

« Nhớ câu kiến ngãi bất vi (1),

« Làm người thế ấy cũng phi anh-hùng (2).

181. — « Đó mà biết chữ thỉ-chung (3),

« Lựa là đây phải theo cùng làm chi ».

Nguyệt-Nga biết ý chẳng đi,

Hỏi qua tên họ một khi cho tường.

Thưa rằng : « Tiện-thiếp đi đường,

« Chẳng hay quân-tử quê-hương nơi nào ? »

Phút nghe (4) lời nói thanh-tao (5),

Vân Tiên há nổi lòng nào phôi-pha :

« Đòng-thành vốn thiệt quê ta,

« Họ là Lục-thị tên là Vân Tiên ».

191. — Nguyệt-Nga vốn đấng thuyền-quyên (6),

Tại nghe lời nói tay liền rút trâm.

« Thưa rằng : « Nay gặp tri-âm (7),

« Xin đưa một vật để cầm làm tin (8).

(1) Kiến ngãi (chính là nghĩa, đọc trại là ngãi hoặc ngời) bất vi 見義不為 : thấy việc nghĩa không làm.

(2) Phi anh-hùng 非英雄 : chẳng phải anh-hùng.

(3) Thỉ-chung 始終 : trước sau. Biết chữ thỉ-chung ý nói biết phải ; có trước có sau vẹn tròn.

(4) Phút nghe : (trong giây) phút (mà được) nghe.

(5) Thanh-tao : trong-trẻo.

(6) Thuyền-quyên 嬋娟 con-gái đẹp đẽ.

(7) Tri-âm 知音 : biết tiếng. Bạn tri-kỷ, bạn hiểu-biết nhau.

(8) Tin : của tin. Vật trao-đưa để nhớ đến nhau.



Vân Tiên ngo mặt chẳng nhìn,  
 Nguyệt-Nga liếc thấy càng thin (1) nét-na :  
 « Vật chi một chút gọi là,  
 « Thiếp thưa chưa dứt chàng đã làm ngo.  
 « Cửa này là cửa vất-vơ,  
 « Lòng chê cũng phải mặt ngo sao đành ! »

201. — Vân Tiên khó nổi làm thinh,  
 Chữ ân buộc lại chữ tình lây-dây (2).  
 Than rằng : « Đó khéo trêu dây,  
 « Ơn kia đã mấy (3) của này rất sang.  
 « Đương khi gặp-gỡ giữa đàng,  
 « Một lời cũng nhớ, ngàn vàng chẳng phai (4).  
 « Nhớ câu trọng ngãi khinh tài (5),  
 « Nào ai chịu lấy của ai làm gì ».

(1) *Thin* : Thấy ưà nhìn. Do ba chữ « thấy ưà nhìn » chuyển âm theo lối thúc vần (variation phonétique) thành ra « thấy (ưà) nhìn » lái lại là thin. Thin nét-na : nét-na thấy ưà nhìn.

(2) *Lây dây* : lây ra khiến cho ta chạm phải thì dây vương.

(3) *Ơn kia đã mấy* : Ơn kia đã được bao nhiêu đâu. Có nhiều bản chép : Ơn kia *đáng mấy* ; e không hay bằng nguyên-bản Trương Vĩnh Ký.

(4) *Ngàn vàng chẳng phai* : Ngàn vàng đỏ không thể làm phai được màu đỏ lòng.

(5) *Trọng ngãi (nghĩa) khinh tài 重義輕財* : Nặng phần nghĩa rẻ-rúng tiền.

« Thưa rằng : « Chút phận nữ-nhi (1).  
 « Vốn chưa biết lẽ có khi mich lòng (2).  
 211. — « Ai dè những đấng anh-hùng,  
 « Thấy trâm thôi lại thẹn-thùng cùng trâm (3). »  
 Riêng than : « Trâm hỡi là trâm-!  
 « Vô duyên chi bấy ai cầm mà mơ ?  
 « Đưa trâm chàng đã làm ngo,  
 « Thiếp xin đưa một bài thơ giã-từ. »  
 Vân Tiên ngó lại rằng : « Ừ,  
 « Làm thơ cho kịp bấy-chừ chớ lâu. »  
 Nguyệt-Nga ứng tiếng xin hầu (4),  
 Xuống tay liền tả tám câu năm vần (5).

221. — « Thơ rồi này thiếp xin dâng,  
 « Ngửa trông lượng rộng văn-nhân (6) thế nào ? »

Vân Tiên xem thấy ngạt-ngào (7),  
 Ai dè sức gái tài cao bực này.  
 Đã mau mà lại thêm hay,

(1) *Nữ-nhi 女兒* : Xem chú-thích ở trên.

(2) Câu này lời-lẽ thật hay : Vốn (tôi phận đàn-bà con gái) chưa biết (cái) lẽ (mà chàng đã nói) (nên mới) có khi mich lòng (chàng) (làm vậy).

(3) Nguyên bản Trương Vĩnh Ký chép là : Thấy trâm thôi lại thẹn *cùng cây* trâm. Nay theo nhiều bản chép như trên, có phần hay hơn.

(4) Câu này : Nguyệt-Nga lên tiếng xin vâng làm thơ hầu Vân Tiên.

(5) Tám câu năm vần tức thơ bát cú thất ngôn Đường-luật.

(6) *Văn-nhân 文人* : Người đẹp-đẽ, có văn-chương.

(7) Ý nói : lời-lẽ sức-nức mùi thơm-tho.



Chẳng phen Tạ-nữ (1) cũng tày Từ phi. (1 bis)

Thơ ngâm đủ xuất đủ kỳ (2),

Cho hay tài gái kém gì tài trai.

Như vậy ai lại thua ai,

Vân Tiên họa lại một bài trao ra.

231. — Xem thơ biết ý gần xa,

Mai hòa vân điệu, điệu hòa vân mai (3).

Có câu xúc cảnh hứng hoài (4).

Đường xa vợi-vợi, dặm dài vợi-vợi (5).

Ai ai cũng ở trong trời,

Gặp nhau ta đã cạn lời thời thời.

(1) Tạ-nữ 謝女: con gái họ Tạ tức nàng Tạ Đạo Uẩn 謝道蘊 văn hay thơ giỏi có tiếng. Vợ của Vương Ngung 王戎 Chi đời Tấn.

(1 bis) Từ-phi tên Từ-Huê 徐惠. Người đời Đường con gái Từ Hiếu Đức. Lên 8 tuổi đã biết làm thơ. Đến lớn, văn-chương nước tiếng, được vua Đường Thái-tông (627-649) triệu vào trong cung làm tài-nhân. Một lần, vua vời, nàng không đến, vua giận. Nàng dâng bài thơ rằng: « Triều lai lâm kính-đài. Trang hải độc hồi-hồi. Thiên kim mĩ nhất tiểu. Nhất triệu khỉ năng lai? 朝來臨鏡臺。粧罷獨徘徊。千金買一笑。一召豈能來? ». Nghĩa: Buổi sớm đến chỗ đài gương: trang-diễm xong một mình hồi-hồi. Ngân vàng mua một nụ cười; Một lần vời há có thể lại? — Vua bèn tha tội.

(2) Dữ xuất đủ kỳ 愈出愈奇: càng nói ra càng thấy lạ.

(3) Mai, lan, cúc, trúc hoặc: Mai, điều, tùng, lộc, vồn là những bức tứ bình được nhiều bậc văn-nhân ưa-thích vì miêu-lả được đầy-đủ sự thanh-cao. Ở đây, ý nói bài thơ của Nguyệt-Nga xướng và Vân Tiên họa lại rất xứng nhau.

(4) Xúc cảm hứng hoài 觸景興懷: trông thấy cảnh, say-mê cảnh mà ôm tình hứng.

(5) Ý nói: (Nhờ vậy) đường xa mức mắt vẫn thấy dặm dài như được gần lại.

Tóm-thuật đoạn III. — Vân Tiên giết được Phong Lai rồi, liền hỏi thăm đến người gặp nạn. Ấy là nàng Kiều Nguyệt-Nga, con gái của quan Tri-phủ ở Hà-khê, quê nhà ở quận Tây-xuyên. Nguyệt-Nga được tin cha ở Hà-khê gửi về gọi nàng đến để định bề yên nhà yên cửa cho nàng. Nguyệt-Nga không dám cãi cha, mới cùng ra đi với con đòi tên là Kim-Liên. Xảy gặp Phong Lai dẫn lâu-la đón bắt. May được Vân Tiên cứu. Nguyệt-Nga chịu ơn, cảm tình, chẳng biết đền ơn thế nào cho phải. Vân Tiên khẳng-khái chẳng chịu cho người đền ơn. Nguyệt-Nga mới hỏi đến tên họ, biết được là Vân Tiên. Nguyệt-Nga bèn nghĩ-ngợi rồi rút trâm: « ... nay gặp tri-âm xin đưa một vật để cảm làm tin. Vân Tiên chẳng nhận, ngánh mặt. Nguyệt-Nga trông thấy nét-na chàng họ Lục: lấy làm cảm-phục, than-thở chẳng cùng, lại xin đưa một bài thơ giã-từ. Vân Tiên ưng lòng. Nguyệt-Nga thảo thơ. Tám câu năm vần của Nguyệt-Nga khiến Vân Tiên bớt lòng khinh rẻ. Vân Tiên bèn họa lại bài ấy. Cùng nhau từ-giã trong cảnh-tình cao-đẹp.

IV

NGUYỆT-NGA VỀ HÀ-KHÊ

237. — Vân-Tiên từ-g ã phản-hồi (1).

Nguyệt-Nga than-thở: « Tình ôi là tình!

« Nghĩ mình mà ngán cho mình,

« Nội ân chưa trả nội tình lại vương. »

241. — « Hữu tình hai chữ uyên-ương (2),

(1) Phản-hồi 返回: Trở về.

(2) Uyên ương 鴛鴦: Có người đọc là oan-ương. Một thứ chim, con đực là uyên, con cái là ương, ở từng cặp không khi nào rời nhau. Trong văn-chương, mượn hai tiếng uyên-ương để nói về vợ chồng thương nhau.



- « Chuỗi sầu ai khéo vấn vương vào lòng.  
 « Nguyễn cùng nguyệt-lão (1) hỏi ông !  
 « Trăm năm cho vẹn chữ tòng mới an.  
 « Hữu tình chi bấy Ngưu-lang (2),  
 « Tấm lòng Chức-nữ (3) vì chàng mà nghiêng.

(1) *Nguyệt-lão* 月老 : Tức. *Nguyệt-hạ* lão-nhân 月下老人 : Ông lão ở dưới mặt trăng. Tục truyền là vị thần xem việc hôn-nhân. Tích Vi Cố 葦園, người đời Đường, đi kén vợ, một hôm về đêm xảy một ông già ngồi trước sân chùa, bên mình có để một túi đựng toàn chỉ hồng, tay mở quyển sách soi ra sáng trắng mà xem. Vi Cố hỏi thì nói : sách ấy là sách Hôn-thư là sổ những người phải lấy nhau. Chỉ đã buộc rồi, thì dù thân, thù, quý, tiên, thế nào rồi cũng phải hợp. Vì tọc mạch hỏi thăm về duyên-nợ của mình, ông già dưới trăng cũng vui-vẻ cho biết rằng đã xe dây cho Vi lấy một đứa con gái nhà hàng rau. Sáng ngày Vi ra chợ, theo lời chỉ bảo của ông già dưới trăng, thấy người có duyên nợ với mình nghèo nàn quá, Vi giận bèn mượn người giết chết đứa con gái ấy đi. Nhưng không giết được. Đến sau Vi cưới vợ té ra người vợ lại chính là người con gái mà Vi đã toan giết ấy.

(2) *Ngưu-lang* 牛郎 : Chàng Thiên-Ngưu tức là chàng Ngưu (đọc chạnh ra Ngâu). Tục truyền rằng cứ đêm thất tịch (mồng 7 tháng 7) thì Chức-nữ (Xem Chức-nữ) và Ngưu-lang gặp nhau.

(3) *Chức-nữ* 織女 : Người con gái dệt vải. — Tên một vì sao. Truyền xưa nói rằng sao Chức-nữ là thiên-tôn-nữ (cháu gái trời) gả cho sao Khiên-Ngưu. Vì cả hai say-đắm nhau đến quên bổn-phận : chàng chăn trâu, nàng dệt vải, Ngọc-hoàng mới giận đày họ xa nhau, cách một con sông Ngân, mỗi năm chỉ cho phép gặp nhau một đêm, mồng 7 tháng 7, do lũ quạ đen sói đầu bắc cầu cho hai người đến với nhau. Nay vẫn còn tục lệ mồng 7 tháng 7 là tích ấy.

- « Thôi thôi, em hỏi Kim-Liên !  
 « Dãy xe cho chị qua miền Hà-khê ».  
 Trái qua dấu thổ đàng dè,  
 Chim kêu vượn hú tư bề nước non.  
 251. — « Vái trời cho dựng vòng tròn,  
 « Trăm năm cho trọn lòng son với chàng ».  
 Phút đầu đã tới phủ-đàng (1),  
 Kiêu-công xem thấy lòng càng sinh nghi.  
 Hỏi rằng : « Nào trẻ tùy-nhi (2),  
 « Có sao nên nổi con đi một mình »,  
 Nguyệt-Nga thừa việc tiền-trình (3),  
 Kiêu-công tưởng nổi sự-tình chẳng vui.  
 Nguyệt-Nga dạ hãy ngùi-ngùi,  
 Nghĩ mình thôi lại sứt-sùi đòi con :  
 261. — « Lao-đao phận trẻ chi sòn,  
 « No nao (4) trả dựng công-ơn cho chàng ».  
 Kiêu-công nghe nói liền cau,  
 Dạy rằng : Con hãy nghĩ an mình vàng.  
 « Khi nào cha rảnh việc quan,  
 « Cho quân qua đó mời chàng đến đây.  
 « Sao sao chẳng kịp thời chầy,  
 « Cha nguyện trả đặng ơn này thì thôi.

(1) *Phủ-đàng* (đường) 府堂 : Dinh-thự của quan tri-phủ.

(2) *Tùy-nhi* 隨兒 : Tùy : theo. Nhi : con. Bọn theo hầu Nguyệt-Nga.

(3) *Tiền-trình* 前程 : Bước đường trước mặt.

(4) *No nao* : No do chữ nỗ chuyển ra. Không biết thừa nào.



« Hậu-đường (1) con hãy tạm lui,

« Làm khuấy dạ trẻ cho vui lòng già ».

271. — Tây lâu (3) trống điểm sang ba,  
Nguyệt-Nga còn hãy xót-xa phận mình.

Dời chân ra chốn hoa-đình (2),

Xem trắng rồi lại chạnh tình cổ-nhân (4).

Than rằng : « Lưu-thủy cao sơn (5),

« Ngày nào nghe đặng tiếng đàn tri-âm.

« Chữ tình càng tưởng càng thâm (6),

« Muốn pha khó lợt, muốn dầm khôn phai.

« Voi-voi dất rộng trời dài,

« Hỏi ai nỡ để cho ai đeo phiến ? »

(1) Hậu-đường 後堂 : Nhà sau.

(2) Tây-lâu 西樓 : Lầu ở phía tây.

(3) Hoa-đình 花亭 : Viện trồng hoa.

(4) Cổ-nhân 故人 : Người xưa.

(5) Lưu-thủy cao-sơn 流水高山 : Nước trôi, núi cao. Lấy điển Bá-Nha Tử-Kỳ. Quan đại-phu Bá-Nha nhân một đêm trăng, lênh-dênh trên thuyền về quê, ngồi ôm đàn khảy. Tử-Kỳ ngồi trên bờ lắng nghe, nức-nở khen. Bá-Nha cho người mời xuống thuyền cùng nhau trò-chuyện lấy làm ưng-ý bèn kết làm đôi bạn. Trong khi thử tài nhau, Bá-Nha ngồi ôm đàn, nghĩ-ngợi, chỉ ở chốn nước biếc, Tử-Kỳ gật đầu, nghe đàn rồi bảo rằng : « Voi voi chỉ đại-nhân ở nơi lưu thủy ». Bá-Nha chẳng nói gì, lại đề chỉ ở chốn non cao lên tiếng đàn, Tử-Kỳ cười bảo : « Voi voi chỉ đại-nhân ở chốn cao-sơn ».

(6) Thâm 深 : sâu.

281. — Trở vào bèn lấy bút nghiên,  
Đặt bàn hương-án (1) chúc nguyện thần linh.  
Lầu-lầu (2) một tấm lòng thành,  
Họa ra một bức tượng hình Vân Tiên.  
Than rằng : « Ngàn dặm sơn xuyên (3),  
« Chữ ân dề dạ, chữ duyên nhuộm sâu ».

(1) Hương-án 香案 : Bàn đốt hương.

(2) Lầu-lầu : Do chữ lau chùi ra. Sạch như lau.

(3) Sơn-xuyên 山川 : núi sông.

**Tóm-thuật đoạn IV. — Vân Tiên từ - giã**  
Nguyệt-Nga, nhắm hương về quê. Nguyệt-Nga than-  
thở âm-thầm ; trên đường qua Hà-khê, bên lòng  
trăm mối ngồn-ngang. Ân-tình vương-vấn nên sâu,  
Nguyệt-Nga lòng đã nguyện với lòng : « Trăm năm  
cho trọn lòng son với chàng ».

Qua tới Hà-khê, Kiều-công trông thấy con đi có  
một mình, lấy làm nghi, bèn han-hỏi. Nguyệt-Nga  
thừa rõ sự tình, lại tỏ về bản-khoản về ơn-nghĩa.  
Kiều-công khuyển-bảo Nguyệt-Nga hãy yên lòng,  
chẳng sớm thì muộn ơn kia sẽ có ngày trả đặng.

Trên lầu riêng, Nguyệt-Nga vẫn nhớ Vân Tiên.  
Trông canh ba hãy còn thao-thức, lại lần ra chốn  
trồng hoa, ngắm trăng chạnh tình, không làm sao  
quên được người trong phút giây gặp-gỡ.

Than-thở khôn cùng, Nguyệt-Nga bèn đặt bàn  
đốt hương vái lạy cầu nguyện với thần linh, rồi đem  
hết một tấm lòng thành, sạch như lau tự thừa nay,  
ngồi vẽ bức tượng hình Vân Tiên, lòng đầy cảm  
cảnh.



V  
VÂN TIÊN ĐI THI

Truyện nàng sau hãy còn lâu,  
Truyện chàng xin nổi thứ đầu chép ra.  
Vân Tiên từ cách Nguyệt-Nga,

Giữa đường lại gặp người ra kinh kỳ (1),  
291. — Xa xem mặt mũi đen sì,  
Minh cao sồ-sộ dị-kỳ (2) rất hung.

Nhớ câu bình-thủy tương-phùng (3),  
Anh-hùng lại gặp anh-hùng một khi.

Chẳng hay danh-tính (5) là chi,  
Một mình mang gói ra đi việc gì ?  
Đáp rằng : « Ta cũng xuống thi,

Hón Minh tính tự (6) Ô-mi quê nhà.

Vân Tiên biết kẻ chính-tà (7),

(1) Kinh-kỳ 京畿 : Đất ở thủ-đô một nước.

(2) Dị-kỳ 異奇 : khác lạ.

(3) Bình-thủy tương-phùng 萍水相逢 : Bèo nước gặp nhau. Thành-ngữ chỉ về sự gặp-gỡ nhau trong cảnh trôi nổi.

(4) Anh-hùng 英雄 : Anh là vua loài hoa, hùng là vua loài thú. Anh-hùng là người tài-hạnh tốt vời.

Theo Văn-trung-tử Vương-Thông thi : Tự tri giả anh  
自知者英 : Tự biết mình là anh. Tự thắng giả hùng 自  
勝者雄 : Người tự biết mình là hùng.

(5) Danh-tính 名姓 : Tên, họ.

(6) Tính-tự 姓字 : Chữ tên.

(7) Chính-tà 正邪 : Chính là ngay-thẳng và tà, lệch  
vay. Người ngay-thẳng và người không ngay-thẳng.

Hễ người dị tướng (1) ắt là tài cao.  
301. — Chử rằng : Bằng hữu chi giao (2),  
Tình kia đã gặp lẽ nào làm khuây ?  
Nên rùng há dễ một cây,  
Muốn cho có đó cùng đây luôn vẫn.  
Kia nơi võ-miếu (3) hầu gần,  
Hai ta vào đó nghỉ chân một hồi.  
Cùng nhau bày-tỏ tên rồi,  
Hai chàng từ-tạ (4) đều lui ra đường.

(1) Dị-tướng 異相 : Tướng mạo khác lạ.

(2) Bằng hữu chi giao 朋友之交 : Cái giao tình giữa  
anh em bạn với nhau.

(3) Võ-miếu 武廟 : Miếu thờ vị thần của con nhà võ.  
Có bản chép là miếu võ (hoặc vũ) 廟宇 : Chỗ đền-  
chùa thờ Thần Phật.

(4) Từ-tạ 辭謝 : Cáo-từ mà cảm-tạ.

Tóm-thuật đoạn V. — Nguyệt-Nga vương-vân  
nổi ân nổi tình.

Trong khi ấy, Vân Tiên chỉ nghĩ đến việc lo bề  
công-danh, hiếu-dạo.

Giữa đường về thăm cha mẹ, Vân Tiên gặp  
người ra kinh. Người ấy mặt mũi đen sì, thân cao,  
tướng thật lạ. Vân Tiên có mắt xem người. Nghĩ câu  
« hễ là dị tướng ắt là tài cao », trong con nước bèo  
gần-gỡ. Vân Tiên bèn thăm hỏi. Ấy là Hón Minh,  
người ở Ô-mi.

Vân Tiên mới cùng với Hón Minh cùng vào  
miếu thờ thần-võ ở gần đó mà nghỉ chân. Tên họ tỏ  
bày, cả hai kết làm bạn.



VI

VÂN TIÊN ĐỀ HƠN MINH ĐI TRƯỚC,  
MÌNH VỀ THĂM NHÀ ĐÀ

Hơn Minh đi trước tựu trường (1)

Vân Tiên còn hãy hồi hương (2) viếng nhà.

311. — Mừng rằng : « Nay thấy con ta,

« Cha già hăng tướng, mẹ già luống trông.

« Bấy lâu đèn-sách gia công (3),

« Con đã nên chữ tang-bồng (4) cùng chẳng ? ».

Vân Tiên quì lạy thưa rằng :

« Chẳng hơn người cổ cũng bằng người kim (5).

« Dám xin cha mẹ an tâm (6),

(1) *Tựu-trường* 就場 : Đến nhà trường. Ở đây là nơi thi.

(2) *Hồi hương* 回鄉 : Về làng.

(3) *Gia-công* 加功 : Thêm công-phu vào mà làm. Đèn sách gia công : Lúc nào cũng đem hết sức để vào sự học, làm bạn với sách đèn.

(4) *Tang-bồng* 桑蓬 : Do thành-ngữ Tang-bồng hồ thí 桑蓬孤矢 là cung bằng gỗ dâu, tên bằng cỏ bông. — Ngày xưa tục Trung-hoa hễ để con trai thi dùng cung tên bằng gỗ dâu và cỏ bông bắn sáu phát lên trời xuống đất và ra bốn phương, tỏ ý người con trai sẽ có công-việc ở trời đất và bốn-phương. Vì thế người ta dùng thành-ngữ : « Tang-bồng hồ-thí » để nói sự vẫy-vùng của người con trai có chí-khí.

(5) *Kim* 今 : Bây giờ. Nay. Đối với *cổ* 古 là xưa. Ở câu này, chữ kim cũng có đọc là cầm để ăn vắn với hai câu dưới.

(6) *An tâm* 安心 : yên lòng.

« Cho con trả nợ thanh khâm (1) cho rồi ».

Mẹ cha thấy nói thêm vui,

Lại lo non nước xa-xuôi ngàn trùng.

321. — Cho theo một đũa tiêu-dồng (2),

Thư phong (3) một bức dặn cùng Vân Tiên :

« Xưa đã định chữ lương-duyên (4),

« Cùng quan hưu-trí (5) ở miền Hàn-giang.

« Con người là Võ Thê-Loan,

« Tuổi vừa hai bảy (6) dung-nhan mấn-má.

« Chữ rằng : « Hồ-Việt nhất gia (7),

« Con đi tới đó trao qua thư này.

« Con đầu bước đặng thang mây (8),

« Dưới chân đã sẵn một dầy tơ-hồng (9).

(1) *Thanh-khâm* 青襟 : Áo màu xanh. Ngày xưa học-trò trường công ở Trung-quốc mặc áo màu xanh, nên gọi học-trò là thanh-khâm. Trả nợ thanh-khâm : trả nợ học-trò. Nghĩa là có công ăn-học thì phải lo đem việc học được giúp đời.

(2) *Tiêu-dồng* 小童 : Đứa trẻ con hầu-hạ.

(3) *Phong* 封 : Đóng kín lại.

(4) *Lương-duyên* 良緣 : Nhân-duyên tốt lành.

(5) *Hưu-trí* 休致 : Về già nghỉ việc quan.

(6) *Hai bảy* : 14 tuổi.

(7) *Hồ Việt nhất gia* 胡越壹家 : Người Hồ người Việt ở một nhà. Thành-ngữ chỉ về : lạ thành quen, xa thành gần.

(8) *Thang mây* : Do chữ Hán là Vân-thê 雲梯 : nghĩa là cái thang để bước lên mây. Tức đường công-danh. Lên mây tức là lúc được thỏa ý-chí.

(9) *Tơ-hồng* : Do chữ xích-thằng 赤繩 : Người Vi-Cổ đời Đường gặp một ông già dưới bóng trăng nói rằng : trong túi có sợi dây đỏ để buộc chân những cặp vợ chồng với nhau.



**Tóm-thuật đoạn VI.**— Hòn Minh đi trước đến trường thi, Vân Tiên hãy còn phải trở về làng thăm-viếng cha mẹ.

Ông bà họ Lục mừng-rỡ con về, hỏi-han việc học. Vân Tiên thưa trình công-phu đèn sách, và xin cha mẹ yên lòng cho đi trả nợ học-trò

Ông bà họ Lục nghe nói thêm vui. Nhưng sợ non nước xa-xuôi, mới cho một đũa trẻ theo hầu ; tại viết một bức thư niêm lại mà trao cho Vân Tiên dặn rằng : Ngày xưa đã có định cuộc nhân-duyên tốt lành cho Vân Tiên với con gái một viên quan già về nghỉ việc ở Hàn-giang tên là Võ Thê-Loan, đến nay đã mười bốn tuổi, dung-nhan mặn-mà. Vậy thì kẻ Hồ người Việt đã nên gần, hãy đi tới đó trao thư ; sau dầu sẽ được thõa chí lên mây thì dưới chân cũng đã sẵn dây tơ đỏ làm vui lòng đẹp ý vậy.

VII

VÂN TIÊN RA ĐI THI — GHÉ  
VÕ-CÔNG GẶP BẠN

331. — Song-thân (1) dạy bảo vừa xong,  
Vân Tiên cùng gã tiểu-dồng đòi chân.  
Ra đi tách dậm băng chùng,  
Gió nam rày đã đưa xuân qua hè.  
Lại xem dậm liễu đường hoè,  
Tin ong ngơ-ngáo, tiếng ve vang-dày.  
Vui xem nước nọ non này,  
Nước xao sóng dợn, non vầy đá cao.

(1) Song-thân 雙親 : Hai đấng thân, tức cha và mẹ.

Màn trời gấm trải biết bao,  
Trên nhành chim nói, dưới ao cá cười.

341. — Quận-thành nhắm kiềng (1) coi người,  
Kiềng xinh như vẽ, người tươi như dôi.

Hàn-giang phút đã tới nơi,  
Vân Tiên ra mắt một hồi trình thư.

Võ-công lấy đọc bấy giờ,  
Mừng duyên cầm sắt (2) mới tơ dặng liền.

Liếc coi tướng-mạo (3) Vân Tiên,  
Khá khen họ Lục phúc hiền sinh con.

Mày tằm mắt phụng môi son,  
Mười phân (4) cốt cách (5) vuông tròn mười phân.

351. — Những kẻ Tấn người Tần (6),  
Nào hay chữ ngẫu (7) dặng gần chữ giai (8).  
Xem đà đẹp-đẽ hòa hai,

(1) Kiềng : Do chữ cảnh 景. Cũng như : Vi thành biển ra vi thiềng, vi cánh biển ra vi kiếng.

(2) Cầm-sắt 琴瑟 : Đàn cầm và đàn sắt. Duyên cầm-sắt là duyên vợ chồng hòa-hiệp, như đàn sắt đàn cầm hòa nhau.

(3) Tướng-mạo 相貌 : Về mặt, dáng-dấp.

(4) Phân : phần.

(5) Cốt cách 骨格 : Kiêu-dáng con người.

(6) Tấn Tần 晉秦 : Hai nước đời Xuân-thu ở Trung-quốc, nhà vua hai nước ấy kết hôn cùng nhau đời đời.

(7) Ngẫu 偶 : Đôi lứa.

(8) Giai 佳 : Tốt đẹp. Chữ ngẫu dặng gần chữ giai : Ý nói đôi lứa tốt đẹp.



Này dẫu Nam-giản (1) nọ trai Đông-sàng (2).

Công rằng : « Ngãi-tế (3) mới sang,

« Muốn lo việc nước hãy toan việc nhà ».

Tiên rằng : « Nhờ lượm nhạc-gia (4),

« Đại-khoa (5) dẫu dặng, tiểu-khoa (6) lo gì ».

Công rằng : « Con dốc xuống thi,

« Sao không kết bạn mà đi tự trường ?

361. — « Gần đây có một họ Vương,

« Tên là Tử Trục văn-chương tốt đời.

« Cha đã sai trẻ qua mời,

« Dặng con cùng gã thử chơi một bài.

« Thấp cao, cao thấp, biết tài,

(1) Nam-giản 南澗 : Người đi làm dẫu. Lấy điển ở Kinh Thi có câu : « Vu dĩ thê tần, nam giản chi tần, 于以采蘋南澗之濱 » Nghĩa : hái rau tần nơi khe phía nam. Do đó dùng câu dẫu nam-giản, chỉ về sự chịu thương chịu khó của người con gái về làm dẫu đi hái rau bắt ốc đơm quấy tiên-nhân bên chông.

(2) Đông-sàng 東床 : Giường phía đông. Lấy điển : Đời Tấn họ Tạ sai người sang nhà họ Vương để kén rể cho con gái mình là Tạ đạo Uần. Con em nhà họ Vương có nhiều người đẹp-đẽ hay giỏi, nghe được tin họ Tạ sai người đến, các anh rủ nhau làm ra bộ nghiêm-chỉnh, duy có Vương-Hựu Quân cứ nằm uõn bụng trên giường phía đông mà ăn bánh, làm như cách không nghe đến. Tạ-công khen rằng : Thằng ấy là thằng rể tốt lắm. Do đó người ta gọi chàng rể là đông-sàng.

(3) Ngãi (nghĩa) tế 義塔 : Con rể có nghĩa.

(4) Nhạc-gia 嶽家 : Nhà ông nhạc. Tức nhà cha mẹ vợ.

(5) Đại khoa 大科 : Đại đẳng khoa 大登科 : Những người đậu khoa thi Hội, thi Đình.

(6) Tiểu khoa 小科 : Tiểu đẳng khoa 小登科 : Người mình hay nói : thi đậu là đại đẳng khoa, cưới vợ là tiểu đẳng khoa. Ý rằng cưới vợ cũng là một việc mừng như thi đỗ.

« Vầy sau hạn trước (1) cùng mai (2) mới màu ».

Xảy dẫu Tử Trục tới hầu,

Võ-công sẵn đặt một bầu rượu ngon.

Công rằng : « Này bỏ hai con !

« Thơ hay làm dặng rượu ngon thưởng liền.

371. — Muốn cho Trục sánh cùng Tiên,

« Lấy câu « bình thủy hữu duyên » (3) làm đề ».

Song song hai gã giao kê,

Lục, Vương, hai họ đua nghề một khi.

Cho hay kỳ lại gặp kỳ (4),

Bạch-Hàm há để kém chi Như-Hoành (5).

(1) Trước (trúc) 竹 : Tre. Người ta sánh trúc như quân-tử vì thân cao-thẳng.

(2) Mai 梅 : Cây mai. Ví với người đẹp-đẽ trinh-chính. Vì mai là thứ cây nở trước nhất trong tiết đông lạnh, có vẻ cao-nhã khảng-khái. Trúc và mai là hai thứ cây đến mùa đông đều cùng xanh tốt. Tranh vẽ của người Tàu thường vẽ cây trúc với cây mai luôn. Có chỗ cho cây « mai » là cây tre lớn để đi cặp với cây trúc là cây tre nhỏ. Sách « Lương ban thu vũ tỳ bút » lại chép : Có một chàng trai và cô gái đứng trò chuyện với nhau trên bờ một đầm kia ở huyện Long-môn, tỉnh Quảng-đông. Hai người cầm hai cây thanh trúc ném xuống đầm mà nói rằng : « Hai thanh trúc này mà khép lại với nhau thì chúng ta sẽ lấy nhau làm vợ chồng ». May sao hai thanh trúc cùng hiệp lại làm một như lời nguyện của đôi trai gái. Sau thiên-hạ vùng đó gọi đầm ấy là « Đỗ phụ đầm » 賭婦潭 nghĩa là đầm đánh cá được vợ. Còn trúc mọc trên đầm ấy gọi là mai trúc.

(3) Bình thủy hữu duyên 萍水有緣 : bè nước có duyên.

(4) Kỳ 奇 : lạ thường.

(5) Bạch-Hàm, Như-Hoành : Hai nhân-vật trọng tiêu-thuyết « Bình-Son Lãnh-Yến » tài-hoa nổi tiếng.



Công rằng : « Đơn quế (1) đôi nhánh,  
Bảng vàng thẻ bạc đã đành làm nêu.

« Như chuông chằng đánh chằng kêu,

« Ngọn đèn tỏ rõ trước khêu bởi mình.

381. — « Thiệt trang lương-đống (2) đã đành,

« Khá khen hai họ tài lành hòa hai ».

Trực rằng : « Tiên vốn cao tài,

« Có đầu én học (3) sánh vai một bầy.

« Tinh-cò mà gặp nhau đây,

« Trực rằng xin nhượng Tiên rày làm anh.

« Nay đà nên nghĩa đệ-huynh (4).

« Xin về mai sẽ thượng-trình (5) cùng nhau ».

Phút xem trăng đã đứng đầu (6),

Vân Tiên vào chốn thư-lầu (7) nghỉ an.

391. — Võ-công trở lại hậu-đàng (8),

Đêm khuya dạy-dỗ Thê Loan mọi lời :

« Ngày mai vừa rạng chân trời,

Tiêu-nhi (9) trang-diễm (10) ra nơi lê-đình (11).

« Gọi là chút nghĩa tổng tình (12).

(1) *Đơn quế* 丹桂 : Trưng-truyền trên cung trăng có cây quế. Ý nói : Cao-cả, giỏi-dẫn.

(2) *Lương-đống* 樑棟 : Rường cột. Người có tài-năng giúp việc cho nước nhà.

(3) *Học* 鵲 : Thứ chim giống như con nhạn, cũng gọi là thiên-nga.

(4) *Đệ-huynh* 兄弟 : Anh em.

(5) *Thượng-trình* 上程 : lên đường.

(6) *Trăng đã đứng đầu* : 12 giờ khuya.

(7) *Thư-lầu* 書樓 : Lầu chứa sách-vở.

(8) *Hậu-đàng* (đường) 後堂 : Nhà sau.

(9) *Tiêu-nhi* 小兒 : Con trẻ.

(10) *Trang-diễm* 粧點 : Trau-dồi, tô-vẽ.

(11) *Lê-đình* 梨庭 : Sân lê.

(12) *Tổng tình* 送情 : Đưa tình.

« Phòng sau cho khỏi bất bình (1) cùng nhau »,

Bóng trắng vừa lộ nhánh dâu,

Vân Tiên vào tạ giấy lâu xuất-hành (2).

Ra đi vừa thừa bình-minh (3),

Thê Loan đứng trước lê-đình liêm-dung (4).

401. — Thừa rằng : « Quân-tử phó công (5),

« Xin thương bồ-liễu (6) chữ tông (7) ngây-thơ.

« Tấm lòng thương gió nhớ mưa,

« Đường xa ngàn dặm xin đưa một lời.

« Ngày nay thánh chúa (8) trị đời,

« Nguyễn cho linh-phụng (9) gặp nơi ngôi  
đồng (10).

(1) *Bất bình* 不平 : Không bằng lòng.

(2) *Xuất-hành* 出行 : Ra đi.

(3) *Bình-minh* 平明 : Lúc trời mới sáng.

(4) *Liêm-dung* 斂容 : Nghiêm-chỉnh hình-dung để bày tỏ lòng kính.

(5) *Phó công* 赴公 : Đi đến nơi công cộng.

(6) *Bồ-liễu* 蒲柳 : Cây thủy-dương. Thê-chất yếu-ớt. Bồ là cỏ bồ ta gọi là côi, liễu là cây liễu. Cỏ bồ yếu-ớt, cây liễu mềm-mỏng, vì thế ta thường ví con gái mảnh-dẽ như bồ liễu. Cô Duyệt cùng tuổi với Giản Vân mà đàn lại bạc trước. Giản Vân hỏi : « Tại sao bác lại chóng bạc đầu như thế ? » Cô đáp : « Bồ liễu chi tư vong thu nhi lạc ; Tùng bách chi chất kinh sương độc茂 ». Nghĩa : Cây bồ cây liễu là thứ cây yếu-ớt, hề trông thấy mùa thu đến thì đã rụng và héo rồi. Tính chất của cây tùng, trải sương tuyết vẫn riêng sum-sê.

(7) *Tông (tùng) 從* : Vàng. Theo

(8) *Thánh chúa (chủ) 聖主* : Chúa thánh.

(9) *Linh phụng* 靈鳳 : Chim phụng linh,

(10) *Ngô đồng* 梧桐 : Cây ngô-dồng hình-dáng đẹp-dẽ cao-lớn. Tục truyền chim linh-phụng gặp cây ngô-dồng mới chịu đậu.



- Quản bao chút phận má hồng,  
 « Phòng khuya vô-võ, đợi-trông khôn lường.  
 « Chàng dầu cung quế (1) xuyên dương (2),  
 « Thiếp xin hai chữ tao-khương (3) cho bằng.

(1) *Cung quế* : Do chữ Quế-cung 桂宮 tức cung trăng. Vì tục truyền trên cung trăng có cây quế. Ý nói : được nơi đẹp-đẽ. Xưa Hán Vũ-đế (140-89 tr. t. l.) có làm một cái cung gọi là Quế-cung cho nàng Trương Lệ Hoa ở. Cửa tròn như mặt trăng, lộng kiếng. Sân sau dựng một bức tường vôi, tô phần trắng, giữa sân trồng một cây quế, có ý xây-dựng theo như lời tục truyền trên cung trăng.

(2) *Xuyên dương* 穿楊 : Suốt qua cây dương. Lấy điển : Đường do Cơ người nước Sở đời Chiến-quốc, làm tùy tướng quan lệnh-đoãn Nhạc Bá đời Sở Trang-vương, có tài bắn hay. Đứng xa cây dương liễu một trăm bước để bắn lá cây mà Đường bắn phát nào trúng phát nấy. Ý nói : mưu việc đều được cả. Do đó có thành-ngữ : bách bộ xuyên dương : trăm bước bắn suốt dương-liễu.

Câu « *Chàng dầu cung quế xuyên dương* » có nghĩa là : Dầu chàng có lấy được ai khác đẹp. (Vì tài học của chàng ắt thi đỗ cao, có thiếu gì nơi gấm-ghé.

(3) *Tao-khương* 糟糠 : Tắm, cám. Ý nói : Vợ chồng lấy từ khi nghèo-hèn, dầu đến khi giàu-sang không nở bỏ nhau. Lấy điển : Người đời Hán là Tống Hoảng, nhân thấy vua có ý muốn Tống bỏ vợ để gả người chị gái góa là Hồ Dương công-chúa cho, Tống nói : Tao-khang chi thể bất khả hạ đường 糟糠之妻不可下堂 : Nghĩa : vợ chồng hời tấm mẫn có nhau, chẳng khá bỏ nhau. Hồ Dương ngồi núp trong màn nghe vậy thì biết việc không xong rồi, lấy làm hổ thẹn nhưng vẫn có lòng kính trọng Tống Hoảng là người có tinh nghĩa.

411. — « Xin đừng tham đó bỏ dăng,  
 « Chơi lê quện lựu, chơi trắng quên đèn ».  
 Tiên rằng : « Như lửa mới nhen,  
 « Dẽ trong một bếp mà chen mấy lò.  
 « May duyên rui nợ dẽ phò,  
 « Chớ nghi Ngô Khởi (1) hãy lo Mãi Thần (2). »  
 Thê Loan vội-vã lui châu,  
 Vân Tiên từ-biệt (3) trông chừng Trường-an.

(1) *Ngô-Khởi* 吳起 : Viên tướng giỏi ở nước Vệ, đời Đông Chu. Lúc trẻ, từ-giã mẹ đi tìm thầy mà học, thê trước mặt mẹ rằng : chừng nào được công-danh mới trở về thăm. Đến cầu học với Tống Sâm là học trò đức Khổng-tử. Được ít lâu, Ngô nghe tin mẹ chết mà không tỏ vẻ thương-nhớ gì cả. Thầy học chê là người bất hiếu bất nghĩa, bèn đuổi đi. Ngô bỏ sang nước Tề. Uốn ba tất lưỡi, Ngô được vua Tề gả công-chúa cho. Nhưng sau đó, Ngô lại bỏ Tề, dắt vợ sang ở bên Lỗ. Chưng Lỗ muốn đánh Tề, Tề-trương nước Lỗ là Công-nghi Hựu tiến-cử Ngô với vua Lỗ. Lỗ-hầu sợ vợ Ngô là người nước Tề e Ngô không thiệt lòng. Ngô biết ý bèn về giết vợ đem dâng đầu cho Lỗ hầu, rồi lãnh binh đi phạt Tề, có công được Lỗ Mục-công phong tước trọng hậu. Nhưng về sau nước Lỗ cũng không dám dùng Ngô vì xét thấy là người tàn-nhẫn, vô tình. Ngô lại bỏ Lỗ qua đầu Vua Diệu-vương nước Sở. Rồi lại Ngô chết vì nước Sở có loạn.

(2) *Mãi-Thần* : Chu-Mãi Thần người đời Hán thừa nghèo-khó đi đốn củi đổi gạo mà ăn. Nhưng tinh chăm học-hay treo sách trên đầu gióng, vừa gánh củi vừa học. Vợ thường hăm dẽ bỏ, Mãi-Thần xin vợ đừng buồn, thế nào về sao cũng hiền-đạt. Vợ không nghe, bỏ đi lấy chồng khác. Sau, Mãi-Thần nên quan cao lộc cả, vợ xin về ở lại, Mãi-Thần đang cầm chén nước bèn đổ xuống đất mà bảo : Hối lại cho đây thì xin vàng.

Vợ xấu-hồ thất họng chết.

(3) *Từ-biệt* 辭別 : Cáo-từ đề đi.



**Tóm-thuật đoạn VII.**— Vâng lời cha, Vân Tiên cùng tiểu-dồng ra đi, tìm tới Hàn-giang trình thư. Võ-công xem thư, nhìn xem diện-mạo Vân Tiên, lấy làm vừa ý, thăm khen họ Lục phước hiền sinh con.

Võ-công nói cùng Vân Tiên: « Muốn lo việc nước, hãy toan việc nhà ». Nhưng Vân Tiên coi cuộc vợ chồng là nhỏ, cảm ơn cha vợ, mà xin đem công-danh tàm sinh-lễ.

Võ-công thêm bằng lòng, cho rước một người trai ở gần đó, họ Vương tên Tử Trục, đến làm thơ cùng Vân Tiên, để thử tài.

Tài Tiên cùng Trục ngang-ngửa. Võ-công cả tiếng khen. Tử Trục cũng kính Vân Tiên làm anh. Trục về, Tiên ngoi-ngảnh.

Võ-công vào nhà sau dạy-dỗ con gái là Võ Thê Loan, cho được phép ngày mai đưa linh cùng Vân Tiên, cho đôi trẻ về sau tình sẽ đậm.

Rạng ngày, Vân Tiên xin đi. Thê Loan nghiêm-chỉnh tổ-bày lòng yếu-kính.

Vân Tiên cả quyết đề lời cùng vợ đã hứa-hôn: linh tôi xin giữ vẹn, chẳng học đòi Ngô Khởi giết vợ cầu tướng, chỉ sợ nàng không kham nghèo-khó như vợ Mãi-Thần!

Thê Loan vội-vả lui chân. Vân Tiên từ-biệt lên đường để vào trường.

VIII

VÂN TIÊN TỪ BIỆT VÕ-CÔNG, THÊ-  
LOAN, LÊN ĐƯỜNG RA KINH THI, GẶP  
VƯƠNG TỬ-TRỤC, TRỊNH-HÂM, BÙI-KIỆM

Xa xa vừa mấy dặm đường,  
Gặp Vương Tử-Trục vầy đoàn đều đi.

421. — Trãi qua thủy-tú sơn-kỳ (1),  
Phi lòng cá nhảy gặp thi rồng bay (2).  
Người hay lại gặp kiềng (3) hay,  
Khác nào Tiên-tử (4) chơi rày Bồng-lai (5).  
Cùng nhau tả chút tình hoài (6)  
Năm ba chén rượu một vài câu thơ.  
Công-danh ai chẳng ước-mơ,  
Ba tầng cửa võ (7) một giờ nhảy qua.  
Cùng nhau bàn-bạc gần xa,  
Chữ tài chữ mệnh xưa hòa ghét nhau.

431. — Trục rằng: « Rồng xuống vực sâu,  
« Mặc dầu giỡn sóng mặc dầu chơi mây ».  
Tiên rằng: « Hồng-học đều bay,  
« E khi mỗi cánh lạc bầy về sau ».  
Mảng còn trò-chuyện với nhau,  
Trông chừng kinh-địa (8) đã hầu tới nơi.

(1) Thủy-tú sơn-kỳ 水秀山奇: Sông đẹp núi lạ.

(2) Cá nhảy rồng bay: Cá nhảy qua cửa võ thi hóa rồng (Xem chú-thích « Cửa võ » ở dưới). Rồng bay thi mưa thuận gió hòa. Cá nhảy rồng bay là thành-ngữ chỉ về sự mong-trước được thỏa.

(3) Kiềng: Do chữ cảnh chuyển ra. Cũng như thành: thiềng, cảnh, kiếng.

(4) Tiên-tử 仙子: Người tiên. Người thanh-cao đạo-đức.

(5) Bồng-lai: 蓬萊 Chỗ tiên ở. Theo thần-thoại, Bồng lai, Phương-trượng, Doanh-châu là tên ba hòn núi của tiên ở trong hệ Bột.

(6) Tình hoài 情懷: Mỗi tình ở trong lòng.

(7) Võ môn: Một khúc núi ở thượng-du sông Trường-giang bên Tàu, tỉnh Tứ-xuyên. Ở dưới chân núi có vực sâu. Tương truyền đến mùa thu nước lụt, cá đua nhau nhảy qua. Con nào nhảy khỏi thi hóa rồng. — Nước ta có huyện Hương-khê, tỉnh Hà-tĩnh cũng có vực như vậy.

(8) Kinh-địa 京地: Đất kinh-đô. Thủ-phủ một nước.



Chênh-chênh vừa xế mặt trời,  
Hai người tìm quán nghỉ-ngơi đợi kỳ.

Phút đầu gặp bạn đi thi (1),

Đều bày tên họ một khi mới tường.

441. — Một người ở quận Phan-dương (2),  
Tên Hâm họ Trịnh tầm-thường nghề văn.

Một người ở quận Dương-xuân,

Họ Bùi tên Kiệm tác chường đôi mươi.

Hai người lại gặp hai người,

Đều vào một quán vui cười ngả-nghiêng.

Kiệm rằng : « Nghe tiếng anh Tiên,

« Nay đã thấy mặt phi-nguyên ước-ao ».

Hâm rằng : « Chưa biết thấp cao,

« Làm thơ mới biết bậc nào tài-năng ».

451. — Bên kêu ông quán nói rằng :

« Khá toan sắm-sửa đồ ăn cho bề (3).

Quán rằng : « Thịt cá ê-hề,

« Khô lân chả phụng bộn-bề thiếu đầu.

« Kia là thuốc lá ướp ngâu,

« Trà ve tuyết diêm (4) rượu bầu cúc hương (5).

« Đề khi đãi khách giàu-sang,

(1) Nguyên bản của cụ Trương Vĩnh Ký... gặp bạn  
cổ-tri.

(2) Phan-dương : Hoặc đọc là Bà-dương.

(3) Bề : Do chữ bế-hệ chuyển ra. Nghĩa là đóng cửa  
nằm nhà cũng chẳng thiếu-thốn gì.

(4) Tuyết diêm 雪點 : Lấm-tấm màu tuyết. Ý nói trà  
thơm trong-sạch.

(5) Cúc hương 香菊 : Hương của hoa cúc. Rượu cúc  
rất quý. Lại sách « Phong tục thông » đời Hán có chép :  
truyền rằng ở huyện Lịch, tức là huyện Nội-hương, tỉnh  
Hà-nam bên Tàu, có núi Cam-cúc, trên núi có thứ cỏ cúc  
rất tốt, nước khe núi chảy xuống ngon ngọt, uống được  
nước đó thì được sống lâu.

« Đãi người văn-vật (1), đãi trang anh-hùng ».

Bĩ-bàng (2) trà rượu đã xong,

Bốn người ngồi lại một vòng làm thơ.

461. — Kiệm, Hâm còn hãy ngần-ngờ,  
Phút (3) thơ Tiên Trục một giờ vừa xong.

Kiệm, Hâm xem thấy lạ-lùng,

Gãm nghi Tiên, Trục viết tùng (4) cổ-thi (5).

Chẳng hay ông quán cười chi (6),

Vỗ tay xuống chiếu một khi cười dài.

Tiên rằng : « Ông quán cười ai ? »,

Quán rằng : « Cười kẻ bất tài (7) đồ thơ (8).

« Cười người Tôn Tàn không lừa,

« Trước đã thấy máy chẳng ngửa Bàng  
Quyên (9).

(1) Văn-vật 文物 : Những sản-vật của văn-hóa, như  
lễ-nhạc, v. v. .

Người văn-vật : Người có văn-vẻ, học-thức.

(2) Bĩ (bàng) : Do chữ Bị 備 là đầy-đủ chuyển ra Việt-  
hóa. Bàng là tiếng đệm, tự nó không có nghĩa gì.

Bĩ-bàng : Đầy-đủ.

(3) Phút : Mau lẹ. Chợt.

(4) Tùng 從 : Theo.

(5) Cổ thi 古詩 : Thơ xưa.

(6) Câu này : chép theo bản Trương Vĩnh Ký trên đây,  
nghĩ ra rất hay. Ý nói : Chợt thấy ông quán vụt cười dài,

mọi người đều lấy làm lạ mà tự hỏi : « Chẳng hay... vỗ  
tay... cười dài ». Có nhiều bản chép là : Trục rằng : « Ông  
quán... » Nghe kém xa nguyên bản Trương Vĩnh Ký vậy.

(7) Bất tài 不才 : Chẳng có tài gì.

(8) Đồ thơ (thi) 塗詩 : Bôi lọ thơ.

(9) Tôn Tàn, Bàng Quyên là hai nhân-vật đời Xuân-thu,  
Tôn, Bàng kết nghĩa, nhưng về sau Bàng mưu hại Tôn.  
Trước kia thầy Tôn là Vương-Thuyền vẫn có nói cho Tôn  
biết nên ngăn-ngừa họ Bàng, mà Tôn vẫn thân-nhiên, đến  
nổi còn bị hại về tay Bàng, vương cái họa chặt cụt mấy  
ngón chân.

Hai câu này, ý nói : Sợ Vân Tiên kết bạn với kẻ chẳng  
lành, e như Tôn, Bàng chuyện cũ.



471. — Trục rằng : « Lời nói hữu duyên (1),  
« Thế trong kinh-sử (2) có tuyền (3) cùng  
chăng » ?

Quán rằng : « Kinh-sử đã từng,

« Cõi rời lại khiến lòng bằng (4) xót-xa.

« Hỏi thời ta phải nói ra,

« Vì chung hay ghét cũng là hay thương ».

Tiên rằng : « Trong đục chưa trông,

« Chẳng hay thương ghét, ghét thương lẽ nào ? »

Quán rằng : « Ghét việc tâm-phào,

« Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tới tâm.

481. — Ghét đời Kiệt, Trụ (5) mê dâm,

« Để dân đến đổi sa hầm sây hang.

« Ghét đời U, Lê (6) đa đoan (7),

« Khiến dân luống chịu lầm-than muôn phần.

« Ghét đời Ngũ-bá (8) phân-vân (9),

« Chuộng bề đối-trá (10) làm dân nhọc-nhăn.

(1) Hữu duyên 有緣 : Có duyên.

(2) Kinh-sử 經史 : Kinh-diễn và lịch-sử.

(3) Tuyền (Toàn) 全 : Trọn vẹn. Tóm quát cả.

(4) Hằng : Có bản chép là hừng. Ở câu này, chữ hằng trong bản Trương Vĩnh Ký e kém hơn chữ hừng chăng ? Hằng là thường. Hừng là hừng lên, chữ nào cũng hay, nhưng hừng nghe mạnh hơn.

(5) Kiệt Trụ 桀紂 Vua Kiệt (1.818-1.767) đời Hạ, Trụ (1.154-1.123) đời Thương là hai vị vua sau rốt hai đời ấy, vì bạo-ngược mà mất ngôi. Đời sau người ta thường dùng chuyên danh-từ Kiệt-Trụ để chỉ vua hung-bạo.

(6) U Lê : Hai vua nhà Chu làm rối việc chính.

(7) Đa đoan 多端 : Nhiều mối, lời thôi.

(8) Ngũ-bá 五霸 : Năm đời bá trong thời Chiến-quốc : Tề Hoàn-công, Tống Tương-công, Tấn Văn-công, Tần Mục-công và Sở Trang-công.

(9) Phân-vân 紛紜 : Nhiều người mà lộn-xộn bối-rối

(10) Đối-trá : Lừa-phỉnh, gạt-gẫm.

« Ghét đời Thúc-qui (1) phân bằng (2),  
« Sớm đầu tối đánh lẳng-nhẳng rối dân.

« Thương là thương đức Thánh-nhân (3),

« Khi nơi Tống Vệ, lúc Trần, lúc Khuôn,

491. — « Thương thầy Nhan-tử (4) dở-dang,

« Ba-mươi-mốt tuổi, tách dàng công-danh (5).

« Thương ông Gia-cát (6) tài lạnh,

« Gặp cơn Hán mạt (7) đã đành phối-pha.

« Thương thầy Đồng-tử (8) cao xa,

(1) Thúc-qui : Guối nhà Đường, thiên-hạ nhiều-loạn, năm họ mạnh lần lượt tranh-hoành. Ấy là đời Ngũ-đại hay Ngũ-qui : Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu. Thường gây rối, cậy mạnh bề đánh nhau, khổ dân.

(2) Phân bằng 分崩 : Chia ra để mà đổ nát hư-hỏng cả.

(3) Đây là nói Đức Khổng-tử trong lúc chu-du thiên-hạ trăm phần khổ-sở vì dân vì đạo.

(4) Nhan tử 顏子 : Tên là Hồi. Học-trò Khổng-tử. Nổi tiếng là hiền, được Khổng-tử khen đời.

(5) Công-danh 功名 : Có công-nghiệp và có danh-dự.

(6) Gia-cát 諸葛 Hoặc đọc là Chư-cát tức Gia-cát Lượng hiệu Khổng-Minh đời Tam-quốc hết sức khuông-phù nhà Hán cho thành nghiệp cả mà rốt cuộc vẫn phải chịu thua cơ trời : Cõi nước chia ba.

(7) Hán mạt 漢末 : Rối đời nhà Hán.

(8) Đồng-tử 董子 Đồng Trọng-Thư 董重舒. Một bậc đại nho.

Người quận Quán-xuyên. Chuyên trị kinh Xuân-thu Có dạy thái-tử và có dâng cho vua Hán Võ-đế (140-87 tr.t.l.) ba bộ sách kêu là Thiên nhân tam-sách. Vua khen hay mà không dùng, chỉ cho ra làm quan đất Giang-đô mà thôi.



« Chi thời có chí ngời mà không ngời.  
 « Thương người Nguyên Lượng (1) ngùi-ngùi,

« Lỡ bề giúp nước lại lui về cày.  
 « Thương ông Hàn Dũ (2) chẳng may,  
 « Sớm dâng lời biểu tổi đày đi xa.

501 — « Thương thầy Liêm Lạc đã ra,  
 « Bị lời xua-đuổi về nhà giáo dân (3).  
 « Xem qua kinh-sử mấy lần,  
 « Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương ».  
 Trục rằng : « Chùa rách phật vàng (4),

(1) *Đào Tiềm* : tự là Uyên Minh, hiệu Nguyên Lượng, người đời Tấn, làm tri huyện ở Bành-trạch (nên cũng gọi là Đào lệnh hoặc Đào Bành trạch) mới có 80 ngày, nước Tấn bị Tống lấy. Lệnh truyền tới huyện bảo phải mặc áo gài dải ra mà rước. Đào cho mình làm tôi nhà Tấn thì không lý lại đi rước kẻ làm tôi nhà Tống. Bèn treo ấn bỏ đi. Người này tức là tác-giả bài « Qui khứ lai từ » và là nhân-vật từng nổi tiếng : không vì năm đấu gạo mà uốn lưng vậy.

(2) *Hàn Dũ* 韓愈 : Học-giả đời Đường, nghiên-cứn lục-kinh (Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân-thu) rất tinh, văn-chương tự thành một phái, rất phản-đối Phật-giáo. Cũng vì vậy mà khi dâng sớ bài Phật, vua không vừa ý, sớ dâng thì chiếu có chiếu vua dạy đi đày. Nên có câu :

Nhất phong triều tẩn cửu-trùng thiên

一封朝奏九重天

Tịch biển Triều-dương lộ bát thiên.

夕貶潮陽路八千

(3) *Giáo dân* 教民 : Dạy-dỗ dân-chúng.

(4) *Chùa rách phật vàng* : Thành-ngữ chỉ về sự nhân-tài sinh trong nhà nghèo.

« Ai hay trong quán ẩn-tàng (1) kinh-luân (2).  
 « Thương dân sao chẳng lập thân,  
 « Đề khi nắng hạ toan phần làm mưa (3) ? »,  
 Quán rằng : « Nghiêu Thuấn thừa xưa,

« Khó ngăn Sào Phủ (4) khôn ngừa Hứa Do (5).  
 511. — « Di, Tề (6) chẳng khứng giúp Châu,  
 « Một mình một núi, ai hầu chi ai.

(1) *Ẩn tàng* 隱藏 : Ẩu-điếm.

(2) *Kinh-luân* 經綸 : Việc kéo tơ, lấy từng mối tơ mà chia ra gọi là kinh, so những sợi tơ một thứ mà họp lại là luân. Do đó, lấy nghĩa bóng : phạm sửa-sang sắp-đặt về chính-trị đều gọi là kinh-luân.

(3) *Ý nói* : Có tài, có lòng thương dân sao chẳng ra lập thân, đề khi dân khổ (nắng hạ) thì cứu (làm mưa).

(4-5) *Sào Phủ, Hứa Do* : Hai cao-sĩ đời Nghiêu, Thuấn. Vua Nghiêu nghe tiếng Do hiền, xin nhường ngôi cho, nhưng Do không nhận. Đến sau vua Thuấn lại nói chuyện nhường ngôi, bèn bỏ đi, xuống một con sông gần đó để rửa tai, có ý trút bỏ niềm danh-lợi vừa nghe. Xảy gặp Sào Phủ, Phủ hỏi : Do đi đâu mà lật-đật. Do thuật chuyện, Phủ đang dẫn trâu xuống sông cho uống nước bèn dắt trâu đi mà rằng : « Uống nước con sông này, e bần miệng trâu của tôi đi ».

(6) *Di, Tề* : Bá Di 伯夷 Thúc Tề 叔齊 là hai người con vua nước Cô-trúc cuối đời Ân. Cha mất, anh em nhường ngôi lẫn nhau, rồi đều bỏ ngôi cùng đi cả. Đến sau, khi Võ-Vương phạt Trụ, anh em Di Tề bèn đến can-ngăn trước đầu ngựa. Sau Võ-Vương được nước, hai anh em không thèm ăn gạo nhà Chu, bỏ vào núi Thù-dương, ở ẩn ăn rau. Đến sau có người lại chê rằng : « Không ăn thóc nhà Chu mà lại ăn rau nhà Chu để mà sống ; vậy chớ ngọn rau tức đất không phải của nhà Chu là gì ? ». Bá Di, Thúc Tề nghe được lời ấy bèn nhịn đói mà chết.



- « Ông Y (1) ông Phó (2) ôm tài,  
 « Kể cày, người cuốc, đoái-hoài chi đâu ?  
 « Thái-công (3) xưa một cần câu,  
 « Sớm mai sông Vị (4) mặc dầu vui chơi.  
 « Nghiêm Lăng (5) đã mấy đua bơi,  
 « Cày mây cần nguyệt tả-toi áo cầu (6).

(1-2) Y, Phó : Y Doãn 伊尹. Một vị khai-quốc công-thần nhà Thương ở Trung-quốc.

Phó Duyệt 傅說. Một nhà chính-trị có tài ngang vờì Y Doãn. Có tên khác nữa là Phó Nham 巖. Sách Thượng-thư chép : Đời Thương, vua Cao-tông Võ-định (1.324-1.266 tr. t. 1.), Phó Duyệt ở ẩn cày ruộng ở đất Bản-trúc. Vua Cao-tông năm chiêm-bao thấy trời cho một tướng hiền giúp nước, mới khiến thợ vẽ hình, theo đồ hình mà dò tìm thì được Phó Duyệt.

(3) Thái-công 太公 : Tên Khương Thượng tự Tử-nha hiệu Lữ-Vọng (hay là) 呂望. Thường ngày ngồi câu nơi sông Vị 渭. Vua nhà Chu nghe tiếng Lữ là bậc cao-hiền, đem xe đến rước, phong tước trọng hậu đến xưng tụng là Thái-công để tỏ lòng kính-trọng. Vì ngày xưa thường gọi cha là thái-công, có khi cũng xưng tồ-phụ là thái-công, xưng tăng-tổ là thái-công. Có làm bộ sách về binh-bị nổi tiếng.

(4) Sông Vị 渭 : Một con sông ở tỉnh Thiểm-tây.

(5) Nghiêm Lăng 嚴陵 : Cao-sĩ đời Hán. Bạn của Lưu-Tú. Giúp Lưu-Tú diệt được Vương-Mãng mà trung hưng nghiệp Hán. Khi Tú lên ngôi xưng là Quang-Vũ-đế, có sai người đi rước Nghiêm nhiều lần, Nghiêm đều từ chối. Bấy giờ Nghiêm về ở núi Phú-xuân, mặc áo toại, sớm cày tối câu Sau, Quang-Vũ khẩn-thiết yêu-cầu cho gặp mặt Nghiêm một đêm thôi để thỏa lòng cùng nhau trò-chuyện, chớ không dám nài ép phong quan. Nghiêm nhận lời. Và chỉ nhận một ngày rồi đi. Đêm ấy, cùng vua Quang-Vũ ngủ chung giường, Nghiêm gát chân ngang bụng vua. Nhà vua vẫn vui-cười.

(6) Áo cầu 裘 : Áo bằng da.

- « Trần Đoàn (1) chẳng chút lo âu,  
 « Gió trăng một túi công-hầu chiêm-bao.  
 521. — « Người nay có khác xưa nào ?  
 « Muốn ra ai cấm, muốn vào ai ngăn ».  
 Kiệm rằng : « Lão quán nói nhăng.  
 « Dầu cho trái việc cũng thẳng bán com.  
 « Gối rơm theo phận gối rơm.  
 « Có đầu ở thấp mà chồm lên cao ».  
 Quán rằng : « Sấm chớp mưa dào,  
 « Ếch nằm đái giếng thấy bao lăm trời (2).  
 « Sông trong cá lội thẳng-thời,  
 « Xem hai con mắt sáng ngời như châu.  
 531. — « Uổng thay đàn gảy tai trâu (3),  
 « Nước xao đầu vịt (4) nghĩ lâu nực cười ».  
 Tiên rằng : « Ông quán chớ cười,

(1) Trần Đoàn 陳搏 : Hiệu Hi-Di. Một vị đại tiên. Người đời Tống, tài cao ở ẩn. Gặp thời loạn ngủ luôn 3 năm ở núi Hạ-sơn. Đến khi dậy, cười mừng cho thiên-hạ có thái-bình.

(2) Ếch nằm đái giếng : Thành-ngữ : không thấy được gì hết.

(3) Đàn gảy tai trâu : Trâu không biết nghe đàn. Thành-ngữ : Nói gì với người ngu cũng là thừa.

(4) Nước xao đầu vịt : Dem bao nhiêu nước mà xao động trước đầu vịt, rốt cũng như không. Thành-ngữ : Làm thế nào kẻ khờ cũng không biết sợ.



« Đầy đà nhớ đặng bảy người Trước-lâm (1).

« Cùng nhau kết bạn đồng tâm (2),

« Khi cờ, khi rượu, khi cầm, khi thi.

« Công-danh phú-quí (3) màng chi,

« Cho bằng thông-thả mặc khi vui lòng.

« Rừng nhu (4) biển thành (5) mênh-mông,

« Dễ ai lặn-lội cho cùng vầy vay ».

541. — Quán rằng : « Đó biết lòng đây,

« Lời kia đã cạn rượu này thưởng cho ».

Kiệm, Hâm là đũa so-đo,

Thấy Tiên dường ấy âu lo trong lòng.

Khoa này Tiên ắt đầu công,

Hâm dầu có đậu cũng không xong rồi.

(1) *Bảy người Trước-lâm* (Trúc) : Trúc-lâm thất hiền  
竹林七賢 : Bảy người học-giả ở đời Tấn là : Kê-Khang,  
Nguyễn-Tịch, Sơn-Đào, Hường-Tú, Lưu-Linh, Nhuyễn-Hâm,  
Vương-Nhung, cùng nhau đi chơi ở Trước-lâm (Rừng tre),  
đời mới xưng danh-hiệu ấy.

(2) *Đồng tâm* 同心 : Cùng một lòng.

(3) *Công-danh phú-quí* 功名富貴 : Có công-nghiệp  
có danh-dự, được giàu, được sang.

(4) *Rừng nhu* (nho) : Do chữ Nho-lâm 閑事. Ý nói :  
Đạo nho thanh-mậu.

(5) *Biển thánh* : Ý nói : Thánh học rộng sâu như biển  
không mấy người thấu đến. Rừng nhu biển thánh : Thành-  
ngữ chỉ về việc học phải khổ công lắm mới được.

Mảng còn nghĩ việc tới lui,

Xảy nghe trống đã giục thôi vào trường.

Kẻ thùng người thấp đầy đường,

Lao-xao đoàn bầy, chàng-ràng (1) lũ ba.

551. — Vân Tiên vừa bước chân ra,

Bỗng đâu xảy gặp tin nhà gửi thư.

(1) *Chàng-ràng* : Do chữ « Chăng thành hàng » thúc  
vần lại, biến ra « Chàng ». Còn ràng : rõ-ràng. Ghép lại  
thành tiếng đôi. Chàng-ràng : Bày hàng trước mắt.

**Tóm-thuật đoạn VIII.** — Vân Tiên lìa nhà  
cha mẹ vợ, lên đường vào trường. Đi được vài dặm  
gặp Vương Tử Trực, đồng bọn vầy đoàn, cùng  
nhau bàn-luận, lo nghĩ tương-lai.

Mặt trời xế bóng, Vân Tiên cùng Tử Trực ghé  
quán bên đường, xảy gặp bạn đi thi cũng vào trong  
quán. Cùng nhau hỏi thăm tên họ, biết được một  
người ở quận Phan-dương họ Trịnh tên Hâm, một  
người ở quận Dương-xuân, họ Bùi tên Kiệm.

Ai cũng tỏ ý trọng tài Vân Tiên. Trịnh Hâm  
chẳng phục gậy cuộc làm thơ, hỏi chủ quán dọn tiệc.

Trà rượu bĩ-bàng, bốn người ngồi lại trở lại.  
Vân Tiên, Tử Trực cao tài hứng bút. Trịnh Hâm  
Bùi Kiệm bốp óc không xong. Chủ quán cả cười.  
Mọi người chú-ý đến ông quán lạ.

Chủ quán nói-năng như nước chảy, nghe ra  
thông-thái khác thường.



Vân Tiên Tử Trục xưng-phục bậc kỳ-ai náu mình chốn lều tranh, ước hỏi tài ấy sao đành bỏ dân mà đi ần. Quán-chủ lại thao-thao bất-tuyệt tình tứ siêu-nhiên.

Nhưng Bùi Kiệm lại nạt đùa lão quán : gởi rom theo phận, có đầu ở thấp lại chồm lên cao.

Lão quán lại cot-đùa. Vân Tiên biết ý sợ bạn thẹn nên nói xa gần xin lão quán nhẹ lời.

Ông quán trọng-đãi Vân Tiên. Trịnh Hám đã thấy lo âu trong lòng : Sợ Vân Tiên chiếm bản khoa này, thì mình hết mong rồi.

Trống giục vào trường. Sĩ-tử bốn phương lũ-lượp kéo về tụ-tập.

Vân Tiên vừa bước chân ra. Tin nhà đưa tới...

IX

VÂN TIÊN ĐƯỢC TIN MẸ CHẾT  
QUÀY TRỞ VỀ

Khai phong (1) mới tỏ sự cơ (2),  
Minh gieo xuống đất dật-dờ hồn hoa.

Hai hàng luy ngọc nhỏ sa,  
Trời Nam đất Bắc (3) xót-xa đoạn-tràng (4).

(1) Khai phong 開封 : Mở bao thư đã đóng kín.

(2) Sự cơ 事機 : Cơ-sự. Rõ việc đã xảy ra.

(3) Trời Nam đất Bắc : Cha mẹ Vân Tiên ở trong Nam. Vân Tiên ra Bắc đi thi. Rõ là : Nam Bắc chia trời sầu chất-ngất!

(4) Đoạn tràng (trường) 斷腸 : Đứt ruột. Thương-thảm.

Anh em ai nấy đều thương,  
Trời ơi ! há nỡ lấp đường công-danh.

Những lăm công toại danh thành (1),

Nào hay từ-mẫu (2) u-minh (3) sớm dòi.

561. — Gắng vào trong quán an nơi,

Tò thầy than-thở liệu lời qui-lai (4).

Tiểu-dồng thở vắn than dài :

« Trời ơi ! trời nỡ phụ tài người ngay ».

Trục rằng : « Đã đến nỗi này,

« Tiểu-dồng bậu hãy làm khuây giải phiền.

« Sớm mai thang-thuốc giữ-gìn,

« Chờ ta vài bữa ra trường sẽ hay.

« Bây giờ kíp rước thợ may,

« Sắm đồ tang-phục (5) nội ngày cho xong.

571. — Dây rom, mũ bạc, áo thùng,

« Cứ theo trong sách Văn-công mà làm ».

Tiên rằng : « Mẹ Bắc con Nam,

« Nước non vọi-vọi đã cam lỗi nghi.

« Trong mình không cánh không vì,

« Lấy chi lướt dậm, lấy chi bứt dằng ».

(1) Công toại danh thành 功遂名成 : Công-nghiệp được vừa lòng, danh-dự được nên tốt đẹp.

(2) Từ-mẫu 慈母 : Mẹ hiền.

(3) U minh 幽冥 : Nơi sâu kín tối-lâm. Âm-cảnh.

(4) Qui lai 歸來 Trở lại. Quay về.

(5) Tang phục 喪服 : Quần áo tang.



« Vào tràng phút lại gặp tang,  
 « Ngần-ngơ người ở, ngõ-ngàng kẻ đi.  
 « Việc trong trời đất biết chi,  
 « Sao đời vật đổi còn gì mà trông.  
**581.** — Hai hàng lụy ngọc rờn rờn,  
 Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.  
 Cảnh buồn bao quản gió xiêu,  
 Ngần trùng biển rộng, chín chiu ruột đau (1).  
 Thương thay chín chữ cù-lao (2),  
 Ba năm nhũ bộ (3) biết bao nhiêu tình.  
 Quán rằng : « Trời đất thịnh-linh,  
 « Gió mưa dâu phút gãy nhánh thiên-hương (4).  
 Ai ai trông thấy cũng thương,  
 Lỡ bề báo hiếu (5), lỡ đường lập thân (6).

(1) *Chín chiu ruột đau*: Thành-ngữ : Sự thê-thảm đau-đớn vì có việc khổ mắt người thân.

(2) *Chín chữ cù-lao* : Cửu tự cù-lao 九字劬勞 : Chín chữ nặng-nề là : Sinh 生 (cha sinh), cúc 鞠 (mẹ đẻ) phủ 撫 (vỗ-về), dục 育 (nuôi cho khôn) cổ 顧 (trông-nom), phục 復 (quấn-quít), phủ 俯 (nâng nhắc), phúc 腹 (bồng-bể) Ấy là chín công khó nhọc của cha mẹ đối với con.

(3) *Ba năm nhũ bộ* : Tam niên nhũ bộ 三年乳哺 : ba năm bú mớm.

(4) *Thiên-hương* 天香 : Hương trời. Chỉ về con gái đẹp-đẽ.

Ở đây nói về bà mẹ hiền của Vân Tiên.

(5) *Báo hiếu* 報孝 : Lo đền ơn cho cha mẹ.

(6) *Lập thân* 立身 : Đề cho cái thân đứng được trên trời đất.

**591.** — Dầu cho chước quỷ mưu thần,  
 Phong-trần ai cũng phong-trần như ai.  
 Éo-le ai khéo đặt bày,  
 Chữ tài liền với chữ tai một vần.  
 Đường đi hơn thảng chẳng gần,  
 Khi qua khi lại mấy lần xông-pha.  
 Xảy đầu bạn-tác vừa ra,  
 Trục cùng Hâm, Kiệm xúm mà đưa Tiên.  
 Hâm rằng : « Anh chớ ưu-phiên (1),  
 « Khoa này chẳng gặp ta nguyên khoa sau ».  
**601.** — Thấy nhau khó nổi giúp nhau,  
 Một vùng mây bạc, dàu-dàu khá thương (2).  
 Vân Tiên cất gánh lên đường,  
 Trịnh Hâm ngó lại đôi hàng nhỏ sa.  
 Đi vừa một dặm xa xa,  
 Phút nghe ông quán bôn-ba theo cùng.  
 Quán rằng : « Thương đấng anh-hùng,  
 « Đưa ba hườn thuốc đề phòng hộ thân (4).  
 « Chẳng may gặp lúc gian-truân (5).

(1) *Ưu-phiên* 憂煩 : Lo rầu nhiều việc.

(2) *Ý nói* : Chặt-ngắt một trời sầu.

(3) *Bôn-ba* 奔波 : Chạy đuổi theo nước chảy. Ý nói : Chạy-vạy lo-lắng công việc không hở tay.

(4) *Hộ thân* 護身 : Che-chở cái thân.

(5) *Gian truân* 艱迭 : Lúc khó-khăn vất-vả.



« Đương khi quá đói, thuốc thần cũng no ».

611. — Tiên rằng : « Cúi đội ơn cho,  
Tấm lòng ngai-ngại hãy lo xa gần ».

Quán rằng : « Ta cũng bàng-khuàng,

« Thấy vầy nên mới tị-trần (1) đến đây,

« Non xanh nước bích vui vầy,

« Khi đêm rượu cúc khi ngày trà lan,

« Dẫn thân vào chốn an-nhàn (2),

« Thoát vòng danh-lợi (3) lánh đảng thị-phi » (4).

Nói rồi quày-quã ra đi,

Vân Tiên xem thấy càng nghi trong lòng.

621. — Trông chừng dặm cũ thẳng xông,

Nghĩ đòi con lại nảo-nồng (5) đòi con.

Nên hư chút phận chi sòn,

Nhớ câu dưỡng-dục (6), lo ơn sinh-thành (7).

Mang câu bất hiếu (8) đã đành,

Nghĩ mình mà thẹn cho mình làm con.

(1) Tị-trần 避塵 : Trốn nơi bụi-bặm. Tức trốn nơi trần tục, cuộc đời.

(2) An-nhàn 安閑 : Yên nhẹ.

(3) Danh-lợi 名利 : Danh-dự và lợi-lộc. Tên tuổi và tiền của.

(4) Thị-phi 是非 : Phải trái.

(5) Nảo-nồng (nung) : nung đốt cái ốc. Ý nói : buồn-bã đến trí óc quay-cuồng.

(6) Dưỡng-dục 養育 : Nuôi-nấng dạy-dỗ.

(7) Sinh-thành 生成 : Sinh và nên người.

(8) Bất hiếu 不孝 : Chẳng có hiếu. Chẳng nuôi được cha mẹ.

Trợn dôi một tấm lòng son,  
Chỉ lăm trả nợ nước-non cho rồi.

Nào hay nước chảy hoa trôi,

Nào hay phận bạc như vôi thế này.

631. — Một mình ngo-ngần đường mây (1),

Khác nào chiếc nạm lạc bầy kêu sưng.

Đến nay lâm (2) việc mới trường,

Hèn chi thầy dạy khoa-trường (3) còn xa.

Tiêu-đồng thấy vậy thừa qua :

« Gẫm đây cho đến quê nhà còn lâu.

« Thế sao chẳng ngọt con sầu,

« Minh đi đã mỗi, giòng châu thêm nhuận.

« E khi mang bệnh nửa chừng.

« Trong non khó liệu, giữa rừng khôn toan

641. — Tiên rằng : « Khô héo lá gan ! »

Ôi thôi ! con mắt đã mang lấy sầu.

Mịt-mù nào thấy chi đâu,

Chân đi đã mỗi mình đau như dần.

Có thân phải khổ với thân,

Thân ôi ! thân biết mấy lần chẳng may !

(1) Ý nói : Công-danh lỗ-dỗ. Trường thi chấm xong rồi, ai ai đã về nhà nấy, chỉ còn riêng mình lạc-lỡng kêu gào trời đất.

(2) Lâm 臨 : Tới.

(3) Khoa-trường 科場 : Trường thi.



Đồng rằng : « Trời đất có hay,  
« Ra đi vừa dặng mười ngày lại đau.  
« Một mình nhắm trước xem sau,  
« Xanh-xanh bờ cõi, dầu-dầu cỏ cây.

651.— « Vốn không làng xóm chi đây,  
« Xin lần tới đó tìm thầy thuốc-thang »,  
Vừa may gặp khách qua đàng,  
Người người đều chỉ vào làng Đồng-văn.  
Dắt nhau khi ấy hỏi phăng,  
Gặp thầy làm thuốc, hiệu là thầy Ngang.  
Ngang rằng : « Khá tạm nghĩ an,  
« Rạng ngày coi mạch đầu (1) thang mới đành.  
« Gặp ta bệnh ấy ắt lành,  
« Bạc tiền trong gói sẵn dành bao nhiêu ? »

661.— Đồng rằng : « Tiền bạc chẳng nhiều,  
« Xin thầy nghĩ lượng dặng điều (2) thuốc-thang.  
« May mà bệnh ấy dặng an,  
« Bạc còn hai lượng trao sang cho thầy »,  
Ngang rằng : « Ta ở chốn này ».  
« Ba đời nổi nghiệp làm thầy vừa ba.

(1) *Đầu 投* : Ném vào. *Đầu thang* : Do bệnh nào thì gieo vào thang thuốc nấy.

(2) *Điều 調* : Hòa nhau.

« Sách chi cũng đủ trong nhà,  
« Nội kinh (1) đã sẵn, ngoại khoa (1) thêm màu.  
« Trước xem Y-học (3) làm đầu  
« Sau coi Thọ-thế (4) thứ cầu Đông-y (5).  
671.— « Gẫm trong Ngân-hải (6) Tinh-vi (9),  
« Cùng là Cang-mục (7) thua gì Thanh-nang (8).  
« Gẫm trong Tập-nghiệm lương phang (9),  
« Cùng là Ngự-toản (10) trải đàng Hồi-xuân (11).  
« Vị chi sẵn đặt quân-thần (12),  
« Thuốc thời bào-chế (13) mười phần nở-nang.  
« Mạch thời đọc mạch Lư-san (14),  
« Đặt vào tay bệnh biết đàng tử sinh (15).  
« Lục-quân, Tứ-vật thang danh (16),

(1) *Nội kinh 內經* : Tên sách thuốc chỉ về kinh, mạch.

(2) *Ngoại-khoa 外科* : Các khoa thuốc trị ở ngoài da, (3-4-5-6-8-9-10-11) . Tên các sách thuốc.

(12) *Quân-thần 君臣* : Vua tôi. Trong phép lách thuốc.

(13) *Bào-chế 炮製* : Sao và chế các vị thuốc.

(14) *Lư-san 廬山* : Núi thuộc tỉnh Giang-tây nước Trung-hoa.

*Mạch Lư-san* : Tên một quyển sách dạy xem mạch đề là « Lư-san mạch phú ». Xin đọc NGU TIÊN VẤN ĐÁP Y - THUẬT của cụ ĐỒ CHIÊU do Phan văn Hùm hiệu-định và chú-thích — TÂN VIỆT xuất bản.

(15) *Tử sinh 死生* : Chết sống.

(16) *Lục-quân, Tứ-vật 六君, 四物* : Tên hai thang thuốc.



- « Thập-toàn, Bát-vị, (1), sẵn dành nội thương(2).  
**681.**— « Lại thông bát-trận tân phương (3),  
 « Lâm nhằm ngoại cảm (4) đầu thang Ngũ-sài (5).  
 Đồng rằng : « Thầy thiệt có tài,  
 « Xin vào coi mạch luận bài thuốc chi ».  
 Ngang rằng : « Lục-bộ (6) đều suy,  
 « Bộ quan bên tả mạch đi phù-hồng (7).  
 « Cứ trong kinh-lạc (8) mà thông (9),

(1) *Thập-toàn, Bát-vị* 十全八味 : Tên thang.

(2) *Nội thương* 內傷 : Bị thương ở trong thân. Bệnh về tinh-tinh, tình-dục.

(3) *Bát trận tân phương* 八陣新方 : Phương-lược mới về bát-trận đồ. Bát-trận đồ : Do Khổng Minh đời Tam-quốc lập ra, phép binh hay giỏi. Ở đây, thuộc về danh-từ y-học. Trong phép trị bệnh của khoa y-học phương đông, xem việc trị binh cũng như trị bệnh, nên mới đặt ra những danh-từ ấy.

(4) *Ngoại-cảm* 外感 : Bệnh do ở ngoài thân. Những bệnh vì phong-hàn thử thấp sinh ra.

(5) *Ngũ-sài* : Tên thang. Đầu thang Ngũ-sài : hốt thang Ngũ-sài.

(6) *Lục bộ* 六部 : Sáu bộ phận trong người.

(7) *Phù-hồng* 浮洪 : Mạch nổi lớn.

(8) *Kinh lạc* 經絡 : Phép xem mạch của y-học Trung-hoa, chia các mạch trong thân-thể làm 12 kinh, các kinh ấy liên-lạc với nhau gọi là kinh-lạc.

(9) *Thông* 通 : Suốt qua.

- « Mạng môn tướng hỏa (1) đã xông lên đầu.  
 « Tam tiêu (2) tích nhiệt (3) đã lâu,  
 « Muốn cho giáng hỏa (4) phải đầu Tư-âm (5),  
**691.**— « Huýnh-liên, Huýnh-bá, Huýnh-cầm (6).  
 « Gia (7) vào cho bội (8) nhiệt tâm mới bình.  
 « Ngoài thời cho điễm vạn-linh,  
 « Trong thời cho uống hoàn-tĩnh mới xong.  
 « Khá trao hai lượng bạc ròng,  
 « BỔ thêm vị thuốc đề phòng đầu thang.  
 « Chẳng qua làm phúc cho chàng,  
 « Nào ai đòi cuộc đòi đàn chi ai ».  
 Tiều-dồng những ngõ thiệt tài,  
 Vôi-vàng mở gói chẳng nài tiền trao.  
**701.**— Mười ngày chẳng bớt chút nào,  
 Thêm đau trong dạ như bào như xoi.

(1) *Mạng môn tướng hỏa* 命門相火 : Khoảng giữa hai trái thận bị nóng quá.

(2) *Tam tiêu* 三焦 : Ba bộ phận trong thân người. Miệng trên dạ-dày là thượng tiêu 上焦, khoảng giữa dạ-dày là trung tiêu 中焦, miệng trên bàng-quang là hạ tiêu 下焦.

(3) *Tích nhiệt* 積熱 : Dồn chứa sức nóng.

(4) *Giáng hỏa* 降火 : Đem sức nóng xuống dần dần.

(5) *Tư-âm* : Danh-từ y-học. Thêm phần âm vào để chế dương.

(6) Tên các vị thuốc.

(7) *Gia* 加 : Thêm.

(8) *Bội* 倍 : Gấp lên nhiều lần.



Đồng rằng : « Vào đó thầy coi,  
 « Bệnh thời không giảm, thầy đòi tiền thêm ».
   
 Ngang rằng : « Nằm thấy khi đêm,  
 « Tiên-sur mách-bảo một diềm chiêm-bao.  
 Quỷ-thần người ở trên cao,  
 « E khi đường-sá lẽ nào biết đâu. ?  
 « Tiểu-dồng ngroi khá qua cầu (1),  
 « Cùng ông thầy bói ở đầu Tây-viên (2) ».

711.— Tiểu-dồng nghe nói di liền,  
 Gặp ông thầy bói đặt tiền mà coi.  
 Bói rằng : « Ta bói hẩn-hoi,  
 « Bói hay đã dậy, người coi đã đầy.  
 « Ta đây nào phải các thầy,  
 « Bá-vơ, bá-vất nói nhây không nhằm.  
 « Ôn-nhuần (3) Châu-diệc (4) mấy năm,  
 « Sáu-mươi-bốn quẻ ba trăm dư hào.  
 « Huỳnh-kim (5) Dã-hạc (6) sách cao,  
 « Lục-nhâm, Lục-giáp (7) chỗ nào chẳng hay.

(1) Cầu 求 : Hết sức cậy người ta.

(2) Tây-viên 西園 : Vườn hoa phía tây.

(3) Ôn-nhuần 溫潤 Xem đi xem lại đã nhuận-nhã.

(4) Châu-diệc 周易 : Sách nói về lẽ Dịch ở đời Châu.  
 Có đến ba bộ sách dịch : Sách dịch đời Hạ gọi là Liên-son,  
 sách Dịch đời Thương, Ân gọi là Qui-tàng.

(5-6) Tên hai quyển sách bói.

(7) Nói về phép bói toán.

721.— « Can, chi (1) đều ở trong tay,  
 « Đã thông trời đất lại hay việc người.  
 « Đặt tiền quan-mốt bốn-mươi,  
 « Khay trầu chén rượu cho tươi mới thành.  
 « Thầy bèn gieo dặng quẻ lành,  
 « Chiếm tên tuổi ấy lộ-trình (2) mắc chi ?  
 « Ứng vào rùa, với cỏ thi (3),  
 « Rồi thầy coi quẻ một khi mới tường. »  
 Đồng rằng : « Người ở Đông-phương (4),  
 « Nhân đi buôn-bán giữa đường chẳng an.  
 731.— « Con nhà họ Lục là chàng,  
 « Tuổi vừa hai tám còn đang thơ-ngây ».
   
 Bói rằng : « Đinh-mão năm nay,  
 « Hèn chi giáp-tí ngày rày chẳng an.  
 « Mạng kim lại ở cung càn (5),  
 « Tuổi này là tuổi giàu-sang trong đời.

(1) Can, chi 干支 : Mười sáu gọi là thiên can hoặc thập can hiệp với 12 dậu gọi là địa-chi hoặc thập-nhị chi, kết thành chuỗi ngày giờ năm tháng. Mười can là : Giáp, ất, bình, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý. Mười hai chi : tí, sửu, dần, mẹo, thìn, ty, ngọ, vị, thân, dậu, tức, hợi. Rồi đem 1 chữ can ráp với 1 chữ chi. Như : giáp tí, ất sửu v.v. Ráp đủ một vòng 60 năm thì trở lại giáp tí như cũ, gọi là một vòng hoa-giáp.

(2) Lộ-trình 路程 : Bước đường. Trên đường trải qua.

(3) Cỏ thi và mai rùa là vật dùng để bói.

(4) Ở phương đông.

(5) Càn 乾 : Nhà thuật số án theo bát quái chia 8 cung là : Càn, khâm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài.



« Cầu tài quả ấy xa vời,  
 « Khen người khéo nói những lời trêu ta ».  
 Cầm tiền gieo xuống xem qua,  
 Một Giao, hai Sách, lại ba Hào trùng (1).  
**741.** — Trang (2) thành là quả lục xung,  
 Thấy hào phụ-mẫu (3) khắc cùng tử-tôn (4).  
 Hoá ra làm quả du-hồn,  
 Lại thêm thế động khắc dồn hào-quang.  
 Cứ trong quả ấy mà bàn :  
 « Tuổi này mới chịu mẫu-tang trong mi-h.  
 « Xui nên phát bệnh thình-linh,  
 « Vì chung ma-quỉ lộ-trình rất thiêng.  
 « Muốn cho bệnh ấy dặng yên,  
 « Phải tìm thầy pháp chữa-chuyên ít ngày ».  
**751.** — Đồng rằng : « Thầy pháp đầu đây ? »,  
 Bói rằng : « Cũng ở chốn này bước ra.  
 « Pháp hay tiếng dậy đồn xa,  
 « Tên là Đạo-sĩ ở Trà-hương thôn (6) ».  
 Tiều-dồng mới chạy bôn-bôn,  
 Hỏi thăm đạo-sĩ hương-thôn chốn nào ?

(1) Nói về cách bói.

(2) *Trang* : Mượn nghĩa tiếng trang trong chữ Hán  
 tô-diêm trau-giời, dùng vào tiếng ta là : Trai xem kỹ-càng.

(3) *Phụ-mẫu* 父母 : Cha mẹ.

(4) *Tử-tôn* 子孫 : Con cháu.

(5) *Mẫu tang* 母喪 : Tang mẹ.

(6) *Thôn* 村 : làng. Câu này có bản chép : Tên là Kinh  
 nồn ở Trà-hương thôn.

Chợ đông buôn-bán lao-xao,  
 Người ta liền chỉ nơi vào chẳng xa.  
 Đồng đi một buổi tới nhà,  
 Đạo-sĩ xem thấy lòng mà mừng thay !  
**761.** — Đồng rằng : « Nghe tiếng thầy đây,  
 « Trừ ma, ếm quỉ, phép thầy rất hay ».  
 Pháp rằng : « Ấn (1) đã cao tay,  
 « Lại thêm phù-chú (2) xưa nay ai bì.  
 « Qua sông cá thấy xếp vi,  
 « Vào rừng cọp thấy phải quỳ lạy đưa.  
 « Pháp hay hú gió kêu mưa,  
 « Sai chim, khiến vượn, đuổi lừa, vật trâu.  
 « Pháp hay miệng niệm một câu,  
 « Tóm thâu muôn vật vào bầu hồ-linh.  
**771.** — « Phép hay sai đậu thành binh (3),  
 « Bện hình làm tướng phá thành Diêm-  
 vương (4).  
 « Phép hay đạo hỏa (5) phó thang (6),

(1) *Ấn 印* : Phũ-hiệu của bọn thầy pháp.

(2) *Phù-chú* 符咒 : Lá bùa và câu chú : Bí-quyết của  
 đạo-gia dùng để đuổi ma quỉ.

(3) *Sai đậu thành binh* 酒豆成兵 : Rảy hạt đậu  
 thành ra binh.

(4) *Diêm-dương* 閻王 Theo thần-thoại, vua ở âm  
 phủ.

(5) *Đạo hỏa* 蹈火 : Đi trên lửa.

(6) *Phó thang* 赴湯 : Đi trên nước nóng.



- « Ngồi grom đứng giáo mở đàng thiên  
hoang (1).  
« Có ba lượng bạc trao sang,  
« Đặng thầy sắm-sửa lập đàn (2) chữa cho ».  
Đồng rằng : « Tôi chẳng so-đo,  
« Khuyên thầy gắng sức chớ lo khó giàu.  
« Bấy lâu thầy tớ theo nhau,  
« Bạc dành hai lượng phòng sau đi đàng.  
781. — « Chữa-chuyên bệnh ấy đặng an,  
« Rồi tôi sẽ lấy đem sang cho thầy ».  
Pháp rằng : « Về lấy sang đây,  
« Cho thầy toan-liệu lập rày đàn ra ».  
Đồng rằng : « Tôi đã lo xa,  
« Cực vì người bệnh ở nhà chẳng yên.  
« Xin thầy gắng sức chịu phiền,  
« Ra công bùa chú chữa-chuyên đường nào ».  
Pháp rằng : « Có khó chi sao,  
« Người nằm ta chữa rồi trao phù (3) về ».  
791. — Đồng rằng : « Tôi vốn thẳng hề,  
« Bệnh chi mà khiến chịu bề chữa-chuyên ? »  
Pháp rằng : « Ta biết kinh-quyền (4),

(1) Thiên hoang 天荒 : Cõi trời còn hoang-vu ghê-rợn

(2) Đàn 壇 : Cái đài dựng lên để làm nơi tế-lễ.

(3) Phù 符 : Bùa.

(4) Kinh-quyền 經權 : Kinh là đạo dùng khi thường.  
Quyền là đạo dùng khi biến.

- « Đau nam chữa bắc mà thuyên (1) mới tài ».  
Tiểu-dồng nghe lọt vào tai,  
Lòng mừng vội-vã nằm dài chữa-chuyên.  
Pháp bèn cất tiếng hét lên :  
« Mời ông Bàn-cổ (2) tọa tiền (3) chứng  
miêng (4).  
« Thỉnh ông Đại-thánh Tề-thiên,  
« Thỉnh bà Võ-hậu đều liền đến đây.  
801. — « Thỉnh ông Nguyên-soái chinh tây,  
« Cùng bà Vương-mẫu sum-vầy một khi.  
« Thỉnh ông Phật-tổ A-di,  
« Thập phương chư Phật phù-trì giúp công.  
« Lại mời công-chúa Ngũ-long,  
« Bình nam ngũ-hồ hội-dồng an dinh.  
« Thỉnh trong thiên trượng thiên bình,  
« Cùng là tam-phủ Động đình Xích-lân.  
« Thỉnh trong khắp hết quỷ-thần,  
« Cũng đều xuống chốn dương-trần (5) vui chơi.  
811. — « Cho người ba đạo phù trời,  
« Uống vào khỏe-mạnh như lời chẳng sai ».

(1) Thuyên 痊 : Khỏi bệnh.

(2) Bàn-cổ 盤古 : Theo cổ truyền của Trung-hoa thì Bàn cổ là thủy-tổ của loài người, cũng như A-đam (Adam) trong thần-thoại giáo Cơ-đốc.

(3) Tọa tiền 座前 : Trước bàn thờ.

(4) Chứng miêng (minh) 證明 : Chứng tỏ.

(5) Dương-trần 陽塵 : Cõi dương bụi-bặm. Cõi đời này.



Tiểu-đồng vâng lĩnh theo lời,

« Lấy phù trở lại toan bài thuốc-thang.

Vào nhà thưa với thầy Ngang :

« Pháp-phù (1) đã đủ thầy toan phương nào ? »

Ngang rằng : « Còn bực trong bao,

« Thời người khá lấy mà trao cho thầy ».

Đồng rằng : « Tôi hãy ở đây,

« Bệnh kia dầu khá mình này bán đi ».

821.— Triệu Ngang biết chẳng còn chi,

Kiểm đường trao-chác đuổi đi khỏi vòng :

« Ở đây làng xóm khó lòng,

« E khi mưa nắng ai cùng đỡ che ».

Đồng rằng : « Trong gói vắn hoe,

« Bỏ tin nên mắc, bởi nghe nên lầm.

« Mới lo chạy hết một trăm,

« Minh ve khô xép ruột tằm héo von.

« Thương thay tiền mất tật còn,

« Bơ-vơ đất khách thon-von thể này.

831.— « Thôi thôi gắng-gượng khỏi đây,

« Tôi đi khuyên-giáo (2) đỡ ngày gạo rau ».

Vân Tiên chi xiết nỗi sầu,

Tiểu đồng diu-dắt gần cầu Lá-buôn.

(1) Pháp-bùa 法符 : Phép, bùa.

(2) Khuyên-giáo : Tức là đi quyên, đi xin.

Đương khi mưa gió luông-tuồng,  
Người buồn lại gặp kiềng (1) buồn khá thương.

Xiết bao ăn tuyết năm sương,

Màn trời chiếu đất dậm trường lao-đao !

Dầu cho tài-trí bực nào,

Gặp con nguy-hiểm biết sao mà nhờ.

841.— Tiên rằng : « Đi đã ngắt-ngờ,

« Tìm nơi cây-cối bụi-bờ nghỉ chân » :

Đồng rằng ; « Chốc nữa khỏi rừng,

« Tìm nơi quán-xá (2) sẽ dừng nghỉ-ngơi ».

Non tây vừa khuất mặt trời,

Tó thầy diu-dắt tới nơi Đại-dề.

(1) Kiềng : Cảnh.

(2) Quán-xá : 館舍 : Nhà khách-trợ.

Tóm thuật đoạn IX.— Vân Tiên hay tin mẹ chết, đau-khổ đến chết giấc. Mọi người lo cứu. Vân Tiên tỉnh lại, than vắn thở dài, lỡ-dở bước đường.

Vân Tiên cùng tiểu-đồng trở gót về quê. Đi được một đôi, xảy gặp ông quán theo dõi, trao cho Vân Tiên ba hoàn thuốc, dặn rằng : « Chẳng may gặp bực gian-truân. Đương khi quá đời thuốc thần cũng no ».

Vân Tiên lãnh thuốc. Ông quán già-từ. Vân Tiên nghi ông quán là tiên.

Nỗi sầu-khổ mênh-mông, Vân Tiên phát đau giữa đường, rồi : . . . khô héo lá gan ! Ôi thôi ! con mắt đã mang lấy sầu.



Tiêu-dồng diu-dắt Vân Tiên đi chạy-chữa tất bệnh. Trước gặp lang băm, tiền mất tật còn. Lang băm lại đưa mỗi cho thầy bói. Thầy bói bói xong, đưa mỗi cho thầy pháp, bảo rằng bệnh Vân Tiên phải chữa bằng bùa chú. Tiêu đồng bèn đi cầu thầy pháp. Rốt ra : « Bối tin nên mắc, bối nghe nên lầm ».

Thầy trò Vân Tiên hết cả tiền ăn đường. Vân Tiên vẫn mù không khỏi, bơ-vo, màn trời chiếu đất.

Hai thầy trò hết sức cố gắng đem nhau về quê, tới nơi Đại-đề.

X

TRỊNH HÂM HẠI VÂN TIÊN, TRÓI  
TIÊU-ĐỒNG TRONG RỪNG, XÔ VÂN  
TIÊN XUỐNG SÔNG

Trương thi một lũ vừa về,

Trịnh Hâm xem thấy lại kè hỏi thăm :

« Anh về nay đã hai rằm,

« Cớ sao mang bệnh còn nằm nơi đây.

351.— Tiên rằng : « Tôi vốn chẳng may,

« Chẳng hay chừ hữu (1) khoa này thế nao ? ».

Hâm rằng : « Tử Trục đậu cao,

« Tôi cùng Bùi Kiệm đều vào cử-nhân.

(1) Chư-hữu 諸友 : Các bạn-bè.

« Một mình về trước viếng thân (1),

« Hai người trở việc còn lần đi sau.

« Đương cơn hoạn-nạn (2) gặp nhau.

« Người lành nỡ bỏ người đau sao đành.

« Từ đây tới quận Đông-thành,

« Trong mình có bệnh, bộ-hành (3) sao xong.

361.— « Lần hồi đến chốn giang-trung (4),

« Tìm thuyền ta sẽ tháp tùng (5) với nhau ».

Tiên rằng : « Tình trước ngãi sau,

« Có thương xin khá giúp nhau phen này ».

Hâm rằng : « Anh tạm ngồi đây,

« Tiêu-dồng người tới trước này cùng ta.

« Vào rừng kiếm thuốc ngoại-khoa (6),

« Phòng khi sông biển phong-ba (6) bất kỳ (8) ».

Tiêu-dồng vội-vã ra đi,

Muốn cho dặng việc quản gì lao-đao.

371.— Trịnh Hâm trong dạ gươm đao,

Bắt người đồng-tử trói vào gốc cây :

(1) Thân 親 : Cha mẹ.

(2) Hoạn-nạn 患難 : Khốn-khở : gian-nạn.

(3) Bộ-hành 步行 : Đi bộ.

(4) Giang-trung 江中 : Chốn sông nước.

(5) Tháp tùng 搭從 : Nhập vào bọn mà đi theo.

(6) Ngoại khoa 外科 : Thuốc ngoài.

(7) Phong-ba 風波 : Sóng gió.

(8) Bất kỳ 不期 : Chẳng có hẹn kỳ.



- « Trước cho hùm cọp ăn mây,  
 Hại Tiên phải dựng mưu này mới xong »  
 Vân Tiên ngồi những đợi trông,  
 Trịnh Hâm về nói tiêu-đồng cọp ăn.  
 Vân Tiên than-khóc nảm lẩn :  
 « Có đâu địa hãm thiên băng (1) thịnh-linh.  
 « Bấy lâu đất khách lưu-linh (2),  
 « Một thầy một tớ lộ-trình (3) nuôi nhau.  
**881.** — « Nay đà hai ngả phân nhau,  
 « Còn ai nâng-đỡ trước sau cho mình ».  
 Hâm rằng : « Anh chớ ngại tình,  
 « Tôi xin đưa tới Đông-thành thời thôi ».  
 Vân Tiên chi xiết lụy rơi,  
 Buồm đà theo gió chạy xuôi một bề.  
 Tiêu-đồng bị trói khôn về,  
 Kêu la chẳng thấu bốn bề rừng hoang :  
 « Phận mình đã mắc tai-nàn,  
 « Cảm thương họ Lục suốt vàng (4) bơ-vơ.  
**891.** — « Xiết bao những nỗi dật-dờ,  
 « Đò-giang nào biết, bụi-bờ nào hay.

(1) Địa hãm thiên băng 地陷天崩 : Đất sụp trời xiêu.

(2) Lưu-linh 流零 : Trôi-nổi lạc-loài.

(3) Lộ-trình 路程 : Bước đường.

(4) Suối vàng : Do chữ hoàng-tuyền 黄泉 : Nơi âm-phủ. Cõi người chết ở.

- « Vân Tiên hồn có linh rày,  
 « Đem tôi theo với đỡ tay chân cùng ! ».  
 Vái rồi lụy nhỏ rờng-rờng,  
 Đêm khuya ngồi dựa cội tòng ngủ quên.  
 Sơn-quân (1) ghé lại một bên,  
 Cắn dây mở trói công lên ra đàng.  
 Tiêu-đồng thức dậy mơ-màng,  
 Xem qua dấu đất ràng-ràng mới hay.  
**901.** — Nửa mừng nửa lại sợ thay,  
 Chạy ra chốn cũ kiếm thầy Vân Tiên.  
 Mặt trời vừa khỏi mái hiên,  
 Người buôn, kẻ bán, chợ phiên nhộn-nhàng.  
 Hỏi thăm bà quán giữa đàng.  
 Bữa nay có thấy người tang (2) chẳng là ?  
 Quán rằng : « Thôi đã ra ma,  
 « Khi mai làng xóm người đà đi chôn. »  
 Tiêu-đồng nghe nói kinh-hồn,  
 Hỏi rằng : « Biết chỗ nào chôn chỉ chừng »  
**911.** — Tay lau nước mắt rưng-rưng,  
 Xây nghe tiếng nói đầu rừng lao-xao.  
 Tiêu-đồng vội-vã bước vào,  
 Xóm làng mới hỏi : « Thằng nào tới đây » ?  
 Đồng rằng : « Tớ tới kiếm thầy,  
 « Chẳng hay người thác mã này là ai ? »

(1) Sơn-quân 山君 : Sơn thần. Thần núi. Con cọp.

(2) Người tang : Vân Tiên để tang cho mẹ.



Người này : « Một gã con trai,  
 « Ở đâu không biết lạc-loài đến đây.  
 « Chân tay mặt mũi tốt thay,  
 « Đau chi nên nổi nước này khá thương ».

921.— Tiều-đồng chẳng kịp hỏi-han,

Nằm lẩn bên mả khóc-than một hồi.

Người đều xem thấy thương ôi !

Kêu nhau vác cuốc đều lui ra đàng.

Tiều-đồng nằm giữa rừng hoang,

Che chòi giữ mả lòng toan trọn bề.

Một mình ở đất Đại-đề,

Sớm đi khuyên-giáo, tối về quải-đơm.

Dốc lòng trả nợ áo cơm,

Sống mà trọn nghĩa, thác thơm danh hiền.

931.— Thứ này đến thứ Vân Tiên,

Năm canh ngồi dựa be thuyền thổ-than.

Trong khăn lụy nhỏ chứa-chan,

Cám thương phận tớ mắc nàn khi không

Lênh-đênh thuyền giữa biển đông.

Riêng than một tấm cô-bồng (1) ngắn-ngor.

Đêm khuya lặng-lẽ như tờ,

Nghênh-ngang sao mọc, mịt-mờ sương bay.

Trịnh Hâm khi ấy ra tay,

Vân Tiên bị gã xô ngay xuống vôi.

(1) *Cô bồng* 孤蓬 : chiếc buồm lẻ-loi.

941 — Trịnh Hâm giả tiếng kêu trời,  
 Cho người thức dậy lấy lời phôi-pha.  
 Trong thuyền ai nấy kêu la,  
 Đều thương họ Lục, xót-xa tấm lòng.

**Tóm-thuật đoạn X.**— Các thí-sinh ở trường  
 thi tập-nạp về. Vân Tiên xảy gặp Trịnh Hâm.

Trịnh Hâm cho hay Tử Trục đậu cao, rồi tỏ ý  
 than-tiếc cho Vân Tiên, hết lòng toan đưa Vân Tiên  
 về nhà bằng đường sông, vì lo ngại Vân Tiên đi  
 đường bộ e khó-khăn.

Vân Tiên cảm-tạ Trịnh Hâm. Trịnh bèn bảo  
 tiều-đồng hãy cùng đi vào rừng để kiểm thuốc  
 ngoại-khoa, phòng khi đi đường sông biển bất kỳ  
 vương bệnh.

Tiều-đồng vâng lời đi theo. Trịnh Hâm bắt tiều-  
 đồng trói vào một cội cây ở giữa rừng, định để cộp  
 ăn, rồi quày-quã trở lại nói với Vân Tiên : Tiều-  
 đồng đã rủi bị cộp ăn rồi.

Vân Tiên vật mình than khóc, Trịnh Hâm  
 khuyên-giải, xin sẽ đưa Vân Tiên về đền quê nhà.

Trong khi ấy, Tiều-đồng than khóc giữa rừng,  
 lại lo sợ cho Vân Tiên bơ-vơ. Đêm khuya mịt-mỏi.  
 Tiều-đồng ngủ quên. Chợt chúa sơn-lâm ra cắn dây  
 công Tiều-đồng đem bỏ ngoài đường.

Tiều-đồng thức giấc, xem qua dấu đất, biết là  
 có cộp, nửa mừng nửa sợ, bèn chạy riết ra chợ hỏi  
 thăm tin người mặc đồ lang.

Nghe thiên-hạ nói có một chàng trai trẻ lạc-loài  
 chết đường đã được đem chôn. Tiều-đồng chẳng kịp



*hỏi-han, chạy ra mộ nằm lăn than-khóc, rồi che  
chòi giữ má, cho trọn nghĩa tó thầy.*

*Bấy giờ, Trịnh Hâm đem thuyền đưa Vân Tiên  
đi, đến đêm khuya lại ra tay xô Vân Tiên chìm  
đáy nước.*

XI

NGƯ-ÔNG VỚT VÂN TIÊN LÊN,  
ĐƯA VỀ NHÀ VÕ-CÔNG

Vân Tiên mình luy (1) giữa dòng,  
Giao-long (2) diu-dắt vào trong bực rày.

May vừa trời đã sáng ngày,  
Thuyền chài xem thấy vớt ngay lên bờ.

Khiến con vầy lửa một giờ,  
Ông hơ bụng-dạ, mẹ hơ mặt-mày.

951.— Vân Tiên vừa ấm chân tay,

Ngân-ngơ hồn phách như say mới rồi.

Ngõ than mình phải nước trời,

Hay đâu mình hãy dạng ngoi dương-gian (3).

Ngư-ông khi ấy hỏi-han,

Vân Tiên thưa hết mọi đàng gần xa.

(1) Luy 累 : Gấp hai. Bó buộc.

(2) Giao-long 蛟龍 : Rồng.

(3) Dương-gian 陽間 : Khoảng dương. Cõi dương. Tức cõi đời này.

Ngư rả g : « Người ở cùng ta,  
« Sớm mai hằm-hút một nhà cho vui »

Tiên rả g : « Ông lấy chi nuôi,  
« Thân tôi như thể trái mùi trên cây.

961.— « May đà trời-nổi đến đây,

« Không chi báo đáp mình này tro-tro ».

Ngư rằng : « Lòng lão chẳng mơ,  
« Dốc lòng nhân-nghĩa há chờ trả ơn ? »

« Nước trong rửa ruột sạch trơn,  
« Một câu danh-lợi chi sòn lòng đây.

« Rày doi, mai vịnh vui-vầy,  
« Ngày kia hứng gió, đêm này chơi trăng.

« Một mình thông-thả làm ăn,  
« Khoẻ quơ chài kéo, mệт quãng câu dầm.

971.— « Nghêu ngao nay chích mai dầm,

« Một bầu trời đất vui thắm ai hay.

« Kinh-luân (1) đã sẵn trong tay,  
« Thung-dung (2) dưới thể vui say trong trời.

« Thuyền nan một chiếc ở đời,  
« Tắm mưa chải gió trong vôi Hàn-giang »

Tiên rằng : « Vây cũng một làng,  
« Võ-công người ở gần đàng đây chẳng ? »

Ngư rằng : « Nhà ở cũng gần,  
« Khỏi ba khúc vịnh thời lần đến nơi ».

(1) Kinh-luân 經綸 : Giải việc chính-trị.

(2) Thung-dung 從容 : Thư-thái, thông-thả.



- 981.— Tiên rằng : « Xưa đã gá lời,  
 « Sui-gia bao nỗi đời chẳng thương.  
 « Vợ chồng là đạo tao-khương (1),  
 « Chi bằng tới đó tìm phương gửi mình.  
 « Trăm năm muốn trọn ân tình (2),  
 « Đương khi hoạn-nạn ai đành bỏ nhau.  
 « Chút nhờ cứu tử (3) ơn sâu,  
 « Xin đem tới đồ trước sau cho tròn ».  
 Ngư rằng : « Làm đạo rẽ con,  
 « Cũng như sợi chỉ mà lòn tròn kim.
- 991.— « Sợ bay mà mỗi sức chim,  
 « Bơ-vơ cảnh lạ khôn tìm cây xua.  
 « E khi chập bước tới trưa,  
 « Chớ đi sông cũ bến xưa mà lằm.  
 « Mấy ai ởặng hảo-tâm (4),  
 « Nặng đùn chóp nón, mưa dầm áo toi (5).  
 « Mấy ai bay nghĩ việc đời,  
 « Nhớ nơi nghèo-khổ quên nơi sang-giàu.

(1) Tao-khương 糟糠 : Tắm mẩn. Ý nói : vợ chồng lúc khó có nhau, giàu chẳng nên phụ, phải nhớ cái hồi tắm mẩn hầm-hút.

(2) Ân-tình 恩情 : Ân-huệ.

(3) Cứu tử 救死 : Cứu cho khỏi chết.

(4) Hảo-tâm 好心 : Tấm lòng tốt đẹp.

(5) Có nhiều bản chép là : Nặng toan giúp nón, mưa dầm giúp toi. Tuy-nhiên xét kỹ, câu của bản Trương Vĩnh Ký vẫn hay hơn.

- « Đã ba thứ tóc trên đầu,  
 « Gắm trong sự-thế thêm âu (1) cho đời ».
- 1001.— Vân Tiên thưa đã hết lời,  
 Ngư-ông chẳng đã (2) tách vôi đưa sang.  
 Dắt Tiên vào chốn hậu-đàng (3),  
 Võ-công xem thấy lòng càng hồ người.  
 Chẳng qua sợ thế-gian (4) cười,  
 Một lời gượng-gạo chào người ngày xưa :  
 « Ngư-ông đã có công đưa,  
 « Tới ngày sau sẽ lo lừa đền ơn ».  
 Ngư rằng : « Tôi chẳng lòng sòn (5),  
 « Xin tròn nhân-ngãi còn hơn bạc vàng.
- 1011.— « Nhớ xưa trong núi Lư-san,  
 « Có ông Ngư-phủ đưa chàng Ngũ Viên (6).

(1) Âu : Do chữ Ưu 憂 : Lo buồn.

(2) Chẳng đã : Ý nói cực chẳng đã mới phải đưa Vân Tiên đi qua nhà Võ-công, vì Vân Tiên nằng nằng kêu cầu, chớ thật tình ông chài vốn đã thấy xa về tình đời, không dám tin ở lòng tốt của người ta như Vân Tiên.

(3) Hậu-đàng (đường) 後堂 : Nhà sau.

(4) Thế-gian 世間 : Cõi đời.

(5) Có nhiều bản chép : « ... Lòng lão chẳng sòn ». E không được hay như bản của Trương Vĩnh Ký chép như trên.

(6) Ngũ Viên tự là Tử-Tư. Người nước Sở. Một danh-tướng vì cứu cha anh bị giết về tay Sở Bình-Vương, mà bỏ Sở sang Ngô. Trong khi ra đi, bị vua Sở tập-nã gắt-gao, may được nhiều bạc cao-sĩ cứu giúp. Trong số ấy có người lái đò đưa giúp Ngũ Viên sang sông Ngạc-chữ, nhưng không khứng phân tỏ tên họ để cầu đền ơn. Ngũ đành cáo biệt, xưng tạ chẳng cùng và gọi là Ngư-trượng-nhậu. Nhưng trước khi từ-giã ra đi. Ngũ còn trở lại dặn Ngư-phủ rằng : « Bây giờ tôi đi, như sau có truy binh tới, xin chớ lậu việc tôi ra ». Tử Tư đi rồi, ngư-phủ tự nghĩ : « Minh đã trái lòng nhân, mà người vẫn có ý ngờ. Sau này truy binh dẫu có qua thuyền khác đuổi theo, thì tâm-sự mình, chỉ có một mình mình biết, chớ có ai biết đâu. Chỉ một chết là hết mang tiếng ». Bèn nhảy xuống sông mà chết.

ngư  
(+ +)  
281



- « Tôi sau Đình-trưởng dỡ thuyền,  
 « Giúp người Hạng Võ (1) qua miền Ô-giang.  
 « Xưa còn thương kẻ mắc nạn,  
 « Huống nay ai nỡ quên đang ngãi-nhân.  
 « Một lời gắng giúp keo-son,  
 « Ngu-ông từ-giã lui chân xuống thuyền.

(1) *Hạng-Võ*: Người đã dựng ra nước Tây Sở, hiệu là Bá-Vương, đương đầu với Hán Lưu-Bang, gây nên cuộc Hán Sở tranh-hùng, sau khi dứt nhà Trần. Về sau, Hạng-Võ quân thua lui về Ô-giang, có người Đình-trưởng (đời Hán, cứ mời dậm đất thì gọi là một đình, đặt người đình-trưởng để phòng giữ trộm cướp) chèo thuyền rước Hạng-Võ. Nhưng đi đến giữa sông, Hạng-Võ nghĩ then, cắt đầu tự-vẫn.

**Tóm-thuật đoạn XI.**— *Vân Tiên bị hại giữa dòng. Nhờ có rồng đưa vào bực. Gia-đình ông chài vớt lên được.*

*Vân Tiên được cứu, tỉnh lại, thắm nổi mình. Ông chài hỏi-han, Vân Tiên tỏ-bày tình đầu.*

*Ông chài là người khác thường, tính tình cao-thượng, kinh-luân chứa đễ đầy lòng, nhưng quyết lánh xa danh-lợi, sống trong rửa ruột sạch trơn.*

*Nghe ông chài nhà-cửa ở Hàn-giang. Vân Tiên mừng, xin đưa giùm về nhà Võ-công cũng ở gần đó.*

*Ông chài khuyên-bảo không nên. Vân Tiên nằng nằng xin đưa giùm đến đó. Ông chài cực chẳng-đã phải đưa, mà có ý thương lo.*

*Tôi nhà Võ-công, ông chài từ-giã với lời bóng gió xin hãy thương Vân Tiên mà đừng phụ-bạc. Võ-công đã có ý hổ-người vì Vân Tiên mù, nhưng gượng-gao.*

XII

**VÕ-CÔNG GIẢ ĐƯA  
 VỀ ĐÔNG-THÀNH, ĐEM VÂN TIÊN BỎ  
 TRONG HANG THƯƠNG-TÔNG**

- Võ-công không ngọt lòng hiền,  
 Ân-tình thế-lợi (1) khó tuyền dặng vay.*  
 1021. — *Dạy Tiên: « Người hãy ngồi đây.  
 « Cho ta trở lại sau này liệu toan ».  
 Công rằng: « Hỡi mục Quỳnh Trang,  
 « Dò lòng ái-nữ (2) Thế Loan thế nào ?  
 « Mặc con toan liệu làm sao,  
 « Vốn không ép vợ, nỡ nào ép con ».  
 Loan rằng: « Gót đỏ như son,  
 « Xưa nay ai nỡ đem chôn xuống bùn ?  
 « Ai cho sen muống một bồn,  
 « Ai từng chanh khế sánh phần lựu-lê.*  
 1031. — *« Thà không trót chịu một bề,  
 « Nỡ đem mình ngọc dựa kẻ thất-phu (3).*

(1) *Ân-tình thế-lợi* 恩情勢利 : Ân-huê và tình-cảm đối chọi với quyền-thế và lợi-lộc.

(2) *Ái-nữ* 愛女 : Con gái yêu.

(3) *Thất-phu* 匹夫 : Kẻ chẳng ra gì.



« Đã công chờ đợi danh nhu (1),  
 « Rễ đầu có rễ đuôi mù thể ni.  
 « Đã nghe người nói hội này,  
 « Rằng : Vương Tử Trực chiếm rày thủ-khoa(2).  
 « Ta (3) dầu muốn kết sui-gia,  
 « Họ Vương họ Võ một nhà mới xinh ».  
 Công rằng : « Muốn trọn việc mình,  
 « Phải toan một chước dứt tình mới xong.  
**1041.** — « Nghe rằng : Trong núi Thương-tông,  
 « Có hang thăm-thẳm bịt-bùng khôn ra.  
 « Đông thành ngàn dặm còn xa,  
 « Đem chàng bỏ đó ai mà biết đâu ? »  
 Phút vừa trăng đã đứng đầu,  
 Vân Tiên ngồi trước nhà cầu (4) thờ-than.  
 Võ-công ra trước dỗ chàng :  
 « Xuống thuyền rồi sẽ đưa sang Đông-thành ».  
 Ra đi đơng lúc tam canh (5),  
 Dắt vào hang tối bỏ đành Vân Tiên.

(1) *Danh nhu* 名儒 : Người học-trò có danh.

(2) *Thủ-khoa* 首科 : Người đầu đầu trong khoa thi hương

(3) *Ta* : Có bản chép là *Cha*. Nhưng nghĩ kỹ *Ta* thì đúng hơn.

(4) *Nhà cầu* : Nhà cất ở dưới mé sông để ngồi hóng gió mát.

(5) *Tam canh* 三更 : Canh ba.

Có bản chép : *Tan canh*.

**1051.** — Bỏ rồi rón-rén bước liền.  
 Xuống gay chèo quế đời thuyền tách xa.  
 Tiên rằng : « Các chú đưa ta,  
 « Xin đưa tôi tới quê nhà sẽ hay.  
 « Ghi lòng dốc trọn thảo ngay,  
 « Một phen mà khỏi ngàn ngày chẳng quên ».  
 Lặng nghe vắng tiếng hai bên,  
 Trong hang tăm-tối đá trên chập-chồng.  
 Vân Tiên khi ấy hãi-hùng,  
 Nghĩ ra mới biết Võ-công hại mình.  
**1061.** — Nực cười con tạo trớ-trình,  
 Chữ duyên tráo-chác, chữ tình lãng-xao.  
 Nghĩ mình tai-hại biết bao,  
 Mới lên khỏi biển lại vào trong hang.  
 Dây sầu ai khéo vương mang,  
 Tránh nơi lưới thỏ, gắp đàn bẫy cheo.  
 Trong hang sau trước quạnh-hiu,  
 Muốn ra cho khỏi ai diu-dắt đi ?  
 Oan-gia nọ đã khéo gây,  
 Ôi thôi thân-thể còn gì mà toan ?  
**1071.** — Đã đành xa cõi nhân gian (1),  
 Dựa mình vào chốn thạch-bàn (2) nằm co.

(1) *Nhân-gian* 人間 : Khoảng con người ở. Cõi đời.

(2) *Thạch-bàn* 石盤 : Hòn đá lớn.



Đêm khuya ngọn gió thổi lò,  
 Sương-sa lác-đác mưa tro lạnh-lùng.  
 Năm ngày chịu đói-khát rờng,  
 Nhờ ba hùa thuốc đỡ lòng hôm mai.

**Tóm-thuật đoạn XII.**— *Võ-công đã chẳng vừa lòng Vân Tiên, hỏi ý-kiến vợ con. Võ Thề Loan chẳng tiếc lời rặng nhẹ dút tình.*

*Nhà họ Võ quyết đem Vân Tiên bỏ; dỗi đem Vân Tiên xuống thuyền đưa về Đông-thành, rồi đưa tuốt đến hang Thương-tông mà bỏ đó, rón-rén ra về.*

*Vân Tiên biết ra, cay-đắng trong lòng, than phận buồn duyên. Năm ngày ở trong hang, may nhờ có ba hùa thuốc của ông quán cho khi trước, mà được sống còn trong cơn đói-khát.*

XIII

DU-THẦN CỨU RA KHỎI HANG, GẶP  
 LÃO TIÊU CÔNG VÂN TIÊN VỀ NHÀ

Du-thần (1) xem thấy ai-hoài (2).  
 Xét trong mình gã có bài phù-tiên (3).  
 Mới hay là Lục Vân Tiên,  
 Cùng nhau điu-dắt đều liền đem ra.

(1) *Du-thần* 遊神 : Thần đi rong các nơi để xem-xét mọi việc.

(2) *Ai hoài* 哀懷 : Ôm-ấp sự buồn thảm.

(3) *Phù tiên* : Tiên phù 仙符 : Bùa tiên.

1081.— Khởi hang một dặm vừa xa,  
 Đến nơi đại-lộ (1) trời đà hừng dông.  
 Du-thần trở lại sơn-trung (2),  
 Vân Tiên còn hã giấc nồng mê-mang.  
 Lão tiêu com gói sẵn-sàng,  
 Sớm mai xách búa đi ngang vào rừng.  
 Tôi đường đại-lộ là chùng,  
 Xảy nghe có tiếng trong rừng thổ-than.  
 Hay là yêu-quái tà gian (4),  
 Rung cây nhát lão làm đường hại nhân (5).

1091.— Lão tiêu liền bước lại gần,  
 Thiệt là một gã văn-nhân (6) mắc nạn.  
 Chi bằng lên tiếng hỏi-han :  
 « Nhân sao mắc việc tai-nạn thế này (7) ? ».  
 Vân Tiên nghe tiếng mừng thay,  
 Vội-vàng gượng dậy trình-bày trước sau.  
 Lão tiêu nghe nói giờ lâu,  
 Gẫm trong thế-sự gạt đầu thổ-than :

(1) *Đại-lộ* 大路 : Đường lớn.

(2) *Sơn trung* 山中 : Trong núi.

(3) *Có bản chép* : Nhắm đường đại-lộ dè chừng.

(4) *Tà-gian* 邪奸 : Vay-vọ, xảo-trá.

(5) *Hại nhân* 害人 : Hại người.

(6) *Văn-nhân* 文人 : Người có văn-học.

(7) *Này* : Do chữ ni chuyển ra, viết là này để cho ăn vần.



« Ít người trong tuyết đưa than,

« Khó ngồi giữa chợ ai màng đoái thương ».

1101.— Vân Tiên nghe nói mới tường,  
Cũng trang ẩn-dật (1) biết đường thảo ngay.

« Ngửa trông lượng cả cao-dày,

« Cứu trong một buổi, ơn tày tái sinh (2).

« Mai sau về tới Đông-thành,

« Đền ơn cứu khổ mới đành dạ tôi ».

Lão tiều mới nói : « Thôi thôi,

« Làm ơn mà lại trông người sao hay ?

« Già hay thương kẻ thảo-ngay,

« Nay thôi để lão dắt ngay về nhà ».

1111.— Tiên rằng : « Trong dạ xót-xa,

« Nay đã sáu bữa không hòa mùi chi.

« Lại thêm rũ liệt tứ chi (3),

« Muốn đi theo đó má đi khôn rồi ».

« Lão tiều này ngỡ nực cười,

Mở cơm trong gói miệng mời Vân Tiên :

« Gắng mà ăn-uống cho yên,

« Lão ra sức lão cũng Tiên về nhà ».

(1) Ẩn-dật 隱逸 : Ở ẩn mà tự vui.

(2) Tái-sinh 再生 : Làm sống lại lần nữa.

(3) Tứ-chi 四肢 : Hai tay và hai chân.

Tóm thuật đoạn XIII.— Vị thần đi xem-xét mọi việc trong đời, ngang qua hang Thương-tòng,

thấy một gã trai sầu-thâm thì có lòng thương ; xem xét kỹ lại thấy có lá bùa tiên, mới hay là Lục Vân Tiên. Du-thần bèn cứu Vân Tiên ra khỏi hang Thương-tòng, đem về ngoài đường lớn.

Ông tiều xách búa lên rừng, vừa kình đồng, xảy nghe có tiếng thở-than trên đường. Lăn tới nơi, ông tiều nghe thấy Vân Tiên tố-bày cảnh-ngộ thì động lòng, bèn lãnh đưa Vân Tiên về nhà.

Vân Tiên than đói mệt. Ông tiều mở gói cho cơm, ăn-ủi, rồi ghé vai cồng Vân Tiên đi thẳng lên đường về quê-hương họ Lục.

XIV

HỚN MINH ĐEM VÂN TIÊN VỀ CHÙA

Khỏi rừng ra tới ngã ba,

May đâu gặp một chàng là Hớn Minh.

1121.— Lão tiều lật-dật bốn trình (1),

Hớn Minh theo hỏi sự tình một khi.

Vân Tiên nghe tiếng cố tri (2),

Vội mừng bạn cũ còn nghi nỗi mình.

Minh rằng : « Dám hỏi nhân-huynh (3),

« Có sao nên nỗi thân-hình thế ni ? »

(1) Bốn-trình 奔程 : Đi gấp trên đường.

(2) Cố-tri 故知 : Quen biết cũ.

(3) Nhân-huynh 仁兄 : Người anh có nhân. Tiếng xưng-hô.



Tiên rằng : « Chẳng biết nói chi,  
« Thân này nào có khác gì cây trôi.  
« Lệnh-dệnh (1) gió dập sóng dồi,  
« Rày đây mai đó khôn rời gian-nan (2) ».

1131.— Minh rằng : « Đây khó hỏi-han,  
« Xin vào chùa sẽ luận-bàn cùng nhau ».  
Tiêu rằng : « Chẳng dám ngồi lâu,  
« Vào rừng đốn củi bán châu chợ phiên ».

Hơn Minh quý gói lạy liền :  
« Ôn ông cứu-dặng Vân Tiên bạn lành,  
« Đây hai lượng bạc trong mình,  
« Tôi xin báo-đáp (3) chút tình cho ông ».  
Tiêu rằng : « Vốn lão tình không,  
« Một mình ngư-ngần non tòng hôm mai.

1141.— « Tấm lòng chẳng muốn của ai,  
« Lánh nơi danh-lợi chông-gai cựa lòng.  
« Kia non, nọ nước thông-dong,  
« Trăng thanh gió mát bạn cùng hươu nai.  
« Công-hầu phủ-quì mặc ai,  
« Lộc rừng gánh vác hai vai tháng ngày ».

Vân Tiên nghe biết người ngay,  
Hỏi thăm tên họ phòng ngày đèn ông.

(1) Lệnh-dệnh 伶仃 : Cô-đơn. Một mình bơ-vơ, không có ai nhờ cậy.

(2) Gian-nan 艱難 : Khốn-khở, khó-khăn.

(3) Báo-đáp 報答 : Đền-bù lại.

Lão tiêu trở lại lâm-sơn (1),  
Tiên, Minh hai gã đều hoàn (2) am mây.  
1151.— Tiên rằng : « Đã gặp khoa này,  
« Có sao ngọc-hữu (3) ở đây làm gì ? ».  
Minh rằng : « Xưa dốc xuống thi,  
« Gặp nơi miếu-võ đều đi một lần,  
« Anh thì về trước tỉnh thân (4),  
« Tôi thì mang gói sau lần ra Kinh.  
« Đi vừa tới huyện Loan minh,  
« Gặp con quan huyện Đặng sinh là chàng,  
« Giàu-sang ý thể dọc ngang,  
« Gặp con-gái tốt cường-gian (5) không nghi (6).  
1161.— « Tôi bèn nổi giận một khi,  
« Vặt chàng xuống đó bẻ đi một giò.  
« Minh làm nữ đề ai lo,  
« Bỏ tay chịu trời nọp cho huyện-đàng (7).  
« Ăn đày ra quận Sóc-phang,  
« Tôi bèn vượt ngục lánh đàng đến đây.

(1) Lâm-sơn 林山 : Rừng núi.

(2) Hoàn 還 : Trở về.

(3) Ngọc-hữu 玉友 : Bạn ngọc.

(4) Tỉnh thân 省親 : Thăm-nom cha mẹ.

(5) Cường-gian 強奸 : Lấy sức mạnh mà làm điều trái.

(6) Nghi . Do chữ nghĩa biến ra.

(7) Huyện-đàng (đường) 縣堂 : Quan huyện. Nhà quan huyện.



« Vừa may mà gặp chùa này,  
 « Mai danh ần tích (1) bầy-chầy nấu-nương ».  
 Vân Tiên nghe nói thảm-thương,  
 Lại bày một khúc tai-trong (2) phận mình.  
**1171.**— Minh nghe Tiên nói động tình,  
 Hai hàng châu lụy như bình nước nghiêng.  
 Tiên rằng : « Thương cội xuân-huyền (3),  
 « Tuổi cao tác lớn chịu phiền lao-đao.  
 « Trông con như cá trông dào (4),  
 « Minh này trời-nổi phượng nào biết đâu. ?  
 « Vầng mây giăng bạc trên đầu,  
 « Ba năm chưa tron một câu sinh-thành (5).  
 « Hữu tam bất hiếu (6) đã đành,  
 « Tiều-đồng trước đã vì mình thác oan,  
**1181.**— « Tướng thời như cắt ruột gan,  
 « Quặn đau chín khúc, chứa-chan mấy lần ».

(1) Ần-tích 隱蹟 : Dấu-diểm dấu vết

(2) Tai-trong 災殃 : Tai-nạn, họa hại.

(3) Xuân-huyền 春萱 : Mẹ.

(4) Có bản chép : ... hạn trông dào.

(5) Sinh-thành 生成 : Sinh ra nuôi-nấng cho nên người.

(6) Bất hiếu hữu tam 不孝有三 : Bất hiếu có ba :

(Không con là tội trọng 無後為大). Câu này ý nói : Chưa kịp lập gia-đình thì mẹ đã chết, đáng tội bất hiếu. Xuất xứ ở câu nói của Mạnh-tử. Trong « Tứ thư tập chú 四書集註 » Chu Hy chú-giải về ba điều bất hiếu rằng : Nhà nghèo, cha mẹ già yếu, mình không mưu tính việc làm để nuôi cha mẹ, ấy là một bất hiếu.— Hòa theo ý muốn chẳng hay để hăm cha mẹ vào việc bất nghĩa, ấy là hai bất hiếu.— Không lấy vợ để con, làm tuyệt nòi giống của cha mẹ, ấy là ba bất hiếu.

Minh rằng : « Người ở trong trần,  
 « Có khi phú-quí (1) có lần gian-nan (2).  
 « Thấp cao vàng biết tuổi vàng,  
 « Gặp khi lửa đỏ máu càng thêm xuê.  
 « Thôi thôi anh chớ vội về,  
 « Ở đây nương-náu toan bề thuốc thang.  
 « Bao giờ hết lúc tai-nạn,  
 « Đem nhau ta sẽ lập đàng công-danh.  
**1191.**— « Cam-la (3) sớm gặp cũng xinh,  
 « Muộn mà Khương-tử (4) cũng vinh một dòi.  
 « Nên hư có số ở trời.  
 « Bôn-chôn sao khỏi dòi dòi sao xong ». ) 217  
 Vân Tiên khi ấy an lòng, 284  
 Ở nơi am-tự (5) bạn cùng Hồn Minh.  
 Võ-công làm việc trở-trình,  
 Dứt tình họ Lục, mến tình họ Vương.  
 Kể từ định chước hại chàng,  
 Thê Loan hớn-hở lòng càng thêm vui.  
**1201.**— Ngày ngày trang-diễm phấn dôi,  
 Phòng khi gặp-gỡ đứng ngòi cho xuê,

(1) Phú-quí 貴富 : Giàu-sang.

(2) Gian-nan 艱難 : Khốn-khò, khó-khăn.

(3-4) Cam-La 12 tuổi làm Tướng-quốc ở Tần. Khương-tử Nha 81 tuổi mới nên danh hiển-đạt.

(5) Am-tự 庵寺 : Chùa, am



Xảy đầu Tử Trục vừa về,  
 Vào nhà họ Võ thăm bề Vân Tiên.  
 Công rằng : « Chớ hỏi thêm phiền.  
 « Trước đã lâm bệnh (1) huỳnh-tuyền (2) xa  
 chơi.

« Thương chàng phận bạc trong đời,  
 « Cũng vì Nguyệt-lão (3) xe loi mối hồng (4) ».

Nghe qua Tử Trục chạnh lòng,

Hai hàng nước mắt rờn-rờn như mưa.

1211. — Than rằng : « Chạnh nhớ linh xưa,

« Nghĩa đã kết nghĩa, tình chưa phỉ tình.

« Trời sao nữ phụ tài lành,

« Bảng vàng chưa thấy, ngày xanh đã mòn.

« Cùng nhau chưa đặng vuông tròn,

« Người đã sớm thác ta còn làm chi ?

« Trong đời mấy bực cố-tri (5),

« Mấy trang đồng đạo (6), mấy người đồng  
 tâm (7) ? ».

(1) *Lâm bệnh* 臨病 : Bị bệnh.

(2) *Huỳnh* (Hoàng-truyền) 黃泉 : Suối-vàng.

(3) *Nguyệt-lão* : Nguyệt-ha lão nhân 月下老人 : Ông  
 già dưới nguyệt. Người chủ-trương việc định đôi cho người  
 ở thế-gian (Xem chú-thích 2 trang 42).

(4) *Mối hồng* : Dây tơ đỏ buộc chân những cặp có  
 nhân-duyên với nhau. (Xem chú-thích 1 trang 50 và chú-  
 thích 2 trang 42).

Lại có tích khác : Trương-gia Trinh có 5 người con gái.  
 Muốn gả một người cho Đặng Nguyên Chấn mà không biết  
 phải gả người nào. Mới bày : 5 người con của Trương thì  
 ngồi sau một cái màn, cầm 5 sợi tơ, mỗi người mỗi màu tơ.  
 Đặng thì đứng ở ngoài, hễ nắm được mối tơ của ai thì cưới  
 người đó. Đặng lựa sợi tơ đỏ, nhằm người thứ ba. Sau ăn  
 ở đời với nhau.

(5) *Cố-tri* 故知 : Quen biết cũ.

(6) *Đồng đạo* 同道 : Cùng sùng-phụng một lễ phải.

(7) *Đồng tâm* 同心 : Cùng lòng.

Công rằng : « Ta cũng thương thăm,  
 « Tủ duyên cốt trẻ sắt-cầm (1) dở-dang.  
 1221. — « Thôi thôi khuyên chớ thổ-than,

« Đây đã tình đặng một đàng rất hay.

« Tôi đây thì ở lại đây,

Cùng con gái lão sum-vầy thất-gia (2).

« Phòng khi hôm sớm vào ra.

« Thấy người Tử Trục cũng là thấy Tiên ».

Trục rằng : « Ngồi viết đĩa nghiên,

« Anh em xưa có thề-nguyên cùng nhau.

« Vợ Tiên là Trục chị dâu,

« Chị dâu, em bạn dám đầu lổi nghì,

1231. — « Chẳng hay người học sách chi,

« Nói sao những tiếng dị-kỳ khó nghe ?

« Hay là học thói nước Tề,

« Vợ người Tử Củ đưa về Hoàn Công (3).

« Hay là học thói Đường-cung (4).

« Vợ người Tiều Lạc (5) sánh cùng Thế Dân.

(1) *Sắt cầm* 瑟琴 : Đàn sắt và đàn cầm, hai thứ hòa  
 với nhau rất hiệp. Nói về việc vợ chồng.

(2) *Thất-gia* 室家 : Nhà cửa. Nói về việc định đôi lứa.

(3) Vua Hoàn-công nước Tề cướp vợ của anh là Tử-  
 Củ, rồi giết Tử-Củ đi.

(4) *Đường cung* 唐宮 : Cung nhà Đường.

(5) *Tiều Lạc* : Em của Lý Thế Dân bị Thế-Dân giết đi  
 rồi cướp lấy vợ, lên làm vua tức vua Đường Thái tông  
 (627-649).



« Người nay nào phải nhà Tần,  
 « Bất Vi gả vợ Dị Nhân lấy lầm (1).  
 « Nói sao chẳng biết hồ thâm,  
 « Người ta há phải là cầm thú sao ? »

1241. — Võ-công hồ-thẹn xiết bao,  
 Ngồi trên khôn cãi lẽ nào cho qua.  
 Thê Loan trong cửa bước ra,  
 Miệng chào : « Thầy Cử tân-khoa mới về.  
 « Thiếp đà chẳng trọn lời thề,  
 « Lỡ bề sửa tráp, lỡ bề nâng khăn.  
 « Tiếc thay dạ thổ nằng-nặng,  
 « Đem thu chờ đợi bóng trăng hấy-chầy.  
 « Chẳng ưng thì cũng làm khuây,  
 « Nỡ buông lời nói chẳng vì chẳng kiếng ? »

1251. — Trục rằng : « Ai Lữ Phụng Tiên (2),  
 « Phòng toan đem thối Điều Thuyền trên  
 người ?  
 « Mồ chõng ngọn cỏ còn tươi,  
 « Lòng sao mà nữ buông lời nguyệt-hoa ? (3)  
 « Hồ hang vậy cũng nười ta,  
 « So loài cầm-thú vậy mà khác chi ?

(1) Lữ Bất Vi coi tướng giỏi, biết Đinh Dị Nhân về sau có tướng làm vua, bèn đem người vợ có thai được mấy tháng mà gả cho Đinh để toan chiếm-đoạt, lấy họ Lữ dứt họ Đinh. Dị-Nhan sau làm vua tức Tần Trang-trương vương; còn người thiếp của Lữ mà Dị-Nhan đã lấy lầm, sinh ra được một trai sau nối ngôi vua tức Tần Thủy-hoàng.

(2) Lữ-Bổ bị sắc Điều Thuyền mà hư.

(3) Nguyệt-hoa 月花 : Trăng và hoa là hai vẻ đẹp đáng yêu. Chỉ về lòng ham-muốn tình-dục.

« Vân Tiên anh hỏi cố-tri,  
 « Suối vàng có biết sự ni chẳng là ? »

Tay lau nước mắt trở ra,  
 Về nhà sắm-sửa tìm qua Đông thành,  
 1.261. — Võ-công hồ-thẹn trong lòng,  
 Năm ngày nhuộm bệnh thất tinh (1) chết oan.  
 Thê Loan cùng mẹ Quỳnh Trang,  
 Mẹ con đóng cửa cư tang (2) trong nhà.

(1) Thất-tinh 失情 Trái mất tình luyến-ái của mình.  
 (2) Cư tang 居喪 . Ở vậy chịu tang.

**Tóm-thuật đoạn XIV.** — Ông tiều công Vân Tiên ra khỏi rừng, tới ngã ba thì gặp Hớn Minh. Ông tiều làm-lũ đi riết. Hớn Minh chạy theo hỏi. Vân Tiên nghe tiếng biết Hớn Minh. Anh em gặp nhau, mừng-rỡ. Tuy nhiên, Vân Tiên vẫn còn sợ cái vợ Trịnh Hâm, Võ-công « vội mừng bạn cũ, còn, nghi nỗi mình »,

Vân Tiên thuật chuyện. Hớn Minh cảm ơn ông tiều, ông tiều cao-thượng chối-từ ân-nghĩa, giao Vân Tiên cho Hớn Minh.

Anh em đem nhau về chùa — nơi Hớn Minh ở. Thì ra Hớn Minh không xuống thi được, chỉ vì đã gặp con một quan huyện là chàng họ Đặng, ý thế dọc ngang, bắt hiếp con gái người ; nóng máu không dẫn trước cảnh gai mắt trái tai, Hớn Minh bắt Đặng-sinh vật xuống mà bẻ đi một giò, rồi ra thú



lội trước mặt quan huyện. Án đày ra quận Sóc-phang. Hôn Minh vượt ngục, rồi đem thân đã chôn tên lấp tuổi ẩn nơi chốn cửa thiền.

Vân Tiên nghe chuyện thêm thương. Từ đó an lòng ở nơi chùa với Hôn Minh.

Bấy giờ, nhà họ Võ đã dứt tình được với họ Lục thì lấy làm vui. Nhất là Võ Thê Loan thì rất bằng lòng khi bỏ được Vân Tiên; lại ao ước sánh duyên cùng Vương Tử Trực, ngày ngày đòi phẩn để phòng ngày bán dạn mua tình.

Vương Tử Trực thì đau, về ghé viếng Võ-công, hỏi thăm bệnh Vân Tiên. Họ Võ tỏ lòng thương-tiếc họ Lục đã mạng chung! Tử Trực đau lòng. Võ-công lại ước ý, bày màu con gái. Tử Trực xằng-xóm phản-đối lời lẽ bất chính. Võ-công then gục mặt cúi đầu. Võ Thê Loan lại bước ra trêu ghẹo. Tử Trực nặng tiếng chê-bại, rồi: « Tay lau nước mắt trở ra, Về nhà sắm-sửa tìm qua Đông-thành ».

Võ Thê Loan mất mặt. Võ-công thất tình chết oan vì hồ-then.

Mẹ con Thê Loan đóng cửa chịu tang.

XV

NGUYỆT NGA NHÂN CÓ LỤC-ÔNG  
KIỀU-CÔNG MỜI QUA, NGHE TIN  
VÂN TIÊN MẤT, BUỒN-RẪU KHÓC-THAN

Đoạn này đến thứ Nguyệt Nga,  
Hà-khê phủ ấy theo cha học-hành.

Kiều-công lên chức Thái-khanh,  
Chỉ sai ra quận Đông-thành chặn dãn.  
Ra tờ khắp hết xa gần,  
Hỏi thăm họ Lục tìm lần đến nơi.

1.271. — Khiến quân đem bức thư mời,  
Lục-ông vâng lệnh tới nơi dinh-tiền (1).

Kiều-công hỏi Lục Vân Tiên,  
Lục ông thấy hỏi bỗng liền khóc-than.

Thưa rằng: « Nghe tiếng đồn vang,  
« Con tôi nhuộm bệnh giữa đàng bỏ thầy.

« Biệt tin từ ấy nhân nay,  
« Phút nghe người nói châu mày lại thương ! »

Kiều-công trong dạ bàng-hoàng (2),  
Trở vào nói lại cùng nàng Nguyệt Nga :

1.281. — « Lục-ông nói lại cùng cha,  
« Duyên con rày đã trôi hoa dạt bèo ».

Riêng than chút phận to-điều,  
Hàn-giang chưa gặp, Ò-kiều lại rơi !

Nàng rằng: « Phải thiệt như lời,  
« Xin cha sai kẻ mời người vào trong ».

Nguyệt Nga đứng dựa bên phòng,  
Tay ôm bức tượng khóc ròi g như mưa

Còn rằng: « Nào bức tượng xưa ?  
« Nguyệt Nga con khá đem đưa người nhìn ».

(1) Dinh tiền: Trước dinh.

(2) Bàng-hoàng 傍徨 Ý nghi-hoặc, không chủ-định.



1.291.— Lục-ông một buổi ngồi nhìn,  
Tay-chân vác-vác đều in con mình.  
Chuyện-trò sau trước phân-minh (1),  
Lục-ông khi ấy sự-tình mới hay :  
« Thương con phận bạc lắm thay,  
« Nguyễn xưa còn đó, con rày đi đâu ? »  
Kiều-công chi xiết nỗi sầu,  
Lục-ông thấy vậy thêm đau gan vàng,  
Kiếm lời khuyên-giải với nàng :

« Giải cơn phiền-não (2) kẻ mang lấy sầu.  
1.301.— « Người đời như bóng phù-du (3),  
« Sớm còn tối mất, công phu (4) lỗ-làng.  
« Cũng chưa đồng tịch, đồng sàng (5),  
« Cũng chưa nèn nghĩa tào-khang (6) đâu mà !  
« Cũng như cửa sổ ngựa qua,  
« Nghĩ nào mà ủ mặt hoa cho phiền ? ».  
Nàng rằng : « Trước đã trọn nguyên,  
« Dầu thay mái tóc phải nhìn mỗi tơ ».

(1) *Phân-minh* 分明 : Rõ-ràng đầu đuôi gốc ngọn.

(2) *Phiền-não* 煩惱 : Buồn rầu.

(3) *Phù-du* 浮遊 : Một thứ trùng nhỏ, đầu như đầu chuồn-chuồn mà nhỏ, hay bay ở gần nước, tối thì hay bay ở quanh bóng đèn, mau chết lắm.

(4) *Công-phu* 功夫 : Sức dùng để làm việc.

(5) *Đồng tịch đồng sàng* 牀同同床 : Chung chiếu chung giường.

(6) *Tào-khang* 糟糠 : Tắm mẩn. Nói về đạo vợ chồng.  
(Xem chú-thích 6 trang 56)

Công rằng : « Chút nặng tình xưa,  
Bèn đem tiền-bạc tạ đưa cho người. »

1311.— Lục-ông cáo tạ (1) xin lui :  
« Tôi đâu dám chịu của người làm chi ?  
« Ngõ là con trẻ mất di,  
« Hay đâu cốt-cách (2) còn ghi trọng này.  
« Bây giờ con lại thấy đây,  
« Tấm lòng thương-nhớ dễ khuấy dạng nào ? ».  
Ngửa than : « Đất rộng trời cao,  
« Tre còn măng mắt lè nào cho cân ».  
Lục-ông từ-tạ (3) lui chân,

Kiều-công sai kẻ gia-thần (4) đưa sang.  
1321.— Nguyệt-Nga nhuộm bệnh thờ-than,  
Năm canh lụy ngọc xốn-xang lòng vàng.  
Nhớ khi thề-thốt giữa dàng,  
Chưa nguôi nỗi thảm, lại vương lấy sầu.  
Công đà chờ đợi bấy lâu,  
Thà không cho gặp buổi đầu thì thôi.  
Biết nhau cho dạng mấy hồi,  
Kẻ còn người mất, trời ôi là trời !  
Thủa xưa giữ dạ ghi lời,  
Thương người quân-tử biết đời nào phai ?

(1) *Cáo-tạ* 告謝 : Xin cảm-ơn mà từ-chối ra về.

(2) *Cốt-cách* 骨格 : Dáng-diệu.

(3) *Từ-tạ* 辭謝 : Từ-chối cảm ơn.

(4) *Gia-thần* 家臣 : Tớ nhà quan.



1331.— Tiếc thay một dự anh-tài,  
 Việc văn, việc võ nào ai dám bì ?  
 Thương vì đèn sách lòng ghi,  
 Ông công nào thấy tiếng gì là đầu !  
 Thương vì hai tám trên đầu,  
 Người đời như bóng phù-du (1) lơ-làng . . .  
 Thương vì chưa đặng hiên-vang,  
 Nước trôi sự nghiệp, hoa tàn công-danh.  
 Thương vì đôi lứa chưa thành,  
 Vừa hương bát nước ai đành ngày sau ?

1341.— Năm canh chẳng ngọt giọt châu,  
 Mặt nhìn bức tượng ruột đau như dẫu.  
 Dương-gian (2) nay chẳng đặng gần,  
 Âm-cung (3) biết có thành thân chẳng là ?  
 Kiêu-công thức dậy bước ra,  
 Nghe con than-khóc xót-xa lòng vàng.  
 Khuyên rằng : « Con chó cru-mang,  
 « Găm trong còn mắt là đường xưa nay.  
 « Đàn cầm ai khéo dứt dây,  
 « Chẳng qua con tạo đời xây không thường ».  
 1351 — Nàng rằng : « Khôn xiết nỗi thương,  
 « Khi không gãy cánh giữa đường ai hay.

(1) Phù-du : Xem chú-thích 3 trang 116.

(2) Dương-gian 陽間 : Khoảng dương. Cõi dương-Cõi đời.

(3) Âm-cung 陰宮 : Cõi âm.

« Nay đà loan phụng (1) rẽ bầy,  
 « Nệm nghiêng gối chích phận này đã cam.  
 « Trăm năm thề chẳng lòng phàm,  
 « Sông Ngân (2) đưa bạn cầu Lam (3) rước  
 người.  
 « Thân con còn đứng giữa trời,  
 « Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi ».  
 Kiêu công trong dạ chẳng vui :  
 « Con đành giữ tiết trọn đời hay sao ? »

(1) Loan-phụng 鸞鳳 . Chim loan và chim phượng, thường dùng để ví vợ chồng đẹp lứa.

(2) Sông Ngân : Nơi quạ đen bắt cầu cho Ngưu-Lang Chức-nữ gặp nhau, mỗi năm vào đêm mồng 7 tháng 7. (Xem chú-thích 3 và 4 trang 42).

(3) Cầu Lam : Nơi Bùi-Hàng gặp nàng tiên Vân-Anh. Ngày xưa Bùi-Hàng 裴航 đời Đường, đi chơi ở Ngạc-chữ gặp nàng Vân-Kiều cho một bài thơ, trong thơ có câu : « Lam-Kiều bản thị thần tiên quật 藍橋本是神仙窟 » Nghĩa : Lam-Kiều là chỗ thần tiên ở. Đến sau đi qua Cầu Lam, khát nước vào hàng uống nước, thì thấy nàng Vân-Anh 雲英 đẹp lắm, muốn lấy làm vợ. Bà mẹ nàng ấy bảo rằng : Hễ có cái chày ngọc đem lại kháp vữa vào cái cối ngọc thì gả cho. Bùi-Hàng về gặp tiên cho chày ngọc, lấy được Vân-Anh, rồi hai vợ chồng đều được thành tiên cả. Trong văn-chương, Cầu Lam tức là nói chỗ người đàn-bà đẹp ở.

**Tóm-thuật đoạn XV.**— Đây nói về Nguyệt-Nga từ xa-cách Vân Tiên, lòng vẫn thương-nhớ họ Lục.

Kiều-công được lên chức Thái-khanh, chỉ sai ra chẵn dân ở quận Đông-thành. Nhân dịp, Kiêu-công bèn ra tờ hỏi thăm nhà họ Lục, tìm lần đến nơi, đưa thư mời.



Lục-ông đến viếng Kiều-công. Kiều-công hỏi  
Lục Vân Tiên. Lục-ông khóc, bày-lở sự nghe đồn-  
đãi Vân Tiên đã chết. Từ ấy đến nay bất tin.

Kiều-công vào trong nói cho Nguyệt-Nga hay.  
Nguyệt-Nga xin cha cho rước Lục-ông vào trong,  
rồi tay ôm bức tượng Vân Tiên, đứng dựa bên  
phòng mà khóc ròng.

Lục-ông thấy tượng thêm nhớ con, biết cái tình  
của Nguyệt-Nga, lại thêm cảm-động.

Kiều-công định đem vàng bạc tạ ơn. Lục-ông  
chối-từ không nhận, xin về.

Nguyệt-Nga đêm ngày phiền-não thổ-than.  
Kiều-công lo sợ cho con, hết lòng khuyên-giải.

Nguyệt-Nga chỉ quyết ngỏ tâm-sự cùng cha :

« Thân con còn đứng giữa trời.

« Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi ».

Thấy con đành giữ tiết trọn đời. Kiều-công  
trong dạ ngậm-ngùi.

XVI

THÁI-SƯ ĐI NÓI NGUYỆT-NGA CHO  
CON KHÔNG ĐƯỢC, NÊN OÁN MÀ XIN VUA  
ĐÒI ĐI CỐNG-HỒ BÊN NƯỚC Ô-QUA

1.361.— Có người sang cả ngôi cao.

Thái-sư chức trọng trong trào sắc phong.

Nghe đồn con gái Kiều-công,

Nay mười sáu tuổi tơ-hồng chưa vương.

Thái-sư dùng lễ-vật sang,

Mượn người mai-chước (1) kết đảng sui-gia.

(1) Mai-chước : Môi-chước 媒妁 : Người làm mối  
trong cuộc hôn-nhân

Kiều-công khôn ép Nguyệt Nga,  
Lễ-nghi (1) đưa lại về nhà Thái-sư.

Thái-sư chẳng biết rộng suy,

Đem lòng oán-hận sớm ghi vào lòng.

1.371 — Phút đầu giặc mọi làm hung,

Lung-lăng nết dữ binh-nhung dấy-loàn.

Đánh vào tới ải Đồng-quan,

Sở-vương phán hỏi lưỡng ban quân-thần (2).

Sao cho vững nước an dân,

Các quan ai biết mưu thần bày ra,

Thái-sư nhớ việc cừu (3) nhà.

Vội-vàng qui xuống tâu qua ngai vàng :

« Thừa xưa giặc mọi dấy-loàn,

« Vì ham sắc tốt phá tàn Trung-hoa.

1.381. — « Muốn cho khỏi giặc Ô-qua,

« Đưa con gái tốt giao-hòa thời xong.

« Nguyệt Nga là gái Kiều-công,

« Tuổi vừa hai tám má hồng đương xinh.

« Nàng đà có sắc khuynh-thành (4),

« Lại thêm rất bậc tài-tình hào-hoa (5).

« Đưa nàng về nước Ô-qua,

« Phiền-vương ưng dạ ắt là bãi binh (6).

Sở-vương nghe tấu thuận tình,

Châu phê dạy sứ ra dinh Đông-thành.

(1) Lễ-nghi 禮儀 : Nghi thức về việc lễ.

(2) Lưỡng ban quân-thần 兩班羣臣 : Bầy tôi trong  
hai ban (văn, võ).

(3) Cừu 仇 : Thù-hận.

(4) Khuynh-thành 傾城 : Nghiêng thành.

(5) Hào-hoa 豪華 : Hào-phóng. Rộng-rãi trải đời.

(6) Bãi binh 罷兵 : Không tiến binh nữa.



- 1.391. — Sắc phong Kiêu-lão Thái-khanh :  
 « Việc trong nhà nước đã đành cậy người.  
 « Nguyệt Nga nàng ấy nên người,  
 « Lựa ngày tháng chín, hai-mươi cống Hồ ».  
 Kiêu-công vâng lệnh nhà vua,  
 Lẽ nào mà dám nói phò điều nào.  
 Nguyệt Nga trong dạ như bào,  
 Canh chày chẳng ngủ những thao-thức hoai.  
 Thất tình (1) trăm nợ biếng cái,  
 Dựa mình bỏ xả tóc dài ngồi lo :  
 1.401 — « Chiêu-quân xưa cũng cống Hồ,  
 « Bồi người Diên Thọ họa đồ gây nên (2).

(1) Thất tình 失情 : Mất sự luyện ái đâm ra ngo-ngần.

(2) Chiêu-Quân : tên là Vương-Tường, tuyển vào cung vua Hán Minh-đế. Vì cung-phi mỹ-nữ nhiều quá biết mặt không hết, mới dạy Mao Diên Thọ vẽ hình mỗi cung-nhân đặng dễ chọn lựa. Mao thừa dịp ăn tiền của cung-nhân, ai cho tiền thì vẽ tốt cho vua yêu. Chiêu-Quân thì lịch-sự và đẹp hơn các cung-phi nên không chịu lo-lót, Mao vẽ ra xấu. Mà còn sợ đề sau lậu việc ra thì bị hại, sẵn giặc Hung-nô mới thắng, Mao mưu với một kẻ tội nịnh đem Chiêu-Quân đi cống Hồ. Hán Minh-đế (58-75) thấy hình vẽ xấu-xí, bèn chuẩn rmg. Chừng Chiêu-Quân vào triều bái trước khi đi, vua thấy nhan-sắc bay hờn. Hỏi ra mới biết bọn Mao khí trá, bèn giết Mao. Nhưng Chiêu-Quân vẫn phải đưa đi, vì đã hứa lờ rồi.

Lúc qua ải, Chiêu-quân thương nước nhớ nhà, có khảy một bản đàn để từ-biệt xứ sở, giọng đàn bi-ai thảm-thiết. Chiêu-Quân qua Phiên ít năm thì chết. Nơi mà cỏ mọc đở lòm mà thứ cỏ đó bên Phiên thì trắng. Chỉ bên Hán cỏ đó mới đở vậy.

Có chỗ lại nói Chiêu-Quân qua ải tới Lạc-nhạn đài, viết thơ cột chân nhận, đàn bản đàn từ-biệt nghe buồn-thảm, rồi nhảy xuống sông Hắc-thủy mà tự-tử. — Đến đời nhà Tấn họ Tư-mã, vì kiêng tên Tư-mã Chiêu, nên gọi Chiêu-Quân là Minh-phi (phi của vua Hán Minh-đế).

- « Hạnh Nguơn sau cũng khỏi miền,  
 « Bồi chung Lư Kỷ cựu hiềm (1) còn ghi.  
 « Hai nàng chẳng-đã phải đi,  
 « Một là ngày chúa, một vì thảo cha.  
 « Chiêu Quân nhảy xuống giang-hà (2),  
 « Thương vua nhà Hôn, vốn đã quyên sinh (3).  
 Hạnh Nguơn nhảy cống Tri-linh,  
 Thương người Lương Ngọc duyên lành phối-pha.  
 1.411. — Tới nay phận bạc là ta,  
 « Nguyễn cùng bức tượng trót đã chung thân (4)  
 « Tinh phu-phụ (5), nghĩa quân-thần (6),  
 « Nghĩa xa cũng trọn, ơn gần cũng nên.  
 « Nghĩa tình nặng cả hai bên,  
 « Nếu ngay cùng chúa lại quên ơn chông.  
 « Sao sao một thác thời xong,  
 « Lấy mình báo chúa (7), lấy lòng sự phu (8) ».  
 Kiêu-công nương gối đang lo,  
 Nghe con than-thở mấy câu thêm phiền.  
 1.421. — Kêu vào ngồi dựa trước-tiền (9),

(1) Cựu-hiềm 舊嫌 : Mối hiềm-khích cũ.

(2) Giang-hà 江河 : Sông.

(3) Quyên-sinh 捐生 : Quên, bỏ cái sống.

(4) Chung-thân 終身 : Trọn đời.

(5) Phu-phụ 夫婦 : Vợ chồng.

(6) Quân-thần 君臣 : Vua tôi.

(7) Báo chúa 報主 : Đền ơn chúa.

(8) Sự phu 夫事 : Thờ chông.

(9) Trước-tiền 帳前 : Trước trướng.



Lấy lời dạy-dỗ cho tuyền (1) thân-danh (2).

« Chẳng hay là việc triều-đình,

« Nào cha có muốn ép tình chi con ? »

Nàng rằng : « Còn kể chi con,

« Bơ-vơ chút phận mắt còn quẩn bao.

« Thương cha tuổi-tác đã cao,

« E khi ấm-lạnh buổi nào biết đâu.

« Tuổi già bóng xế nhánh dâu,

« Sớm xem tối xét ai hầu cho cha ? »

1.431 — Công rằng : « Chẳng xá việc nhà,

« Hãy an dạ trẻ mà qua nước ngời.

« Hôm nay đã tới mồng mười,

« Khả toan sắm-sửa hai mươi tống-hành ». (3)

Nàng rằng : « Việc ấy đã đành,

« Còn lo hai chữ ân-tình (4) cho xong.

« Con xin sang lạy Lục-ông,

« Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân Tiên,

« Ngỏ cho nhân-nghĩa vẹn tuyền (5),

« Phòng sau xuống chốn huỳnh-tuyền (6) gặp nhau ».

1.441. — Kiêu-công biết nghĩ trước sau,

Dạy đem tiền-bạc cấp hầu (7) đưa đi.

Lục-ông ra rước một khi,

Nguyệt Nga vào đặt lễ-nghi (8) sẵn-sàng,

(1) Tuyền (Toàn) 全 : Trọn vẹn.

(2) Thân-danh 身名 : Cái thân và danh-dự.

(3) Tống hành 送行 : Tiễn đi.

(4) Ân-tình 恩情 : Ân-huệ và tình-cảm.

(5) Tuyền (Toàn).

(6) Huỳnh-tiên 黄泉 : Suối vàng.

(7) Hầu : Người theo hầu-hạ.

(8) Lễ-nghi : Xem chú-thích 1 ở trang 121.

Ngày lành giờ ngộ dâng đàn (1),

Ăn chay năm dất cho chàng Vân Tiên.

Mở ra bức tượng treo lên,

Trong nhà cho tới láng-giềng đều thương.

Nguyệt Nga cất tiếng khóc than :

« Vân Tiên anh hồi tuổi vàng có hay ? ».

1.451 — Bảy ngày rồi việc làm chay,

Lại đem tiền bạc tạ rày Lục-ông :

« Trông chông mà chẳng thấy chông,

« Đã đành một chữ má hồng vô duyên,

« Rày vua gả thiếp về Phiên,

« Quyết lòng xuống chốn cửu-tuyền (2) thấy nhau.

« Chẳng chi cũng gọi là dâu,

« Muốn lo việc nước, phải âu đạo nhà.

« Một ngày một bước một xa,

« Cửa này để lại cho cha dưỡng già ».

1.461. — Lạy rồi nước mắt nhỏ sa,

Ngùi-ngùi lạy tạ bước ra trở về.

Các quan xe-giá bộn-bề,

Năm mươi thê-nữ (3) hầu kẻ chun tay.

(1) Dâng-dàn 登壇 : Lên đài tế-lễ.

(2) Cửu-tuyền 九泉 : Chín suối. Âm-phủ.

(3) Thê-nữ 彩女 : Con gái hầu-hạ ở trong cung nhà vua.



Hai-mươi nay đã đến ngày,  
 Các quan bảo hộ (1) đưa ngay xuống thuyền.  
 Nguyệt Nga vội khiến Kim Liên,  
 Lên mời thân-phụ (2) xuống thuyền xem qua.

Công rằng : « Thật dạ xót-sầu,  
 « Con còn dùng-thắng cho cha thăm-sầu ».

1.471. — Nàng rằng : « Non nước cao sâu,

« Từ đây cách khỏi, khôn hầu thấy cha.

« Thân con về nước Ô-qua,

« Đã dành một nổi làm ma đất người.

« Hai phương nam bắc cách vời,

« Chút xin gởi lại một lời làm khuây.

« Hiu-hiu gió thổi ngọn cây,

« Ấy là hồn trẻ về rày thăm cha ».

Kiều-công hạt lụy nhỏ sa,

Các quan ai nấy cũng là tình thương.

1.481. — Chẳng qua việc ở quân-vương (3),

Cho nên phụ-tử (4) hai đường xa-xuôi.

Buồm trương, thuyền vội tách vời,

Các quan đưa đón người người đứng trông.

(1) Bảo-hộ 保護 : Che-chở giữ-gìn.

(2) Thân-phụ 親父 : Cha.

(3) Quân-vương 君王 : Vua.

(4) Phụ-tử 父子 : Cha con.

Mười ngày đã tới ải Đông,  
 Mênh-mông biển rộng dùng-dùng sóng xao.

**Tóm-thuật đoạn XVI.** — Nghe đồn con-gái  
 Kiều-công là nàng Kiều Nguyệt Nga sắc nước hương  
 trời, Thái-sư bèn cầu hôn, Kiều-công không ép con.  
 Thái-sư hôn.

Xây có giặc Ô-qua dấy loạn. Sở-vương truyền  
 chỉ cho các quan lo mưu.

Thái-sư nhớ hiềm-khích cũ, tâu xin vua bảo  
 Kiều-công đưa Nguyệt Nga cống Hồ.

Nguyệt Nga ngùn-ngụt thăm-sầu. Trước ngày  
 ra đi, nàng xin cha cho sang nhà Lục-ông, trái trượng  
 Vân Tiên treo lên, lên đài lễ-lễ, ăn chay năm đất,  
 khóc bạn tình trọn bảy ngày, rồi lại đem tiền-bạc  
 dâng lên Lục-ông :

« . . . . . Chẳng chi cũng gọi là dâu,

. . . . .

Của này để lại cho cha dưỡng già ».

Ai nấy đều thương.

Ngày hai-mươi, thuyền đưa Nguyệt Nga và đưa  
 tờ gởi thân-tín là Kim Liên, cùng năm-mươi thê-nữ  
 lên đường cống Hồ.

Kiều-công mũi lòng. Nguyệt Nga tan-nát tâm-  
 tình.

Trải mười ngày, thuyền tới ải Đông-quan.



XVII

NGUYỆT-NGA NHẢY XUỐNG SÔNG  
NHỜ QUAN ÂM ĐEM VÔ BỜ, VÀO VƯỜN  
GẶP BÙI-ÔNG ĐEM VỀ NUÔI,  
BỊ BÙI KIÊM DỠ NGON DỠ NGỌT.

Đêm nay chẳng biết đêm nào,  
Bóng trắng vặc-vặc, bóng sao mờ-mờ.  
Trên trời lặng-lẽ như tờ,  
Nguyệt Nga nhớ nỗi tóc-tơ chẳng tròn.  
1.491. — Than rằng : « Nọ nước kia non,  
« Cảnh thời thấy đó, người còn về đâu ? »  
Quân hầu đều ngủ đã lâu,  
Lén ra mở bức rèm châu một mình :  
« Vắng người có bóng trăng thanh,  
« Trăm năm xin gởi chút tình lại đây.  
« Vân Tiên anh hỡi có hay,  
« Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng ».  
Than rồi lấy tượng vai mang,  
Nhắm chùng nước chảy vội-vàng nhảy ngay.  
1.501. — Kim-Liên thức dậy mới hay,  
Cùng quân thế nữ một bài đều lo.  
Cùng nhau lặng chẳng dám hô,  
Thăm toan mưu-kế chẳng cho lậu (1) tình.

(1) Lậu 漏 : Tiết-lộ việc kín.

Việc này là việc triều-đình,  
Đốc-quan hay dựng ắt mình thác oan.

Muốn cho cần-nhiệm (1) trăm ngàn,  
Kim-Liên thế lấy làm nàng Nguyệt Nga.

Trá hôn (2) về nước Ô qua,  
Ai mà vạch lá, ai mà tìm sâu ?

1.511. — Tính rời xong-xả chước màu,  
Phút nghe thuyền đã đến đầu Ai-quan.

Đốc-quan xe giá (3) sửa-sang,  
Kiệu trương lọng phụng rước nàng về Phiên.

Nào hay ti-tắt Kim-Liên,  
Đặng làm Hoàng-hậu (4) nước Phiên một đời.

Nguyệt-Nga nhảy xuống giữa vời,  
Sóng thần đưa-đẩy vào nơi bãi rày.

Bóng trăng vừa khuất ngọn cây,  
Nguyệt-Nga hồn hỡi chơi rày Âm-cung (5).

1.521. — Xiết bao sương tuyết đêm đông,  
Minh nằm giữa bãi lạnh-lùng ai hay ?

Quan-âm thương đứng thảo ngay.  
Bèn đem nàng lại bỏ rày vườn hoa.

(1) Cần-nhiệm 謹任 : Cần-thận, nhiệm-nhật.

(2) Trá hôn 詐婚 : Cưới giả không có người thật đã định.

(3) Giá 駕 : Xe dùng cho bậc cao-cả.

(4) Hoàng-hậu 皇后 : Vợ vua.

(5) Âm-cung 陰宮 : Cõi âm. Cõi chết.



Dặn rằng : « Nàng hỡi Nguyệt-Nga !  
« Tìm nơi nường-náu cho qua tháng ngày.

« Đồi ba năm nữa gần đây,

« Vợ chồng sao cũng sum-vầy một nơi ».

Nguyệt-Nga giây phút tỉnh hơi,

Định hồn (1) mới nghĩ mấy lời chiêm-bao.

1.531.— Nên hư chưa biết làm sao,

Bây giờ biết kiếm chốn nào dung thân (2) ?

Một mình luống những bâng-khuâng,

Phút đầu trời đã rạng hừng vừng đông.

Một mình mang bức tượng chồng,

Xảy đầu lại gặp Bùi-ông dạo vườn.

Ông rằng : « Nàng ở hà-phương,

« Việc chi mà tới trong vườn hoa ta ? ».

Nàng rằng : « Trận gió thổi qua,

« Chìm thuyền nên nổi mình ra thế này.

1.541.— « Tối-tăm sầy bước tới đây,

« Xin soi-xét tới thơ-ngây lạc đường ».

Bùi-ông đứng nhắm tướng nàng,

Chẳng phen đài-các (3) cũng hàng trâm-anh (4).

(1) Định hồn 定魂 : Hồn được yên-lặng lại.

(2) Dung-thân 容身 : Yên thân.

(3) Đài-các 臺閣 : Cái nền cao và cái lầu cao. Người giàu-sang.

(4) Trâm-anh 簪纓 : Cái gài tóc và cái giải mũ. Nhà sang-cả.

Đầu đuôi han-hỏi sự tình,  
Nàng bèn lời thiệt việc mình bày qua.

Bùi-ông mừng rước về nhà,

Thay xiêm đổi áo nuôi nhà làm con :

« Ta cũng sinh một chồi non,

« Tên là Bùi-Kiệm hãy còn ở Kinh.

1.551.— « Trong nhà không gái hậu-sinh (1),

« Ngày nay lại gặp minh-linh (2) phước trời ».

Nguyệt-Nga ở đã an nơi,

Đêm-dêm nghĩ lượng việc đời gần xa.

Một lo về nước Ô-qua,

E vua bắt tội cha già rất oan.

Hai lo phận gái hồng-nhan,

Sợ khi bảo-dưỡng (3) mưu-toan lẽ gì.

Nguyệt-Nga luống những sầu bi (4),

Xảy đầu Bùi-Kiệm tới khi về nhà.

1.561.— Từ ngày thấy mặt Nguyệt-Nga,

Đêm-dêm trần-trọc phòng hoa mấy lần.

Thấy nàng thờ bức tượng nhân (5),

Nghiệm trong tình-ý dầu-lần hỏi liền :

(1) Hậu-sinh 後生 : Trẻ sinh sau.

(2) Minh-linh 螟蛉 : Con nuôi, dùng theo nghĩa bóng. Vốn là một thứ sâu ở cây dâu. Vì giống này đẻ con ra thì con tò-vò nuôi giúp.

(3) Bảo-dưỡng 保養 : Giữ-gìn nuôi-nấng.

(4) Sầu-bi 愁悲 : Rầu-buồn.

(5) Tượng-nhân 像人 : Tượng người ta.



« Tượng này sao giống Vân Tiên ?  
 « Bấy lâu thờ có linh-thiên điều gì ? »  
 Nàng rằng : « Làm phận nữ-nhi (1),  
 « Một câu chánh-tiết (2) phải ghi vào lòng.  
 « Trăm năm cho trọn đạo tông (3),  
 « Sống sao thác vậy một chồng mà thôi ».

1.571.— Kiệm rằng : « Nàng nói sai rồi,  
 « Ai từng bán đất mà ngồi chợ trưa ?  
 « Làm người trong cõi gió mưa,  
 « Bấy-mươi mấy mặt người xưa thể nào ?  
 « Chúa xuân còn ở vườn đào,  
 « Ong qua bướm lại biết bao nhiêu lần.  
 « Chúa đông ra khỏi vườn xuân,  
 « Hoa tàn nhụy rữa như rừng bỏ hoang.  
 « Ở đời ai cây giàu-sang,  
 « Ba xuân dẫu hết ngàn vàng khôn mua.  
 1.581.— « Hay chi như vãi ở chùa,  
 « Một căn cửa khép bốn mùa lạnh-tanh.  
 « Lệnh-dệnh một chiếc thuyền tình,

(1) Nữ-nhi 女兒 : Con gái.

(2) Chánh-tiết 正節 : Tiết ngay-thẳng, trong-sạch.

(3) Tông 從 . Tam tông : nhỏ theo cha, lớn theo chồng, chồng chết theo con.

« Mười hai bến nước (1) biết mình vào đâu ?  
 « Ai từng mặc áo không bầu,  
 « Ăn cơm không dũa, ăn trầu không cau ?  
 « Nàng sao chẳng nghĩ trước sau,  
 « Giữ ôm bức tượng bấy lâu thiệt mình. »  
 Nàng rằng : « Xưa học sử-kinh,  
 « Làm thân con gái chữ trinh làm đầu.

1.591. — « Chẳng phen thói nước Trịnh đâu (3).  
 Hẹn người tôi cửa vườn dâu tư tình (4) »,  
 Kiệm rằng : « Đã biết sử-kinh,  
 « Sao không soi xét để mình ngồi không.  
 « Hồ Dương xưa mới góa chồng,  
 « Còn mơ nhan-sắc Tống-công cũng vừa (5).  
 « Hạ Cơ lớn nhỏ cũng ưa (6),  
 « Sớm đưa Doãn Phủ tối ngựa Trần-quân.  
 « Hán xưa Lữ-hậu thanh-xuân (7),  
 « Còn vừa Cao-tổ mấy đành Dị Ky.

(1) Mười hai bến nước : Ý nói 12 hạng người trong xã-hội mà thời xưa đã sắp : Sĩ, nông, công, thương : ngư, tiều, canh, mục ; công, hầu, bá, tử. Nói gồm lại là chỉ về các hạng, mà may rủi cho đời người con gái, trong nhờ đục chịu.

(2) Sử-kinh 史經 : Lịch-sử và kinh sách.

(3-4) Thói dâm.

(5) Tích Hồ Dương công-chúa và Tống Hoảng.

(6) Hạ-Cơ : Nàng phi-tần họ Hạ đời Đông-chu, đẹp mê hồn, 60 tuổi mà nhan-sắc còn lộng-lẫy. Nhưng tình lãng-loàn.

(7) Thanh-xuân 青春 : Tuổi trẻ. Tuổi xanh. Xuân-xanh đây nói về Lữ Trĩ hoang dâm, trước lấy Lưu Bang, Lưu lên ngôi nhà Hán tức Hán Cao-tổ, Lữ nghiễm-nhiên là Hán Cao-hậu. Nhưng về sau lại sinh thói tệ.



- 1.601. — « Đường xưa Võ-hậu thiết gì,  
Di-tông khi trẻ, Tam Tư lúc già.  
« Cú trong sách-vở nói ra.  
« Một đời sung-sướng cũng qua một đời.  
« Chính-chuyên làm sự đổi đời,  
« Lãng vãn trắc nết hết đời cũng ma  
« Người ta chẳng lấy người ta,  
« Người ta đâu lấy những là tượng-nhân (1)?  
« Cho nên tiếc phận hồng-nhan,  
« Học đời Như Ý vẽ chàng Văn Quân ».
- 1.611. — Nguyệt Nga biết đũa tiêu-nhân (2),  
Làm thình toan chước thoát thân (3) cho rồi.  
Bùi-ông ngon-ngọt trau-dồi,  
Muốn nàng cho đặng sánh đôi con mình.  
« Làm người chấp-nhất (4) sao đành,  
« Hễ là lịch-sự (5) có kinh (6), có quyền (7)  
« Tôi đây duyên đã bén duyên.  
« Trăng thanh gió mát cảm thuyên chờ ai ?

(1) *Trượng người.*

(2) *Tiêu-nhân 小人* : Người nhỏ-mọn.

(3) *Thoát-thân 脫身* : Đem thân ra khỏi cảnh nghịch.

(4) *Chấp nhất 執壹* : Cố-chấp không đời ý-kiến.

(5) *Lịch-sự 歷事* : Trải việc đời, việc gì cũng biết  
Nay ta thường dùng theo nghĩa sắc-đẹp, hoặc giao-thiệp  
khôn-khéo.

(6) *Kinh 經* : Đạo dùng khi thường.

(7) *Quyền 權* : Đạo dùng khi biến.

- « Nhớ câu : Xuân bất tái-lai (1),  
« Ngày nay hoa nở, e mai hoa tàn.
- 1.621. — « Làm chi thiết mạng hồng-nhan,  
« Năm canh gối phụng, màn loan lạnh-lùng.  
« Vọng Phu xưa cũng trông chồng,  
« Ngày xanh mòn-mỏi má-hồng phôi-pha.  
« Thôi thôi khuyên chớ tỏ ra,  
« Vầy cùng con lão một nhà cho xuôi ».  
Nguyệt Nga giả dạng mừng-vui,  
Thưa rằng : « Người có công nuôi bấy chầy.  
« Tôi xin dám gởi lời này,  
« Hễ tua chậm chậm sẽ vầy nhân-duyên.
- 1.631. — « Tôi vào lạy tạ Văn Tiên,  
« Chạy đàn bảy bữa cho tuyền thi-chung ».  
Cha con thấy nói mừng lòng,  
Dọn nhà sửa chỗ động-phòng (2) cho xuê.  
Chiếu hoa gối sách bộn-bề,  
Cỗ đồ bát bửu (3) mượn về chưng ra.

(1) *Xuân bất tái lai 春不再來* : Xuân chẳng trở lại.

(2) *Động-phòng 洞房* : Cái phòng sâu-kín. Cái phòng  
của vợ chồng mới cưới.

(3) *Bát bửu* : Tám món báu. Tám cái đồ lễ-bộ tức đồ  
nghỉ-vệ thiên-lữ, nhà sang. Bát bửu lại còn nghĩa là 8 món  
quý của 8 vị tiên vẽ trên tranh :

1. Quạt của Hồn-Chung Ly.

2. Dép của Lữ-Động-Tân.

3. Bầu rượu của Lý Thiết Quả.

4. Thanh gươm của Tào Quốc Cựu.

5. Giỏ bông của Lam Thử Hòa.

6. Óng tiêu của Hàn Trương Tử.

7. Gậy của Trương Quả Lão.

8. Bông sen của Hà Tiên Cô.



**Tóm-thuật đoạn XVII.** — *Nguyệt Nga khỏ-sở tâm-tư. Đêm khuya mọi người đều an giấc. Vắng người, có bóng trăng thanh, Nguyệt Nga trần-trọc thâu canh, mở bức rèm châu ngồi lặng một mình nghĩ buồn nỗi tóc tơ chưa trọn, rồi gieo mình dưới dòng sâu : « Trăm-năm xin gói chút tình lại đây ».*

*Nhưng sóng thần đưa đẩy xác Nguyệt Nga vào bãi. Và Phật-bà Quan-Âm thương gái trinh-liệt, bèn đem nàng bỏ vào vườn hoa, dặn hãy tìm nơi nương-náu, trong đôi ba năm nữa vợ chồng sẽ gặp nhau.*

*Bùi-ông dạo vườn xảy gặp Nguyệt Nga, hỏi-han tự-sự rồi nuôi Nguyệt Nga làm con.*

*Bùi-Kiệm — con Bùi-ông — thi rớt trở về. Thấy nhan-sắc Nguyệt Nga, Bùi Kiệm dồ ngon dồ ngọt. Nguyệt Nga dùng lời nghiêm-chỉnh phản đối. Bùi Kiệm vẫn dồ thói bồm-sồm, Nguyệt Nga biết đưa tiều-nhân, không thềm nói với nữa. Nhưng Bùi-ông lại cố ép Nguyệt Nga nên lấy Bùi Kiệm cho vui nhà.*

*Nguyệt Nga giả ý thuận-tùng, xin làm chay Văn Tiên bảy bữa rồi sẽ tỉnh. Nhà họ Bùi rộn-rịp sửa-sang.*

. XVIII

NGUYỆT NGA TRỐN HỌ BÙI,  
LÃO-BÀ GẶP ĐEM VỀ NUÔI

Xây vừa tới lúc canh ba,  
Nguyệt-Nga lấy bút đề vài câu thơ.

Dán trong vách phần một tờ,  
Vai mang bức tượng kịp giờ ra đi.

1.641. — Hai bên bờ-bụi rậm-rì,  
Đêm khuya vắng-vẽ gặp khi trăng lờ.

Lạ chừng dường sá bơ-vơ,  
Có bầy dôm-đóm sáng nhờ đi theo.  
Qua trường rồi lại lên đèo,  
Để kêu giăng-giỏi, sương gieo lạnh-lùng.  
Dày sành đập sỏi thẳng xông,  
Vừa may trời đã vùng đông lỗ đầu.  
Nguyệt Nga đi dặng hồi lâu,  
Tìm nơi bàn thạch ngổ hầu nghĩ chun.

1.651. — Người ngay trời phát cũng vươg,  
Lão bà chống gậy trong rừng bước ra.

Hỏi rằng : « Nàng phải Nguyệt Nga,  
« Khả tua gắng-gượng về nhà cùng ta.

« Khi khuya nằm thấy Phật-bà,  
« Người đà mách-bảo nên già phải đi ».

Nguyệt Nga bán tin, bán nghi (1),  
Đánh liều nhắm mắt theo đi về nhà.

Bước vào thấy những đàn-bà,  
Làm nghề bô-vải lụa-là mà thôi.

1.661. — Nguyệt Nga đành dạ ở rồi,  
Từ đây mới hết nỗi-trời chốn nào.

Hỏi thăm qua chốn Ô-sào,  
Quan-san (2) mấy dặm đi nào tới nơi.

(1) Bán tình bán nghi 半信半疑 : Nửa tin nửa ngờ.

(2) Quan-san 關山 : Cửa ải và núi non. Nơi xa-xuối.

Y h n v  
290



**Tóm-thuật đoạn XVIII.**— Canh ba đêm ấy, Nguyệt Nga lấy bút đề vài câu thơ trên giấy, đem dán lên vách nhà Bùi-ông, rồi vai mang bức tượng Vân Tiên, lên ra đi.

Đêm khuya vắng-vẻ, lạ chừng đường sá bo-vo, nhưng Nguyệt Nga quyết chí thà đi mà chết hơn ở cùng tiểu-nhân.

Bầy đom-dóm nháng ánh lập-lòe. Nguyệt Nga nương theo ánh đóm dưới trăng mờ chấp-choạng đi.

Đến hừng đông, Nguyệt Nga xảy gặp một bà lão trong rừng chống gậy bước ra, nói rằng đến đón Nguyệt Nga về nhà, vì có lời của Phật-bà Quan-Âm mách-bảo.

Nguyệt Nga nửa tin nửa ngờ, nhưng cũng đánh liều nhắm mắt theo bà lão về nhà.

Ấy là nơi làm nghề bó-vải lụa-là, trong nhà chỉ toàn có đàn-bà không mà thôi. Nguyệt Nga vưng dạ gửi thân.

Từ đây mới hết nổi-trôi.

XIX

VÂN TIÊN NHỜ THUỐC TIÊN SÁNG MẮT  
BỎ CHÙA, TỪ HỚN MINH  
ĐI VỀ THĂM CHA

Đoạn này tới thứ ra đời,  
Vân Tiên thừa ấy ở nơi chùa-chiền.  
Nửa đêm nằm thấy ông tiên,

Đem cho chén thuốc mắt liền sáng ra.

Kể từ nhuộm bệnh đường xa,

Tháng ngày thăm-thoát kể đà sáu năm.

1.671.— Tuổi cha rày đã năm lăm,

Chạnh lòng nhớ tới đăm-đăm nhỏ sa.

Vân Tiên tính trở lại nhà,

Hớn Minh đưa khỏi năm ba dặm đường.

Tiên rằng : « Ta lại hồi hương (1),

« Ôn nhau sau gặp khoa-trường (2) sẽ hay ».

Minh rằng : « Tôi vốn chẳng may,

« Ngày xưa mắc phải án đày trốn đi.

« Dám đâu bày mặt ra thi,

« Đã đành hai chữ qui-y (3) chừa này ».

1.681.— Tiên rằng : « Phước gặp khoa này,

« Sao sao cũng tính sum-vầy cùng nhau.

Mấy năm bằm-hút tương rau,

« Khó nghèo nở phụ, sang-giàu dẫu quên,

« Lúc hư còn có lúc nên,

« Khuyên người giữ dạ cho bền thảo ngay ».

Hớn Minh trở lại am mây,

Vân Tiên về một tháng chầy tới nơi.

(1) Hồi hương 回鄉 : Về làng.

(2) Khoa-trường 科場 : Trường thi.

(3) Qui-y 歸依 (hoặc viết là 依皈) : Tin theo tông-giáo.



- Lục-ông nước mắt tuôn rơi,  
 Ai dè con sống trên đời thấy cha.  
**1.691.**— Xóm-giềng cô-bác gần xa,  
 Đều mừng chạy tới chậ nhà hỏi thăm.  
 Ông rằng : « Kể đã mấy năm,  
 « Con mang tật bệnh ăn-nằm nơi nao ? ».  
 Thưa rằng : « Hoạn-nạn xiết bao,  
 « Mẹ tôi phần mộ (1) nơi nào viếng an ? ».  
 Đặt bày lễ-vật (2) nghiêm-trang (3).  
 Đọc bài văn-tế (4) trước bàn minh-sinh (5).  
 « Tuổi vàng hồn mẹ có linh,  
 « Chứng cho con trẻ lòng thành ngày nay.  
**1.701.**— « Tưởng bề nguồn nước cội cây,  
 « Công sâu ngàn trượng, ngãi dày chín trắng.  
 « Suy trang năm giá (6) khóc măng (7),  
 « Hai-mươi bốn thảo chẳng bằng đời xưa »,

(1) Phần mộ 墳墓 : Mộ-mả.

(2) Lễ-Vật 禮物 : Đồ vật dùng trong việc cúng-kiếng.

(3) Nghiêm-trang 嚴莊

(4) Văn tế 文祭 : Văn dùng vào việc tế-lễ.

(5) Minh-sinh (tinh) 銘旌 : Miếng lụa dài có viết tên họ và chức-hàm của người chết. Cũng viết là 明旌.

(6.7) Hai người có hiếu trong 24 nhân-vật có hiếu đã ghi vào sách xưa. Một người tên Vương Tường đời Tấn khi đang giữa mùa đông, tuyết giá, mẹ thêm cá, chịu trăm mình nằm trên giá để kiếm cá đem dâng mẹ. Một người tên Mạnh Tôn đời Ngô thì lúc mẹ thêm măng, ra đứng khóc ở bụi tre để cầu măng mọc, khổ công kiếm măng trong lúc hiem. (Xin xem *nhị-thập tứ hiếu* — Tân Việt xuất-bản).

- Vân Tiên nước mắt như mưa,  
 Tể rồi hỏi việc khi xưa ở nhà.  
 Ông rằng : « Có nàng Nguyệt Nga,  
 « Bạc-tiền đem giúp cửa nhà mới xuê.  
 « Nhờ nàng nên mới ra bề,  
 « Chẳng thì khó đói bỏ quê hư rồi ».  
**1.711.**— Vân Tiên nghe nói hỏi ôi !  
 Chạnh lòng nghĩ lại một hồi giây lâu.  
 Hỏi rằng : « Nàng ấy ở đâu ?  
 « Đặng con đến đó đáp câu ân-tình (1) ».  
 Lục-ông thuật việc triều-đình,  
 Đầu đuôi chuyện-văn tỏ tình cùng Tiên :  
 « Kiền-công rày ở Tây-xuyên,  
 « Cũng vì mắc nịnh biếm quyền (2) đuổi ra »,  
 Tiên rằng : « Cám nghĩa Nguyệt Nga, — L  
 « Tôi xin qua đó thăm cha nàng cùng ».  
**1.721.**— Tây-xuyên ngàn dặm thẳng xông,  
 Đến nơi ra mắt, Kiền-công khóc liền :  
 « Nguyệt Nga rày ở Tây-phiên,  
 « Biết sao cho đặng đoàn-viên (3) cùng chàng'  
 « Mấy thu Hồ-Việt (4) đôi phang,

(1) Ân-tình 恩情 : Ân-huệ.

(2) Biếm-quyền 貶權 : Đè quyền xuống. Giảng chức quan.

(3) Đoàn-viên 團圓 : Hợp lại đầy-đủ.

(4) Hồ-Việt 胡越 : Hai nước cách xa nhau lắm. Trong văn-chương thường dùng để chỉ sự cách-bức.



« Chẳng qua máy tạo én nhàn (1) rẽ nhau.

« Thấy chàng dạ lại thêm đau,

« Đất trời bao nỗ chia bầu cho dành ?

« Hẹp-hòi dặng chút nữ-sinh (2),

« Trông cho chồi quế trở nhành mẫu-đơn ».

1.731.— Nói rồi lụy nhỏ đòi con :

« Cùng nhau một sự oán-hờn nên gầy.

« Thời con ở lại bên này,

« Hôm mai thấy mặt cho khuấy lòng già ».

Vân Tiên từ ấy lân-la,

Ôn-nhuần (3) kinh-sử chờ khoa ứng kỳ (4).

(1) Nhàn : Do chữ nhạn 鴈 : là chim nhạn.

(2) Nữ-sinh 女生 : Trẻ gái có học.

(3) Ôn-nhuần 溫潤 : Xem-xét ghi nhớ lại nhuần-nhã.

(4) Ứng-kỳ 應期 : Ra đúng lúc.

**Tóm-thuật đoạn XIX.** — Đây nói về Vân Tiên từ khi ở lại chùa cùng Hớn Minh, thăm-thoát đã 6 năm.

Tuổi cha rày đã năm lăm. Vân Tiên chạnh lòng đòi con. Một đêm nằm thấy ông tiên đem cho chén thuốc, đôi mắt trở lại thâu được ánh sáng nguyên vẹn như xưa. Vân Tiên lòng mừng phơi-phới, tính việc trở về nhà.

Hớn Minh đưa Vân Tiên ra đi vài dặm đường. Cùng nhau từ-biệt. Vân Tiên hẹn gặp nhau tại trường thi để loan việc trả ơn, Hớn Minh sùi-sụt

phận, vì ngại trước kia đã vương án dày, khó nổi bàu mặt đi thi, hẳn là đành cam gởi thân cửa thiền cho qua một kiếp.

Vân Tiên ngậm-ngùi, khuyên Hớn Minh hãy vững dạ thảo-ngay, lúc hư rồi sẽ có lúc nên.

Vân Tiên về tới quê nhà. Cha con mừng khóc.

Vân Tiên làm lễ hiếu-tễ mẹ, rồi hỏi thăm cha đến việc xưa.

Lục-ông thuật chuyện Nguyệt-Nga, hiếu-thảo trọn tình, Vân Tiên cảm-động.

Bấy giờ Kiều-công, cha của Nguyệt Nga, đã bị bọn gian giáng chức quan đuổi về dân, sau khi đã hại Nguyệt Nga phải cống Hồ.

Vân Tiên cảm nghĩa, tìm qua tới Tây-xuyên thăm viếng Kiều-công.

Nổi mừng nổi thăm, Kiều-công án-cần nài Vân Tiên ở lại, để hôm mai thấy mặt cho khuấy lòng già.

Nổi tình, nổi hiếu, Vân Tiên từ ấy, hết ở nhà với cha, lại lân-la thăm viếng Kiều-công, ôn-nhuần kinh-sử, rắp chí chờ khoa thi sẽ ra mặt.

XX

**VÂN TIÊN RA KINH THI ĐẬU TRẠNG-NGUYÊN — VUA SAI ĐI ĐẸP GIẶC Ô-QUA VỚI HỚN MINH**

Năm sau lệnh mở khoa thi,  
Vân Tiên vào tạ xin đi tựu trường.



Trở về thừa với xuân-đường (1),

Kinh-sư ngàn dặm một đường thẳng ra.

1.741.— Vân Tiên dự trúng khôi-khoa (2),

Đương trong nhâm-ti thiết là năm nay.

Nhớ lời thầy nói thật hay :

« Bắc-phương gặp chuột còn rày nên danh »

Vân Tiên vào tạ triều-đình,

Lệnh ban y (3) mảo cho vinh về nhà.

Xảy nghe tin giặc Ô-quá,

Phủ vây quan-ải (4) binh ba bốn ngàn.

Sở-vương phán trước ngai vàng,

Chỉ sai quốc-trạng (5) dẹp loạn (6) bầy ong.

1.751.— Trạng-nguyên (7) tâu trước bệ rồng :

« Xin dâng một tướng anh-hùng đề binh (8).

« Có người họ Hón tên Minh,

(1) Xuân-đường 春堂 : Cha. Xem chú-thích 7 trang 25.

(2) Khôi-khoa 魁科 : Đứng đầu khoa,

(3) Y 衣 : Áo.

(4) Quan-ải 關隘 : Chỗ đất hiểm-trở ở nơi biên-giới của hai nước.

(5) Quốc-trạng 國狀 : Ông trạng của nước nhà.

(6) Loạn : Do chữ loạn 亂 : Lộn-xộn, không có trật-tự.

(7) Trạng-nguyên 狀元 : Người thi đỗ cao nhất.

(8) Đề binh 提兵 : Đem binh đi đánh

« Sức đương (1) Hạng Võ (2) mạng kinh  
Trương Phi (3).

« Ngày xưa mắc án đầy đi,

« Phải về nương-náu từ-bi (4) ăn mình ».

Sở-vương phán trước triều-đình,

Chỉ sai tha tội Hón Minh đòi về.

Sắc phong phó-tướng binh đề (5),

Tiên, Minh từ ấy biết gì mừng vui.

1.761.— Nhất thính (6) phấn phát (7) oai lời (8),

Tiên-phuông (9) hậu-tập (10) trông hồi tấn binh.

Quan-son ngàn dặm đăng-trình (11),

Lãnh cò binh tặc (12) phá thành Ô-quá.

(1) Đương 當 : Cự, ngăn.

(2) Hạng Võ 項羽 : Một danh tướng đối đầu với Lưu Bang, dựng ra nước Tây Sở, hiệu là Bá-vương, sức cực kỳ mạnh.

(3) Trương Phi 張飛 : Danh tướng đời Tam-quốc anh em kết-nghĩa với Lưu Bị và Quan Vũ.

(4) Từ-bi 慈悲 : chỉ Phật.

(5) Đem binh đi đánh.

(6) Nhất thính 一聲 : Một tiếng.

(7) Phấn-phát 奮發 : Ra sức tiến lên.

(8) Lời 雷 : Sấm

(9) Tiên-phuông (phong) 先鋒 : Toán quân xông trận mặt trước trong khi chiến-tranh.

(10) Hậu-tập 後襲 : Toán quân ở sau chờ tiếp-cứu hoặc đánh bọc hậu.

(11) Đăng-trình 登程 : Lên đường.

(12) Binh-tặc 平賊 : Dẹp giặc.



Làm trai ơn nước nợ nhà,

Thảo cha ngay chúa mới là tài danh.

Phút đầu binh đáo (1) quan thành (2),

Ô-qua xem thấy thối binh (3) di đồn (4).

Tướng Phiên hai gã đường đường (5),

Một chàng Hỏa Hồ, một chàng Thần Long.

1.771.— Lại thêm Cốt Đột nguyên-nhung,

Mặt hùm râu đỏ, tướng hung lạ-lùng.

Hón Minh ra sức tiên-phong (6),

Đánh chàng Hỏa Hồ, Thần Long một hồi.

Hón Minh đánh xuống một roi,

Hai chàng đều bị một hồi mạng vong (7).

Nguyên-nhung Cốt Đột nổi xung (8),

Hai tay xách búa đánh cùng Hón Minh.

Hón Minh sức chẳng dám kinh,

Thấy chàng hóa phép thoát mình trở lui.

1.781.— Vân Tiên đầu đội kim-khôi (9),

Tay cầm siêu bạc mình ngồi ngựa ô.

(1) Đáo 到 : Đến.

(2) Quan thành 關城 : Cửa thành.

(3) Thối (thoái) binh 退兵 : Lui binh.

(4) Di đồn 移屯 : Dời chỗ đóng binh.

(5) Đường đường 堂堂 : Bộ-dạng chững-chạc.

(6) Tiên-phong 先鋒 : Xem chú-thích 9 trang 145.

(7) Vong 亡 : Mất.

(8) Xung 衝 : Xông lên.

(9) Kim-khôi 金盔 : Khôi vàng.

Một mình lược trận xong vô,

Thấy người Cốt Đột biến hô yêu-tà.

Vội-vàng trở ngựa lui ra,

Truyền đem máu chó đều thoa ngọn cờ.

Ba quân gươm-gáo đều dơ,

Yêu-ma xem thấy một giờ vỡ tan.

Sa-cơ Cốt Đột chạy hoang,

Vân Tiên giục ngựa băng ngàn đuổi theo.

1.791.— Đuổi qua mới dặng bầy dèo,

Khả thương Cốt Đột vận nghèo nài bao.

Chạy ngang qua núi Ô-sào,

Phút đầu con ngựa sa hào (1), thương ôi !

Vân Tiên chém Cốt Đột rồi,

Đầu treo cổ ngựa phản hồi (2) bôn-quân (3).

Ôi thôi bốn phía đều rừng,

Trời đà tối mịt lạc chừng gần xa.

Một mình lạc nẻo vào ra,

Lần theo đàng núi phút đà tam canh (4).

1.801.— Một mình trong chốn non xanh,

Không ai mà hỏi lộ-trình (5) trở ra.

(1) Hào 濠 : Cái rãnh đào để giữ thành.

(2) Phản-hồi 返回 : Trở về.

(3) Bôn quân 本軍 : Quân lính của mình.

(4) Tam canh 三更 : Canh ba.

(5) Lộ-trình 路程 : Bước đường.



**Tóm-thuật đoạn XX.**— *Lật-đặt lại tới khoa-thì. Vân Tiên bày-tỏ lòng cảm ơn cha già và Kiều-công đã thương-yêu, chỉ quyết chiếm bằng vàng báo đáp.*

*Đúng theo lời thầy đã nói : « Bắc-phương gặp chuột, con rày nên danh ». Vân Tiên đồ trạng vào khoa năm nhâm (phương bắc) tí (chuột) :*

*Vua ban áo mũ cho Vân Tiên vinh qui. Nhưng chưa kịp về-vang về nhà, xảy có giặc Ô-qua.*

*Sở-vương truyền chỉ cho quốc-trạng cầm binh. Vân Tiên tiến cử Hớn Minh. Sở-vương chấp-thuận cho đòi Hớn Minh đến trước bệ rồng, tha cho tội trước, lại giao cho ấn tiên-phong.*

*Vân Tiên cùng Hớn Minh ra binh được thắng.*

*Vân Tiên xua binh rượt theo chém tướng cầm giặc Ô-qua là Cốt Đột.*

*Chém chết Cốt Đột rồi Vân Tiên bị lạc đường về ...*

XXI

**VÂN TIÊN GẶP NGUYỆT NGA, VỀ TÀU  
VUA — ƠN OÁN TRẢ RỜI VỀ VINH QUI  
CƯỚI NANG NGUYỆT NGA**

*Đoạn này tới thứ Nguyệt Nga,  
Ở đây tính đã hơn ba năm rồi.*

*Đêm khuya chong ngọn đèn ngồi :*

*« Chẳng hay trong dạ bồi-hồi việc chi.*

*« Quan-Âm thừa trước nói chi,*

*« Éo-le phỉnh thiệp lòng ghi nhớ hoài.*

*« Đã đành đá nát vàng phai,*

*« Đã đành xuống chốn dạ-đài (1) gặp nhau.*

**1.811.**— *« Phải chi hỏiặng Nam-tào,*

*« Đêm nay cho đến đêm nào gặp nhau ? »*

*Nguyệt Nga giọng giải cơn sầu,*

*Xảy nghe nhạc ngựa ở đâu tới nhà.*

*Kêu rằng : « Ai ở trong nhà.*

*« Đường về quan-ải (2) chỉ ra cho cùng ».*

*Nguyệt Nga ngồi sợ hãi-hùng (3),*

*Vân Tiên xuống ngựa thẳng xông bước vào.*

*Lão-bà lật-đặt hỏi chào :*

*« Ở đâu mà tới rùng cao một mình ? »*

**1.821.**— *Vân Tiên mới nói sự-tình :*

*« Tôi là quốc-trạng (4) trào-đình sai ra.*

*« Đêm binh dẹp giặc Ô-qua,*

*« Lạc đường đến hỏi thăm nhà bà đây ».*

*Lão-bà nghe nói sợ thay :*

*« Xin ông chớ chấp tôi nay暮 già ».*

*Vân Tiên ngồi nhăm Nguyệt Nga.*

*Lại xem bức tượng, lòng đà sinh nghi.*

(1) Dạ-đài 夜臺 : Lâu-đài ban đêm. Cảnh âm-phủ cũng như tuyền-đài.

(2) Quan-ải : Chỗ đất hiểm-trở.

(3) Hãi-hùng : Sợ-hãi quá sức.

(4) Quốc-trạng 國狀 : Ông trạng của nước nhà.



Hỏi rằng : « Bức ấy tượng chi,

« Khen ai khéo vẽ dung-nghi (1) giống mình.

1.831.— « Đầu đuôi chưa rõ sự tình,

« Lão-bà khá nói tính-danh (2) cho tường.

Lão-bà chẳng dám lời gian :

« Tượng này vốn thiết chông nàng ngồi đây ».

Tiên rằng : « Nàng xích lại đây,

« Nói trong tên họ tượng này ta nghe »,

Nguyệt-Nga lòng rất kiên-dè,

Mặt thời giống mặt còn e la người.

Ngồi che tay áo hồ ngườì.

Vân Tiên thấy vậy mỉm cười một khi.

1.841.— Rằng : « Sao nàng chẳng nói đi,

« Hay là ta hỏi động chi chẳng là ? »

Nguyệt Nga khép-nép thưa qua :

« Người trong bức tượng tên là Vân Tiên.

« Chàng đã về chốn cửu-tuyền (3),

« Thiếp lăm trọn đạo lánh miền gió trăng ».

Vân Tiên nghe nói hỏi hẳn :

« Chồng là tên ấy, vợ là tên chi ? »

Nàng bèn tỏ thiệt một khi,

Vân Tiên vội-vã xuống quì vòng tay.

(1) *Dung-nghi* 容儀 : Dáng-dấp.

(2) *Tính-danh* 姓名 : Tên họ.

(3) *Cửu-tuyền* 九泉 : Chín suối, Cõi âm.

1.851.— Thưa rằng : « May gặp nàng đây,

« Xin đền ba lạy sẽ bày nguồn cơn.

« Đề lời thệ-hải minh-son (1),

« Mang ơn trước phải đền ơn cho rồi.

Vân Tiên vốn thiệt là tôi,

« Gặp nhau nay đã phỉ rồi ước-mơ ».

Nguyệt Nga bẻng-lảng bơ-lơ,

Nửa tin rằng bạn nửa ngờ rằng ai.

Thưa rằng : « Đã thiệt tên ngài,

« Khúc nôi xin cứ đầu bài phân qua ».

1.861.— Vân Tiên dẫn tích xưa ra,

Nguyệt Nga khi ấy khóc oà như mưa.

Ân-tình càng kể càng ra,

Mảng còn bịn-rịn trời vừa sáng ngay.

Xảy nghe quân ó vang-vầy,

Bốn bề rừng bụi khắp bày can qua (2).

Vân Tiên lên ngựa trở ra,

Thấy cờ đề chữ hiệu là Hón Minh.

Hón Minh khi ấy dừng binh,

Anh em mừng-rỡ tỏ tình cùng nhau.

1.871.— Minh rằng : « Tàu-tàu (3) ở đâu,

(1) *Thệ hải minh son* 誓海盟山 : Hẹn biển thề non. Chỉ biển mà thề, chỉ núi mà hẹn.

(2) *Can-quà* 干戈 : Mọc và mác. Đồ binh-khí. Chỉ về việc chiến-tranh.

(3) *Tàu-tàu* 嫂嫂 : Chị dâu.



« Cho em ra mắt chị dâu thế nào ?

Vân Tiên đem Hứu Minh vào,

Nguyệt Nga đứng dậy miệng chào có duyên.

Minh rằng : « Tưởng chị ở Phiên,

« Quyết đem binh-mã qua miền Ô-qua.

« May dâu sum-hiệp một nhà,

« Giặc đà an giặc, khải ca (1) hồi trào (2) ».

Tiên rằng : « Nàng tinh thế nào ? »

Nàng rằng : « Anh hãy về trào tâu lên.

1.881.— « Ngỏ nhờ lượng cả bề trên,

« Lệnh tha tội trước mới nên về nhà ».

Trạng-nguyên từ-giã lão-bà,

Dặn-dò gọi lại Nguyệt Nga ít ngày :

« Ta về đem bức tượng này,

« Tâu cho khỏi tội rước ngay về nhà ».

Tiên, Minh trở ngựa đều ra,

Dem binh trở lại triều-ca đề-huề (3).

Sở-vương nghe trạng-nguyên về,

Sai quân tiếp rước vào kê bên ngai (4).

1.891.— Sở-vương bước xuống kim-giai,

Tay bưng chén rượu, thưởng tài trạng-nguyên.

(1) *Khải-ca* 凱歌 : Hát mừng thắng trận.

(2) *Hồi-trào* 回朝 : Trở về triều.

(3) *Đề-huề* 提攜 : Nắm tay nhau cùng đi.

(4) *Ngai* : Ngôi vua, chỗ vua ngự.

Phán rằng : « Trầm sợ nước Phiên,  
Có người Cốt Đột phép tiên lạ-lùng.

« Nay đã trừ Cốt Đột xong,

« Thiệt trời sinh Trạng giúp trong nước nhà.

« Phải chi trước có Trạng ra,

« Làm chi nên nổi Nguyệt Nga cố Hồ ».

Lệnh truyền mở yến (1) trào-dô (2),

Rày mừng trừ dặng giặc Ô qua rồi.

1.901.— Trạng-nguyên quì tấu một hồi,

Nguyệt Nga các việc khúc-nôi rõ-ràng.

Sở-vương nghe tấu ngõ-ngàng.

Phán rằng : « Trầm tưởng rằng nàng ở Phiên.

« Chẳng ngờ nàng với Trạng-nguyên,

« Cùng nhau trước có nhân-duyên (3) thừa đầu ».

Thái-sư trước bệ quì tâu :

« Ô-qua dấy động qua-mâu cũng vì,

« Trá hôn (4) oán ấy nên gây,

« Nguyệt Nga nàng thiệt tội thì khi quân (5) ».

(1) *Yến* 宴 : Tiệc rượu vui-vẻ, an-nghỉ.

(2) *Đô* 都 : Đất kinh-đô. *Trào-dô* : Đất ở triều.

(3) *Nhân-duyên* 姻緣 : Duyên phận vợ chồng lấy nhau.

(4) *Trá hôn* 詐婚 : Lừa dối trong cuộc cưới gả.

(5) *Khi quân* 欺君 : Lừa dối vua, vô lễ với vua.



1.911.— Trạng-nguyên mặt đỏ phùng-phùng,  
Bèn đem bức tượng qui dựng làm bằng (1).

Sở-vương xem tượng phán rằng :

« Nguyệt Nga trinh-tiết ví bằng người xưa.

« Thái-sư trước chẳng lo lừa (2),

« Thiếu chi dân thứ phải đưa tới nàng,

« Dầu cho nhật nguyệt (3) rõ-ràng,

« Khôn soi chấu úp cũng mang tiếng đời.

« Ngay gian sao cũng có trời,

« Việc này vì trẫm nghe lời nên oan.

1.921.— Trạng-nguyên tâu trước trào đàng (4) :

« Thái-sư trừ dưỡng (5) tôi gian trong nhà.

« Trịnh Hâm là đứa gian-tà,

« Hại tôi buổi trước cũng đã ghe phen ».

Sở-vương phán trước bệ tiền :

« Những ngờ tướng ngổ tôi hiền mà thôi.

« Vậy cũng đạo chúa nghĩa tôi,

« Thái-sư ý muốn cướp ngôi chín trùng (6).

(1) Bằng 憑 hoặc 馮 : Bằng cứ. Nhờ vào. Dựa vào.

(2) Lừa : Do chữ lựa chuyển ra.

(3) Nhật-nguyệt 日月 . Mặt trời, mặt trăng.

(4) Trào-đàng (đường) 朝堂 : Nơi triều-nội, vua và bầy tôi trung nhóm-họp.

(5) Trừ dưỡng 貯養 : Chứa cất, nuôi nấng.

(6) Chín-trùng : do chữ cửu-trùng 九重 : tức chín tầng trời : Chỗ ở của vua, nơi cao cả.

« Hán xưa có gã Đồng-công (1),

« Nuôi thẳng Lữ Bối cướp dòng nhà Lưu.

1.931.— « Đời xưa tôi nịnh biết bao,

« Thái-sư nay cũng khác nào đời xưa.

« Thấy người trung-chính (2) chẳng ưa,

« Rắp-ranh kể độc lập-lừa mưu sâu.

« Trịnh Hâm tội đáng chém đầu,

« Ấy là mới hết người sau gian-tà ».

Sở-vương phán trước trào ca,

Thái-sư cách chức về nhà làm dân.

Trịnh Hâm làm đứa bạo thần (3),

Giao cho quốc-trạng xử phán pháp-hình (4).

1.941.— Nguyệt Nga là gái tiết-trinh,

Sắc phong quận-chúa hiển-vinh rõ-ràng.

Kiều-công xưa mắc tội oan,

Trẫm cho phục chức (5) làm quan Đông-thành.

Trạng-nguyên đẹp giặc đã thành,

Kiệu trương tán phụng cho dành vinh-hoa (6).

Bãi châu chur tướng trở ra,

Trạng-nguyên mới hết đều qua dinh ngời.

(1) Đồng-công : Đồng-Trát đời Tam-quốc.

(2) Trung-chính 忠正 : Trung-cang chính-trực.

(3) Bạo thần 暴臣 : Kẻ bầy tôi hung-ác.

(4) Pháp-hình 法刑 : Chịu tội theo phép.

(5) Phục chức 復職 : Được trở lại chức-vụ cũ.

(6) Vinh-hoa 榮華 : Cỏ nở hoa là vinh, cây nở hoa là hoa. Lời khen người phú-quí vẻ-vang.



- Họ Vương, họ Hón, họ Bùi.  
 Cùng nhau uống rượu, đều vui, đều cười.
- 1.951.— Trạng-nguyên mới hỏi một lời :  
 « Trịnh Hàm tội ấy các người tính sao ? »  
 Truyền quân dẫn Trịnh Hàm vào,  
 Mặt nhìn khắp hết miệng chào các anh.  
 Minh rằng : « Ai mượn kêu anh ?  
 « Trước đã đem thói-chẳng lành thời thời.  
 « Kéo ra chém quách cho rồi,  
 « Để chi gai mắt đứng ngồi cắn gan ».  
 Trục rằng : « Minh nóng nói ngang,  
 « Giết ruồi đầu xúng gươm vàng làm chi.
- 1.961.— « Xưa nay mấy đứa vô nghì,  
 « Dầu cho có sống làm gì nên thân ? »  
 Hàm rằng : « Nhờ lượng cố-nhân (1),  
 « Vốn em mới đại một lần xin dung (2).  
 Trạng rằng : « Hễ đứng anh-hùng,  
 « Nào ai có giết đứa cùn làm chi.  
 « Thôi thôi ta cũng rộng suy,  
 « Truyền quân mở trời đuổi đi cho rồi.  
 Hàm rằng : « Khỏi giết rất vui,  
 « Vội vàng cúi lạy chân lui ra về.

(1) Cố-nhân 故人 : Người quen biết cũ.

(2) Dung 容 : Tha cho.

- 1971  
 1.791. — Còn người Bùi Kiệm máu dê,  
 Ngồi chai bẻ mặt như về thịt trâu.  
 Hón Minh, Tử Trục vào tàu,  
 Xin đưa quốc-trạng kịp châu vinh-qui (1).  
 Một người Bùi Kiệm chẳng đi,  
 Trong lòng hồ-thẹn mình vì máu dê.  
 Trạng-nguyên xe giá chỉnh-tề,  
 Sai quân hộ-vệ (2) rước về Nguyệt Nga.  
 Bạc vàng đem tạ lão-bà,  
 Nguyệt Nga từ-tạ thẳng qua Đông-thành.
- 1.981. — Võng điều, grom bạc, lọng xanh,  
 Trạng-nguyên, Tử Trục, Hón Minh lên đàng.  
 Trịnh Hàm về tới Hàn-giang,  
 Sóng thần nổi dậy thuyền chàng chìm ngay.  
 Trịnh Hàm bị cá nuốt rày.  
 Thiệt trời báo ứng (3) lẽ này rất ưng.  
 Thấy vậy nên đứng-dừng-dừng,  
 Làm người ai nấy thì đừng bắt nhân (4).  
 Tiểu-dồng trước giữ mờ-phần,  
 Ngày qua tháng lại đã gần ba năm.
- 1.991. — Cửa đi khuyển-giáo mấy năm,  
 Tính đem hài-cốt (5) về thăm quê nhà.

(1) Vinh-qui 榮歸 : Về-vang trở về.

(2) Hộ-vệ 護衛 : Theo giữ-gìn, che-chở.

(3) Báo ứng 報應 : Trả lại rất ưng những gì mà ta đã gây.

(4) Bắt nhân 不仁 : Chẳng có nhân. Người ác.

(5) Hài-cốt 骸骨 : Xương của người chết đã lâu.

mw  
 (any)  
 291



Hiềm chưa thuê đặng người ta,  
Còn đương thơ-thần vào ra Đại-dề.

Trạng-nguyên khi ấy đi về,  
Truyền quân bày tiệc, lo bề tế riêng :

« Tiều-đồng hồn hậu có thiêng,  
« Thảo tình thần tở lòng thiêng (1) ngày nay. »

Đọc văn nhớ tới châu mày,  
Đôi hàng luy ngọc tuôn ngay rờng rờng.

2.001. — Người ngay Trời Phát đống lòng,  
Phút đầu ngó thấy Tiều-đồng đến coi.

Trạng-nguyên còn hãy sứt-sùi,  
Ngó lên bài-vị (2) lại xui lòng phiền.

Tiều-đồng nhắm ngửa nhìn nghiêng :  
« Ông này sao giống Vân Tiên cũng kỳ ?

« Ông nào mất xuống âm-ti,  
« Ông nào còn sống nay thì làm quan ? . »

Trạng-nguyên khi ấy hỏi chàng :  
« Phải người Đồng-tử mắc nạn chốn ni ? . »

2.011. — Mấy năm tở mới gặp thầy,  
Cùng nhau kể nỗi đặng-cay từ ngắn.

« Ai dè còn thấy bần-quan (3),  
Ba nam gìn-giữ mồ hoang đã rồi. »

(1) *Thiêng* : Do chữ thành chuyển ra.

(2) *Bài-vị* : Biên tên tuổi người chết để thờ.

(3) *Bần-quan* 本官 : Tiếng các viên quan tự xưng ; ở đây là Vân Tiên được Tiều-đồng xưng.

Trạng-nguyên khi ấy mừng vui,  
Tở thầy sum-hiệp tại nơi Đại-dề.

Đoạn thôi xe giá ra về.

Tuần-du (1) phút đã gần kề Hàn-giang.

Võ-Công từ xuống suối vàng,

Thê Loan cùng mẹ Quỳnh Trang đeo sầu.

2.021. — Mẹ con những mắng lo âu,  
Nghe Vân Tiên sống gặp châu công-danh.

Cùng ta xưa có ân-tình,

Phải ra đón rước lộ-trình (2) họa may.

Loan rằng : « Minh ở chẳng hay,

« E người còn nhớ những ngày trong hang ».

Trang rằng : « Con có hồng-nhan (3),

« Cho chàng thấy mặt thời chàng cũng ưa.

« Vì dẫu còn nhớ tích xưa,

« Mẹ con ta lại đồ thừa Võ-Công »,

2.031. — Cùng nhau bàn-luận đã xong,

Soi gương đánh phấn ra phòng rước duyên.

Nay đà tới thứ Trạng-nguyên,

Hàn-giang đã tới bỗng liền đóng quân.

Bạc vàng, châu báu, áo quần,

Trạng-nguyên đem tạ đáp ân ngư, tiều.

(1) *Tuần-du* 巡遊 : Qua lại rong chơi để xem-xét.

(2) *Lộ-trình* 路程 : Trên đường.

(3) *Hồng-nhan* 紅顏 : Gương mặt tươi-đẹp.



Ngư, tiều nay dặng danh bêu (1),  
 Ơn ra một buổi của nhiều trăm xe.

Trạng-nguyên chưa kịp trở về,  
 Thấy Quỳnh Trang đã đứng kề trong quân.

2.041. — Trang rằng : « Tưởng chữ hôn-nhân (2),  
 « Mẹ con tôi đến lễ mừng Trạng-nguyên.  
 « Võ-Công đã xuống huỳnh-tuyền (3),  
 « Xin thương lấy chút thuyền-quyên (4) phận  
 này ».

Trạng rằng : « Bưng bát nước đầy,  
 « Đổ ngay xuống đất hốt rày sao xong.

« Oan-gia (5) nợ ấy trả xong,  
 « Thiếu chi nên nổi mà mong tới đời ».

Hón Minh, Tử Trục đứng coi,  
 Cười rằng : « Hoa khéo làm mỗi trêu ong.

2.051. — « Khen cho lòng chẳng thẹn lòng,  
 « Còn đem mặt đến đèo-bông nổi chi ?  
 « Ca-ca (6) sao chẳng chịu đi,

(1) Biêu : Bày ra đều khắp.

(2) Hôn-nhân 婚姻 : Hai nhà kết thân. Tình thông-gia.

(3) Huỳnh (hoàng) tuyền 黄泉 : Suối vàng. Cõi chết.

(4) Thuyền-quyên 婢娟 hoặc 婢娟 : Dáng đẹp-đẽ dễ  
 thương. Nguyên nói chung về người và vật, song thường  
 dùng để nói chung về đàn-bà con gái.

(5) Oan-gia 冤家 : Người thù-hằn.

(6) Ca-ca 哥哥 : Anh.

« Về cho tầu-tầu (1) để khi xách giày ».

Mẹ con đứng thẹn-thường thay,  
 Vội-vàng cuối lạy chân rày trở ra.

Trở về chưa kịp tới nhà,  
 Thấy hai con cọt chạy ra đón đàng.

Thấy đều bắt mẹ con nàng,  
 Dem vào lại bỏ trong hang Thương-tòng.

2.061. — Bốn bề đá lấp bịt-bùng,  
 Mẹ con than-khóc khôn trông ra rồi.

Trời kia quả báo (2) mấy hồi,  
 Tiếc công son diễm phẫn đỗi bấy lâu.

Làm người cho biết ngãi (3) sâu,  
 Gặp cơn hoạn-nạn (4) cùng nhau cho tròn.

Đừng đừng theo thói mẹ con,  
 Thác đà mắt kiếp, tiếng còn bia danh.

Trạng-nguyên về tới Đông-thành,  
 Lục-ông trước đã xây dinh ở làng.

2.071. — Bày ra sáu lễ sẵn-sàng,  
 Các quan đi họ cưới nàng Nguyệt Nga.

(1) Tầu-tầu 嫂嫂 : Chị dâu.

(2) Quả-báo 果報 : Kết-quả đối lại việc đã gây ra.

(3) Ngãi (nghĩa) hoặc chuyền ra nghĩa, hoặc khi đọc  
 là ngời.

(4) Hoạn-nạn 患難 : Tai-nạn khốn-khở.

(5) Sáu lễ : Lục lễ 六禮 : Sáu lễ trong việc gả cưới :  
 Nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp trưng, thỉnh kỳ, thân  
 nghênh. Tức là tuần tự đi từ việc chạm ngõ, hỏi tên họ, nhà  
 trai vào nhà thờ để làm lễ, đem lễ vật cho đàng gái tức đám  
 hỏi hay đám nói, định ngày và đến lễ rước dâu là xong việc  
 cưới xin.



Sui-gia đã xứng sui-gia,  
 Rày mừng hai họ một nhà thành thân.  
 Trăm năm biết mấy tinh-thần,  
 Sinh con sau nối gót lân (1) đời đời.

= H Ể T =

(1) Gót lân : Lân-chỉ 麟趾 : Con cháu nhà sang cả, cao quý. Xuất xứ nơi một bài trong thiên Chu Nam ở Kinh Thi, nói con cháu vua Văn-vương nhà Chu đều hòa thiện.

**Tóm-thuật đoạn XXI.** — Đây nói về nàng Nguyệt Nga náu mình chốn hẻo-lánh cô-đơn, nhờ tin vào lời Phật-bà Quan-Âm mà gượng sống vui.

Lật-bật thêm mấy năm trôi qua : Nguyệt Nga nóng ruột, than-thở khôn cùng, lại ôm mỗi nghi mộng-triệu là huyền-hoặc không đủ tin.

Một đêm còn đang trần-trọc, Nguyệt Nga xáy nghe tiếng nhạc ngựa reo vang, rồi có tiếng người gõ cửa, hỏi đường.

Nguyệt Nga sợ-hãi. Lão-đà ra mở cửa. Ấy là Văn Tiên đuổi gặc lạc đường đến đó.

Cùng thấy mặt nhau, Nguyệt Nga ngờ-ngợ, Văn Tiên sưng-sờ.

Trông lên bức tượng treo trên bàn thờ, rõ-ràng người ấy, người ấy, người này chớ ai, Văn Tiên gay chuyện uôm lời, hỏi lẽ.

Tượng kia đã hẳn là tượng Văn Tiên. Văn Tiên nghe chính Nguyệt Nga đáp lời mình mà cảm. Và Nguyệt Nga xưng tên họ. Văn Tiên cảm-xúc đến không còn tự-chủ mà quì lạy bạn tình.

Chiêm-bao hay thật ? Uên-ương đòi lừa mừng mừng tử tử.

Nguyệt Nga xin Văn Tiên hãy về tàu xin tội khi quân của nàng rồi sẽ rước về.

Văn Tiên về trào, ơn đền oán trả.

Kiều-công được phục chức. Thái-công bị đuổi về làng.

Văn Tiên tha giết cho Trịnh Hàm. Nhưng Trịnh Hàm về đến Hàn-giang thì thuyền chìm, bị cá nuốt.

Văn Tiên — Nguyệt Nga sum-hiệp. Bùi Kiệm máu dê thấy cảnh bắt sượng-sùng.

Hai mẹ con Quỳnh Trang với Thê Loan lại chường mặt rước duyên. Văn Tiên đuổi mắng. Hôn Minh, Tử Trục chêm lời cười-cợt nặng-nề.

Hồ-then biết đề đâu cho hết. Mẹ con nhà ấy lui-thủi trở về : đến nửa đường thì lại bị hai ông hồ bắt đem bỏ vào hang Thương-lòng là nơi đã nhốt Văn Tiên ngày nọ.

Lão chài với lão tiều được báo ơn. Gã tiều-đồng hết lòng trung-thành với chủ lại mừng được thấy chủ còn sống, trong khi Văn Tiên cũng tưởng tiều-đồng đã bị hại rồi mà mở cuộc làm chay siêu-độ cho gã tở trung.

Đẹp mặt trai lành gái lối. Muốn năm tỏ-rõ lẽ báo ứng đạo trời.



# MỤC LỤC

	TRANG
<i>Mấy lời trần-tinh . . . . .</i>	III
<i>Tiêu-sử Đờ Chiêu. . . . .</i>	V
I. — Vân Tiên tạ thầy xin về đi thi. . . . .	15
II. — Vân Tiên lên đường gặp lũ sơn-đài . . . . .	25
III. — Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga . . . . .	30
IV. — Nguyệt Nga về Hà-khé. . . . .	37
V. — Vân Tiên đi thi . . . . .	42
VI. — Vân Tiên đề Hón Minh đi trước, mình về thăm nhà đã . . . . .	44
VII. — Vân Tiên ra đi thi, ghé Võ-công gặp bạn . . . . .	46
VIII. — Vân Tiên từ tạ Võ-công, Thê Loan lên đường ra kinh, gặp Vương Tử-Trực, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm . . . . .	54
IX. — Vân Tiên được tin mẹ chết, quày trở về . . . . .	66
X. — Trịnh Hâm hại Vân Tiên, trói tiều-đồng trong rừng, xô Vân Tiên xuống sông . . . . .	84
XI. — Ngư-ông vớt Vân Tiên lên, đưa về nhà Võ-công . . . . .	90
XII. — Võ-công giả đưa về Đông-thành, đem Vân Tiên bỏ trong hang Thương-tòng. . . . .	95
XIII. — Du-thần cứu ra khỏi hang, gặp lão tiều công Vân Tiên về nhà. . . . .	98

XIV. — Hón Minh đem Vân Tiên về chùa . . . . .	101
XV. — Nguyệt Nga nghe tin Vân Tiên mất, buồn rầu khóc-than. . . . .	110
XVI. — Thái-sư đi nói Nguyệt Nga cho con không được, nên oán mà xin vua đòi đi cống Hồ . . . . .	116
XVII. — Nguyệt Nga nhảy xuống sông nhờ Quan-Âm đem vô bờ, vào vườn gặp Bùi-ông đem về nuôi, bị Bùi Kiệm dỗ ngon dỗ ngọt. . . . .	124
XVIII. — Nguyệt Nga trốn họ Bùi, Lão-bà gặp đem về nuôi. . . . .	132
XIX. — Vân Tiên nhờ thuốc tiên sáng mắt, bỏ chùa, từ Hón Minh đi về thăm cha. . . . .	134
XX. — Vân Tiên thi đậu Trạng-nguyên, vua sai đi dẹp giặc với Hón Minh . . . . .	139
XXI. — Vân Tiên gặp Nguyệt Nga, về tàu vua — ơn đền oán trả rồi về vinh-qui cưới Nguyệt Nga. . . . .	144
<i>MỤC LỤC. . . . .</i>	160



# NHÀ XUẤT - BẢN TÂN VIỆT

sáng-lập năm 1937



với sự hợp-tác của các học-giả và  
nhà-văn danh-tiếng Trung, Nam, Bắc:

đã xuất-bản trên 350 thứ  
sách chia ra làm nhiều loại.

Hiện còn những thứ mới

## I. — SÁCH GIÁO-KHOA

### A. — LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

1. — *Việt-Nam Sử-Lược* của Trần trọng Kim (lần thứ năm)  
(Nam-Việt 150đ. — Ngoài Nam-Việt 160đ.)
2. — *Việt-Nam Văn-Phạm* của ba ông :  
Phạm Duy Khiêm Bùi Kỷ và Trần trọng Kim  
(Hết sắp in lại)
3. — *Quồn-Văn Cụ-Thể* của Ưu-Thiên Bùi-Kỷ  
(In trên giấy trắng — Giá 48đ.)
4. — *Việt-Thi* của Trần trọng Kim  
(Giá 18đ. — Ngoài Nam-Việt 20đ.)
5. — *Đờng-Thi* của Trần trọng Kim  
(Giá 55đ. — Ngoài Nam-Việt 60đ.)
6. — *Tiểu-Học Việt-Nam Văn-Phạm* của Trần trọng Kim  
Bùi Kỷ, Nguyễn quang Oánh (in lần thứ ba)  
(Giá 22đ. — Ngoài Nam-Việt 24đ.)
7. — *Sơ-Học Luân-Lý* của Trần trọng Kim  
(Giá 23đ. — Ngoài Nam-Việt 26đ.)
8. — *Việt-Nam Thi-Văn Giảng-Luận*  
của Hà như Chi — Giáo-sư trường Trung-học Khải-  
Định — Huế.  
(Dùng trong các lớp Trung-học Đệ-nhất cấp và Đệ-  
nhị cấp).  
*Tập ★* (Từ khởi-thủy đến cuối thế-kỷ 18). Gồm có  
những luận-đề về : Ca-dao và Tục-ngữ — Truyện  
Trình Thử — Truyện Trê Cóc — Nguyễn Trãi — Vua  
Lê thánh Tôn — Nguyễn bình Khiêm — Nguyễn  
Hãng — Lê quý Đôn — Đoàn thị Điểm — Ôn như  
Hầu — Nguyễn huy Tự — Lê thị Ngọc Hân.  
(Giá Nam Việt 65đ. các nơi 70đ.)

9. — *Việt-nam thi-văn giảng-luận*  
*Tập ★ ★* (Thế-kỷ thứ 19). Gồm có những luận-đề về :  
Nguyễn Du — Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh  
Quan — Nguyễn công Trứ — Cao bá Quát — Cao  
bá Nha — Phan huy Vịnh — Nguyễn đình Chiểu —  
Tôn thọ Trường — Chu mạnh Trinh — Nguyễn  
Khuyến — và Trần tế Xương.  
(Hết — Sắp in lại lần thứ hai)

10. — *Việt-nam văn-học giảng-bình* của Phạm văn Diêu  
giáo-sư trường Trung-học Khải Định — Huế  
Một khoa bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-  
sinh Đệ-tứ và Đệ-nhị chuyên khoa.  
(Giá 50đ. — Ngoài Nam Việt 55đ.)

### B. — LOẠI CỜ VĂN CHÚ-THÍCH

1. — *Truyện Thúy Kiều* của Nguyễn Du  
do Bùi Kỷ và Trần trọng Kim hiệu-khảo (in lần thứ sáu)  
(Hết — Sắp in lại lần thứ bảy)
2. — *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn huy Tự  
do cụ Tôn thất Lương chú-thích.  
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)
3. — *Chinh Phụ Ngâm Khúc* của Đoàn thị Điểm  
do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ ba)  
(Giá N. V. 32đ. — Các nơi 35đ.)
4. — *Cung Oản Ngâm Khúc*  
do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ tư)  
(Giá N. V. 16đ. — Các nơi 17đ.)
5. — *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu, sửa đúng theo  
bản P. J. B. Trương vĩnh Ký phát hành năm 1889  
có thêm phần chú thích (in lần thứ ba).  
(In trên giấy trắng giá 48đ.)
6. — *Truyện Trê Cóc*  
do cụ Bùi Kỷ hiệu-đính (in lần thứ ba)  
(In trên giấy trắng giá 14đ.)
7. — *Truyện Trình Thử*  
do cụ Bùi Kỷ hiệu-đính (in lần thứ hai)  
Giá N. V. 11đ. — Các nơi 12đ.)
8. — *Lục Súc Tranh Công*  
do cụ Bùi Kỷ hiệu-đính (in lần thứ ba)  
(Giá 6đ. — Ngoài Nam Việt 7đ.)
9. — *Truyện PhanTrần* do Thi-Nham chú-thích (lần thứ hai)  
(Giá 16đ — Ngoài Nam Việt 17đ.)
10. — *Nguyễn Cư Trinh* với quyền *Sãi Vãi* do hai ông  
Lê ngọc Trụ và Phạm văn Luật chú-thích và dẫn-giải.  
(Giá 20đ. — Ngoài Nam Việt 22đ.)



11. — *Hoa Diệu Tranh Năng*  
do cụ Bùi Kỳ hiệu-định.  
(Giá 5đ. — Ngoài Nam Việt 6đ.)
12. — *Hạnh Thực Ca* của Nguyễn nhược Thị  
do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chú-thích.  
(Giá 9đ. — Ngoài Nam Việt 10đ.)
13. — *Ngư Tiều Vấn Đáp Y-Thuyết* của cụ ĐỖ CHIỀU  
(tác-giả Lục Vân Tiên) do Phan văn Hùm hiệu-định  
và chú-thích — Nhượng Tống tặng-bình bồ-chú.  
(Giá Nam Việt 60đ. — Các nơi 65đ.)
14. — *Nhị Độ Mai* do Thi Nham định-chính và chú-thích,  
(In lần thứ hai trên giấy trắng giá 48đ.)
15. — *Bích Câu Kỳ Ngộ* do Thi Nham  
định-chính và chú-thích (in lần thứ hai)  
(Giá Nam Việt 14đ — Các nơi 15đ.)
16. — *Nữ Tú Tài* và *Bản nữ thân* do Thi Nham chú-thích  
(Giá 14đ. — Ngoài Nam Việt 15đ.)
17. — *Gia Huấn Ca* do Thi Nham chú-thích.  
(Giá 10đ. — Ngoài Nam Việt 11đ.)
18. — *Nhị Thập Tứ Hiếu* do Cao huy Giu chú-thích.  
(In trên giấy trắng-giá 18đ.)
19. — *Quan Âm Thị Kính* do Thi Nham chú-thích.  
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

## II. — SÁCH GIAO-KHOA QUỐC-TẾ

Mời có bán

**Thằng người gỗ** tức là quyển « Les Aventures de Pinocchio ». Bản dịch của Bửu Kế.

**Được giải nhất cuộc thi tiểu-thuyết của Hội phụ-huynh học-sinh Việt-nam.**

Họa-sĩ Mạnh Quỳnh minh-họa. Ấn-loát : 36 hình màu, 17 hình đen. Bìa in Offset 5 màu  
(Giá Nam Việt 36đ. — Các nơi 39đ.)

## III. — SÁCH KHẢO-CỨU

1. — *Vương Dương Minh* của Đào trình Nhất  
(Giá 32đ. — Ngoài Nam Việt 36đ.)
2. — *Việt Sử Giai Thoại* của Đào trình Nhất  
(Giá 20đ. — Ngoài Nam Việt 22đ.)
3. — *Tinh Thần Khoa Học* của Nguyễn văn Tài  
(Giải thưởng Gia-Long năm 1943)  
(Giá 17đ. — Ngoài Nam Việt 19đ.)

4. — *Phật-giáo* của cụ Trần trọng Kim  
(Giá 18đ. — Ngoài Nam Việt 20đ.)
5. — *Phật-giáo xưa và Phật-giáo ngày nay*  
của cụ Trần trọng Kim.  
(Giá 13đ. — Ngoài Nam Việt 14đ.)
6. — *Nho-giáo* (Quyền thượng) của cụ Trần trọng Kim  
(Giá 80đ. — Ngoài Nam Việt 90đ.)

## Sắp có bán :

*Nho-Giáo* (quyền hạ) của cụ Trần trọng Kim

## IV. — GIÓ BỐN PHƯƠNG

1. — *Trên đường Giải-Phóng* của nhà văn-hào Cao-ly Younghill Kang — Bản dịch của Phạm trọng Nhân  
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)
2. — *Mái Tây* (Tây Sương ký)  
một trong lục tài-tử của Tàu. Áng văn dịch bất hủ của Nhượng Tống.  
(Giá 55đ. — Ngoài Nam Việt 60đ)

## V. — THI-NHÂN VIỆT-NAM

1. — *Hàn Mạc Tử* — khảo cứu của Trần thanh Mai  
(Giá 32đ — Ngoài Nam Việt 34đ.)

## VI. — TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM

1. — *Truyện Kỳ Mạn Lục* (toàn tập)  
Tập truyện cổ Việt Nam mà cụ Vũ khâm Lân đã cho là một « Thiên cổ kỳ bút »  
Bản dịch của Trúc Khê — Ngô văn Triện  
(Giá 40đ. — Ngoài Nam Việt 43đ.)

## VII. — SÁCH GIÁO-KHOA — BẠC TIÊU-HỌC

(Soạn đúng theo chương-trình mới của Bộ Quốc Gia Giáo-dục)

## Đã có bán :

Việt Sử lớp Ba 18đ.  
lớp Nhì 28đ.  
lớp Nhứt 15đ.



LỤC VĂN TIÊN in  
lần thứ ba do nhà  
TÂN-VIỆT xuất-bản—  
in tại nhà in riêng của  
nhà xuất - bản TÂN  
VIỆT giấy phép xuất-  
bản số 960 T.X,B. của  
nhà Thông Tin Nam Việt



# NHÀ XUẤT - BẢN TÂN VIỆT

SÁNG-LẬP NĂM 1937

Đã xuất-bản trên 350 thứ sách giá-trị

## SÁCH GIÁO - KHOA "TÂN VIỆT"

Loại cô văn chú-thích và dân-giải

### ĐÃ CÓ BẢN

- |                        |                                 |
|------------------------|---------------------------------|
| 1. Truyện Thúy Kiều    | 10. Nguyễn Cư Trinh với Sài Vãi |
| 2. Truyện Hoa Tiên     | 11. Hoa điều tranh năng         |
| 3. Chinh-phụ ngâm-khúc | 12. Hạnh-thục ca                |
| 4. Cung-oán ngâm-khúc  | 13. Ngự Tiêu vấn-đáp Y-thuật    |
| 5. Lục Vân Tiên        | 14. Nhị độ Mai                  |
| 6. Truyện Trê Cóc      | 15. Bích-câu kỳ ngộ             |
| 7. Truyện Trinh Thử    | 16. Nữ Tú-Tài và Bàn nữ thần    |
| 8. Lục súc tranh công  | 17. Gia huấn ca                 |
| 9. Truyện Phan Trần    | 18. Nhị-thập tứ hiệu            |
|                        | 19. Quan-Âm Thị Kính            |

### CÒN MỘT SỐ ÍT

## VIỆT - NAM SỬ LƯỢC

(In lần thứ năm)

của Cụ

TRẦN TRỌNG KIM

## NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

20, Nguyễn an Ninh (Amiral Courbet cũ) Saigon

Giấy phép xuất-bản  
Số 960/T.X.B.  
của Bộ Thông-Tin  
Nam Việt

LỤC VÂN TIÊN

In lần thứ ba  
trên giấy trắng đẹp

Giá } Nam Việt... 48 \$ 00  
      } Các nơi.... 50 \$ 00